

8cm



Viet Nalanda Foundation

(trước đây còn có tên là Viet Vajra Foundation) là một tổ chức bất vụ lợi 501(c)3 được thành lập vào năm 2006 tại Maryland, Hoa Kỳ để tạo nhịp cầu giữa những Phật tử người Việt có duyên với Kim Cương Thừa trên khắp thế giới. Viet Nalanda Foundation cổ xúy tinh thần bất bộ phái, tôn trọng chư Đạo Sư cùng các Giáo Pháp đặc thù của tất cả các thừa trong Phật đạo, kể cả bốn trường phái của Phật Giáo Tây Tạng bao gồm Nyingma, Sakya, Kagyu và Gelug.

Vào năm 2016, Dự Án Dịch Thuật Quiet Wisdom Translation Project đã được Viet Nalanda Foundation khởi xướng để trân trọng ủng hộ và tài trợ các dịch giả người Việt trong sứ mạng chuyển ngữ các tài liệu, kinh sách Phật Giáo, đặc biệt là Phật Giáo Tây Tạng, ngõ hầu có thể chia sẻ chánh pháp với những ai hữu duyên. Với tâm nguyện chân thành, Dự Án đặc biệt khuyến khích các dịch giả trẻ hãy tìm hiểu và phát tâm tham gia.

Trang nhà Viet Nalanda Foundation (VNF): <http://www.vietnalanda.org>
Dự Án Dịch Thuật Tuệ Tĩnh - Quiet Wisdom Translation Project: <http://www.vietnalanda.org/dhe-an/dich-thuat-quiet-wisdom>
Diễn đàn Viet Nalanda: https://groups.yahoo.com/neo/groups/Viet_Nalanda
Liên lạc điện thư: vietnalanda@gmail.com hoặc quietwisdomtranslation@gmail.com

"Dịch thuật là một cuộc hành trình xuyên qua một đại dương, từ bờ này qua đến bờ kia." (Amara Lakhou)

Nguyện cho Dự Án Dịch Thuật Tuệ Tĩnh - Quiet Wisdom Translation Project có thể đồng hành cùng người dịch lẫn người đọc trong những cuộc hành trình xuyên qua biển lớn tâm linh.

14.8cm

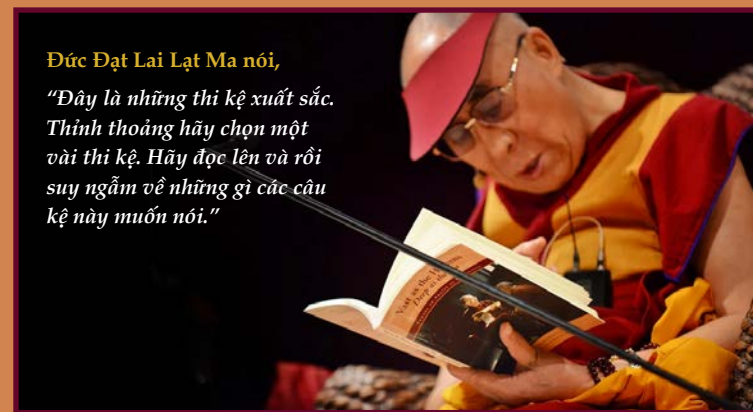
Ai có thể đo được bầu trời bằng một cái thước?
Ai có thể đong được đại dương với một cái ly?
Ai có thể phân tích được sự vận hành của nghiệp đến từ tâm mình?
Ai có thể giảng giải trọn vẹn sự vĩ đại của Bồ Đề Tâm vô thượng?

Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi lòng dũng cảm bắt đầu phai,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi sự nhiệt tình phụng sự người khác bị sắt giảm,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi trở nên biếng nhác,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi kiệt sức tàn hơi.



Khi nghĩ rằng "Tôi là một Bồ Tát,"

Thì đừng khinh miệt ngay đến cả một con côn trùng.
Chúng ta được dạy là Bồ Đề Tâm tối thượng
Cũng ngập tràn trong mỗi chúng sanh đang lang thang.



Đức Đạt Lai Lạt Ma nói,
"Đây là những thi kệ xuất sắc.
Thỉnh thoảng hãy chọn một
vài thi kệ. Hãy đọc lên và rồi
suy ngẫm về những gì các câu
kệ này muốn nói."

Không có gì nghi ngờ về việc Đức Đạt Lai Lạt Ma đã vô cùng ngưỡng mộ thi kệ Ngon Đền Châu Báu - Bao La Như Bầu Trời, Thắm Sâu Như Biển Cả: Thi Kệ Tán Thán Bồ Đề Tâm do Khunu Rinpoche trước tác. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã viết lời tựa ngắn cho ấn phẩm đầu tiên bằng Tạng ngữ xuất bản vào năm 1996 tại thành Ba La Nại (Varanasi) do chị ruột của Ngài là bà Tsering Dolma bảo trợ ấn tống, và nhiều lần Ngài đã đọc to các thi kệ này lên trong các cuộc hội họp của người Tây Tạng. Trong phần luận giải, Đức Đạt Lai Lạt Ma đề nghị người đọc những thi kệ này không phải chỉ đọc sướng rồi xếp qua một bên, mà hãy xem đó như là một lời nhắc nhở về sự quan trọng của từ bi tâm.

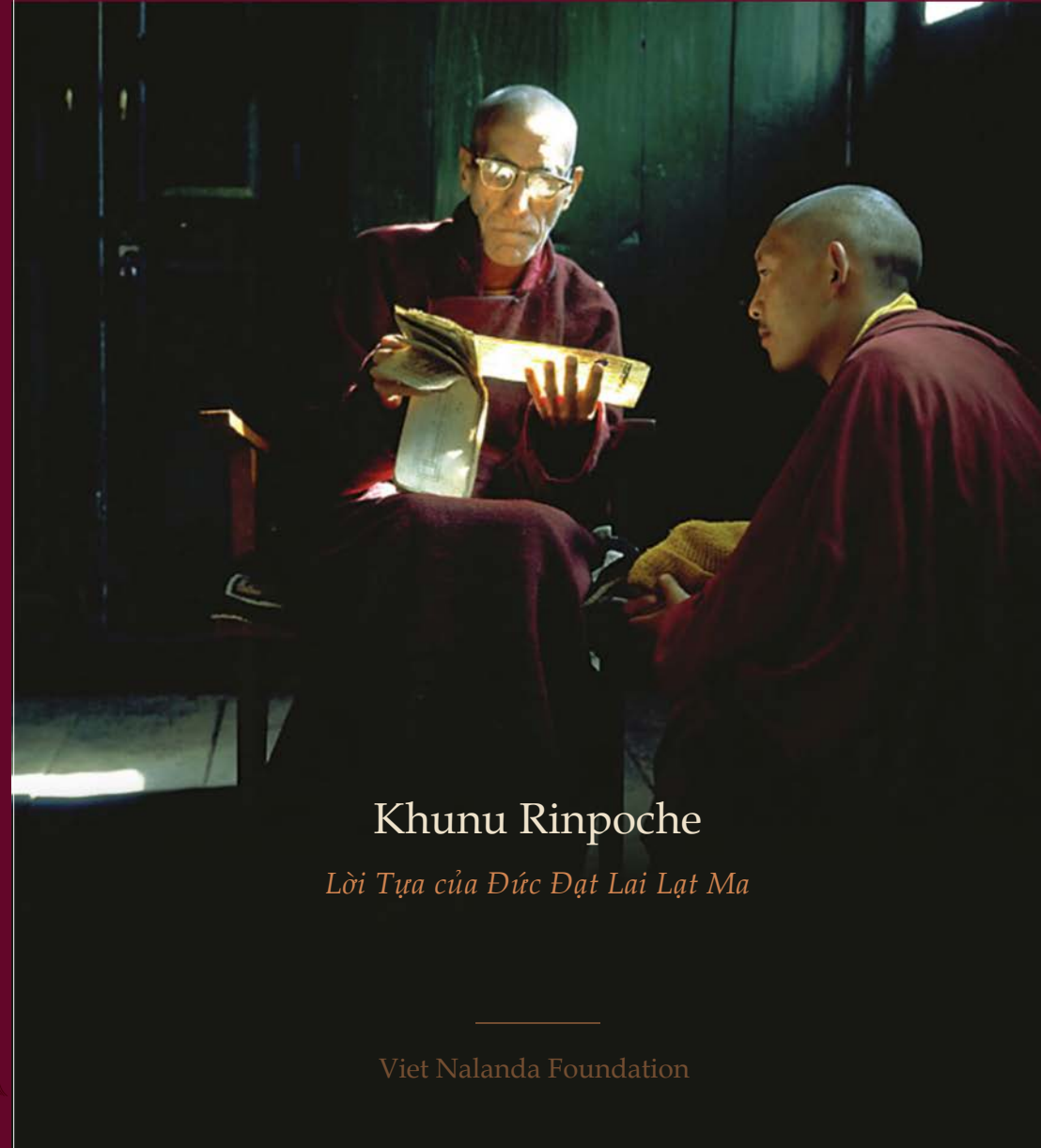
Quiet Wisdom Translation Project
Viet Nalanda Foundation
For Free Distribution
ISBN #978-1-937175-12-2

KHUNU
RINPOCHE

BAO LA NHƯ BẦU TRỜI THẨM SÂU NHƯ BIỂN CẢ
Thi kệ xưng tán Bồ Đề Tâm

Bao la như Bầu trời Thắm sâu như Biển cả

Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm



Khunu Rinpoche

Lời Tựa của Đức Đạt Lai Lạt Ma

Viet Nalanda Foundation

8cm



Bồ Đề Tâm Vương,
Tâm tối thượng, tâm vô cùng trân quý,
Nơi tâm ấy chưa sinh,
Xin cho tâm ấy nảy sinh,
Nơi tâm ấy đã sinh,
Xin cho tâm ấy đừng bao giờ
thoái chuyển,
Mà vĩnh viễn mỗi ngày một vươn lên,
vươn lên cao hơn...

(Bồ Đề Tâm nguyện - Nguyễn Hữu Hiệu dịch)

For Free Distribution Only

21cm

Format A5 khổ thành phẩm (14.8cm x 21cm)

VAST AS THE HEAVENS

DEEP AS THE SEA

Verses in Praise of Bodhicitta

**BAO LA NHƯ BẦU TRỜI
THẨM SÂU NHƯ BIỂN CẢ**

Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm

Khunu Rinpoche

Chuyển từ Tạng ngữ sang Anh ngữ

THUBTEN THARDO
(Gareth Sparham)

Chuyển từ Anh ngữ sang Việt Ngữ

MAI TUYẾT ÁNH

Hiệu đính sơ khởi

Cao Thanh Dung

Với sự góp ý của Huyền Đoàn và Sơn Ý

Tổng hiệu đính

Tâm Bảo Đan

Quiet Wisdom Translation Project

VIET NALANDA FOUNDATION

Vast as the Heavens, Deep as the Sea:

Verses in Praise of Bodhicitta

Tác giả: Khunu Rinpoche

Dịch giả Anh Ngữ: THUBTEN THARDO (Gareth Sparham)

Nhà xuất bản: Wisdom Publications (Boston, USA)

ISBN 978-0-86171-146-8

Bao La Như Bầu Trời, Thẳm Sâu Như Biển Cả:

Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm

Dịch giả Việt ngữ: Mai Tuyết Ánh

Hiệu đính sơ khởi: Cao Thanh Dung

Với sự góp ý của Huyền Đoàn và Sơn Ý

Tổng hiệu đính: Tâm Bảo Đàn

Viet Nalanda Foundation ấn tống và phát hành

ISBN 978-1-937175-12-2

Dự Án Dịch Thuật Quiet Wisdom Translation Project—Viet Nalanda Foundation được sự đồng thuận của Wisdom Publications để chuyển dịch tác phẩm này từ Anh ngữ sang Việt ngữ.



MỤC LỤC

Cơ Duyên và Cảm Tạ	07
Lời Cảm Tạ của Dịch Giả từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Anh	12
Lời Giới Thiệu của Dịch Giả Anh ngữ	14
Lời Tựa của Đức Đạt Lai Lạt Ma	59
Bao La Như Bầu Trời, Thẳm Sâu Như Biển Cả	67

Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm
(*Ngọn Đèn Châu Báu Xưng Tán Bồ Đề Tâm*)

Cơ duyên và Cảm tạ

Đi nhiều nơi trên thế giới với Từ Bi Tâm, Đức Dalai Lama thứ 14 thường hay nhắc những câu kệ của Ngài Tịch Thiên (Shantideva):

*Khi nào thế giới này còn,
Chúng sanh vẫn còn hiện hữu
Con tha thiết nguyện xin ở lại
Để xóa tan đau khổ trần gian.*

Chắc không ít người trong chúng ta tự hỏi mình làm được gì đây trong thế giới vốn ngập đầy trầm luân, khổ ải và bất an này. Trong chuyến hoằng pháp tại Úc Châu và Tân Tây Lan vào tháng 6 năm 2013, Đức Dalai Lama đã thuyết pháp tại Auckland – Tân Tây Lan và Sydney, Darwin, Melbourne, Adelaide – Úc Đại Lợi với nhiều đề tài khác nhau.

Tôi lại được thêm một thuận duyên nữa, thêm một lần được là thông dịch viên cho Đức Dalai Lama từ tiếng Anh sang tiếng Việt tại Auckland (New Zealand), Sydney và Darwin (Australia). Tại Sydney, Ngài cũng đã dành riêng nửa giờ với cộng đồng Phật tử Việt Nam. Tôi không nghĩ là mình có đủ khả năng Phật học để thông dịch mà chẳng gặp một trở ngại nào. Tôi cũng tin là có

nhều người thông thạo hơn nhưng dường như phần duyên chưa đến nên họ chưa có dịp tỏ bày. Pháp danh của tôi là Nguyên Từ; ba mẹ đem tôi lên chùa quy y từ lúc nhỏ nên không làm sao tôi nhớ được tên của thầy Bổn Sư. Sang đến Sydney tôi đã đành lễ Đức Dalai Lama thứ 14, xin quy y và được ban cho pháp danh là Tenzin Yangchen với chính thủ bút của Ngài.

“*Bao La Như Bầu Trời – Thẳm Sâu Như Biển Cả – Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm*” (*Vast as the Heavens – Deep as the Sea – Verses In Praise Of Bodhicitta*) là tiêu đề chính của chương trình thuyết pháp của Đức Dalai Lama tại Sydney, từ nội dung của một tập thi kệ do Khunu Rinpoche sáng tác để xưng tán Bồ Đề Tâm như ngọn đèn quý báu cho người tu tập theo những lời dạy của Đức Phật.

Thi kệ “*Bao La Như Bầu Trời – Thẳm Sâu Như Biển Cả – Ngọn Đèn Châu Báu – Xưng Tán Bồ Đề Tâm*” (*Vast as the Heaven Deep as the Sea – The Jewel Lamp – A Praise of Bodhicitta*) này do Lama Tenzin Gyaltsen sáng tác tại Ba La Nại (Varanasi), Ấn Độ. (Tenzin Gyalsten được biết nhiều hơn với tên danh dự là Khunu Rinpoche – “Người cao quý ở vùng Kinnaur” – hoặc Negi Lama). Bản tiếng Việt này được dịch từ bản Anh Ngữ do Gareth Sparham

chuyển ngữ từ tiếng Tây Tạng (nhà xuất bản Wisdom Publications, Boston - USA ấn hành vào năm 1999).

Bồ Đề Tâm hay Tâm Giác Ngộ là hạnh nguyện của tâm vị tha mong đạt được giác ngộ cho mình, cho người và luôn vì lợi ích cho tha nhân.

Tập thi kệ gồm có 356 bài kệ, mỗi bài kệ gồm có 4 câu, tôi đã dịch sang tiếng Việt để có thể theo dõi nhanh hơn phần thuyết giảng của Đức Dalai Lama trong 3 ngày, mỗi ngày 2 thời và mỗi thời 2 giờ.

Theo một tự điển Phật học, Bồ Đề Tâm là tâm hướng về giác ngộ, và đối với Phật giáo Tây Tạng thì Bồ Đề Tâm có hai dạng: Bồ Đề Tâm tương đối và Bồ Đề Tâm tối thượng. Bồ Đề Tâm tương đối lại được chia làm hai cấp bậc: thứ nhất – xuất phát từ lòng từ bi nên hành giả tu tập với hạnh nguyện trợ giúp mọi người, thứ hai – hành giả thực hành thiền để đạt được những phương tiện thiện xảo và để biến ước mơ thành hiện thực. Bồ Đề Tâm tối thượng chính là sự chứng ngộ về tánh không của mọi hiện tượng.

Những điều cần thiết cho người hành trì giáo pháp được đề cập qua từng đoạn thi kệ. Những lợi ích khi phát Bồ Đề Tâm được nhấn mạnh trong toàn bộ nội dung từ đầu đến cuối, điển hình như những thi kệ sau đây:

Thi kệ thứ 181:

*Luận sách y khoa dạy
Cách chữa lành bệnh tật cho người đau ốm.
Luận sách Phật giáo Đại thừa dạy
Bồ Đề Tâm để diệt trừ phiền não trên đời.*

Thi kệ thứ 212:

*Ánh sáng ban ngày xóa tan bóng tối,
Ánh trăng đêm xua đuổi những niềm đau,
Giàu có xóa tan đi nghèo khó,
Bồ Đề Tâm tận xóa nghiệp ưu phiền.*

Thêm một lần được ngồi nghe thuyết pháp, hay thêm một lần được làm thông dịch, lòng tôi như nhẹ hơn dù căng thẳng và lo lắng tràn đầy. Và trong tháng 6 năm 2013 tôi đã được học thêm:

Thi kệ thứ 37:

*Như dòng sông trôi ra biển cả,
Tựa nước đại dương bay lên thành mây,
Như mưa rơi xuống đất từ chốn mây ngàn,
Bồ Đề Tâm cũng thế, Bồ Đề Tâm làm đẹp cõi trần gian.*

Qua đó, tôi đã học và thực hành với cả niềm tin: “...Mầm của Bồ Đề Tâm sẽ nảy nở – Trong tâm thức thiện lành vô lượng” (thi kệ 58).

Tôi đã dịch 356 thi kệ xưng tán Bồ Đề Tâm này sang tiếng Việt trong khoảng vài tháng đầu năm 2013, rồi

phải trở về với công việc thường nhật cho đến khoảng cuối tháng 7 năm 2017, tôi mới nghĩ ra là nên ấn tống quyển thi kệ này. Khi mở bản Anh ngữ để đọc lại những gì đã dịch, mới thấy còn đến mấy mươi trang văn xuôi tiếng Anh của dịch giả Anh ngữ mà tôi vẫn chưa có dịp để mắt tới. Mà phần Anh ngữ này lại có biết bao nhiêu điều hay đẹp cho chúng ta học hỏi. Tôi lại sắp xếp thời gian trong suốt gần 2 tháng, từ cuối tháng 7 đến đầu tháng 9 năm 2017 để hoàn tất phần giới thiệu của tập thi kệ này.

Xin cảm ơn Cao Thanh Dung - cô bạn từ thời Trung Học, cùng Huyền Đoàn và Sơn Ý đã góp ý cho bản dịch. Xin nhận mọi lỗi lầm trong dịch thuật là của tôi. Và xin cảm ơn Tâm Bảo Đàn đã tổng hiệu đính bằng tất cả tấm lòng trân quý đối với Bồ Đề Tâm để giúp hoàn thiện toàn bộ bản dịch và cảm ơn Viet Nalanda Foundation đã nhận lời phát hành phiên bản ấn tống đầu tiên này.

Cũng xin được kính cảm ơn quý độc giả và xin hoan hỷ chỉ giáo cho những gì không đạt như mong muốn.

Trân trọng cảm tạ.

Mai Tuyết Ánh

Tháng 8, 2018

Sydney, Australia

Lời Cảm Tạ của dịch giả từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Anh

Quyển sách nhỏ này đã được thực hiện trong nhiều năm. Trước tiên Wendy Finster đề nghị tôi dịch những thi kệ này sang Anh ngữ từ năm 1980. Xin được cảm ơn Wendy đã thúc đẩy và giúp đỡ tôi tiếp tục với đầy lòng nhiệt tình và không một chút tư lợi nào. Tôi cũng xin cảm ơn Joyce Murdoch – người phụ nữ đáng được ngưỡng mộ nhất – người đã đánh máy văn bản gốc, Patricia Donnelly, và Sarah Thresher đã khởi xướng việc dịch thuật này để thi kệ được hiện diện bằng Anh ngữ. Tôi cũng xin cảm ơn Ngawang Wangmo đã vẽ cây Bồ Đề Tâm như ý với hy vọng dùng bức tranh này như một minh họa của cuốn sách. Khi tôi chuyển dịch xong vào năm 1992, Lochen Rinpoche đã thân ái tặng tôi một bản sao *mDzad rnam* và *rNam thar thar pa'l them skar* do Ngodup Gasha (Anrup Lahuli) viết để tôi có được thêm chi tiết về tiểu sử của Khunu Rinpoche. Xin cảm ơn Lochen Rinpoche đã tặng tôi cuốn sách đó và cảm ơn Ngodup Gasha đã cho phép tôi sử dụng các tác phẩm của ông.

Bản dịch thi kệ này đã được Sara McClintoch duyệt xét một cách cẩn trọng và chỉnh sửa trong năm 1997 và 1998. Cô cũng đã hiệu đính phần giới thiệu và giám sát phần luận văn viết về Bồ Đề Tâm. Những cố gắng của cô đã vượt quá sự hỗ trợ hiệu đính bình thường và nói chính xác hơn đó chính là sự cộng tác. Điều này có nghĩa là những lỗi lầm sai sót trong văn bản này là hoàn toàn của tôi. Tôi cũng nợ một lòng biết ơn đối với Nick Ribush – lần đầu tiên chấp nhận in ấn tác phẩm này và Tim McNeille đã kiên nhẫn xoa dịu và giúp tôi đi qua hết những trắc trở trên con đường hoàn thành tác phẩm. Cuối cùng tôi xin thành kính cảm ơn Đức Dalai Lama Tenzin Gyatso đã quan tâm đến việc dịch thuật này và khuyến khích việc phát hành, cảm ơn Lobsang Gyatso (trước khi qua đời quá sớm) đã giải thích những thi kệ mà tôi không thấu hiểu được, và Nga – hue Yeo đã hỗ trợ khi tôi còn là một tu sĩ Phật Giáo.

Thubten Thardo (Gareth Sparham)

Lời Giới Thiệu của Dịch Giả Anh ngữ

Về Tác Giả (1)

Tenzin Gyaltzen là người con thứ 2 trong 3 người con trai của Ka lan pur và Norki vào năm 1894 hoặc đầu năm 1895 tại làng Shunam thuộc Rupa vùng Kinnaur, hay là Khunu (như người địa phương thường gọi) ở biên giới Ấn – Tạng. Làng của thầy nằm trong vùng nông trại tương đối màu mỡ, cao hơn mực nước biển từ 2.000 đến 2.500 mét, bao quanh bằng những ngọn núi cao đến 6.500 mét được dẫn lưu từ thượng nguồn sông Sutlej. Những thung lũng trong khu vực này tuyệt đẹp, bao phủ bởi những cánh rừng thông rậm rạp, trải dài xuôi theo sườn núi, đến những khu vườn trồng táo và mơ để rồi được viền quanh bởi những cánh đồng lúa mạch nơi chân núi. Mặc dù đó không phải là vùng giàu có trong ý nghĩa của thời hiện đại, tình trạng kinh tế của nó cũng dễ dàng hỗ trợ cho cách sống truyền thống căn cứ theo Phật giáo Tây Tạng ở vùng Trung Nam Á Châu và ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự kết hợp của người dân thuộc bình nguyên Bắc Ấn và Nam Ấn.

Đối với người dân sống cùng làng, Tenzin Gyaltsen được biết đến nhiều hơn bằng tên gọi danh dự Khunu Rinpoche – “người cao quý từ vùng Kinnaur” – và bằng tên Negi Lama. Negi là một thị tộc hay đẳng cấp dành cho đa số người vùng Kinnaur (ngoại trừ những người làm nghề dệt hoặc cơ khí). Người ta cho rằng nguồn gốc của việc dùng những danh hiệu bày tỏ sự kính trọng này trước đây được dành trao tặng cho các viên chức tại tòa án ở Rampur – một thành phố quan trọng bên Sông Sutlej. Trong trường hợp của Negi Lama Tenzin Gyalsten, Negi chính là họ của cá nhân Ngài (ne gipang), có nghĩa là Guru của gia tộc Negi, là bậc thầy tâm linh của thị tộc Negi. Như là biểu hiện của lòng kính trọng, và theo phong tục của thị tộc, tôi xin gọi Ngài là Khunu Rinpoche, và nói gọn là Rinpoche.

Khunu Rinpoche bắt đầu việc tu luyện tâm linh từ năm 7 tuổi dưới sự hướng dẫn của người cậu Rasvir Das – sống ở làng kế cận. Rasvir Das hướng dẫn Khunu Rinpoche đọc và viết tiếng Tây Tạng, và rồi sau đó theo truyền thống của các vùng thuộc biên giới Tây Tạng, ông dạy Ngài học thuộc lòng Kinh Kim Cang (*Phạn: Vajracchedikā Sutra*) và Thi Kệ Tinh Yếu của Trí Huệ Toàn Hảo (*Phạn: Ratna – guna – samcaya – gathā*). Gia tộc Ne gi pang theo truyền thống là đệ tử của dòng truyền thừa Drukpa

Kagyü của Phật giáo Tây Tạng, thế nên đến năm 13 tuổi Rinpoche đi về vùng Lib pa (một khu vực ở phía Bắc của Kinnaur nơi mà trường phái miền Nam của dòng Drukpa Kagyü thăng hoa) để thọ nhận những thực tập tâm linh sơ bộ cho việc thực hành các giới luật chung của Phật pháp. Ngài học với Sonam Gyaltzen – người đệ tử chân truyền của một vị thầy nổi tiếng tại vùng Kham (Đông Nam Tây Tạng) có tên gọi là Togden Sakya–shri.

Năm 1913, lúc 19 tuổi, Khunu Rinpoche chuyển về Tây Tạng để tiếp tục chương trình huấn luyện tâm linh. Mặc dù có một số con đường dẫn trực tiếp đến miền Tây của Tây Tạng từ Kinnaur, lúc đó Rinpoche cũng không có đủ điều kiện để mua một đôi giày mới, nên đã phải đi qua thung lũng Kullu để lấy số tiền lời mà Kinnauris sống trong vùng đó đã nợ anh của Ngài. Và với số tiền nhỏ để du hành đó, Ngài đã đi tới tu viện Rumtek thuộc dòng truyền thừa Kagyü ở vùng Sikkim. Ngài đã ở đó 3 năm để học ngữ pháp và thi ca Tây Tạng với Urgyen Tenzin. Trong năm 1916 hay năm 1917, Khunu Rinpoche cuối cùng cũng du hành đến Tây Tạng, và Ngài khởi sự xây dựng nền móng cho mình tại tổ đình của Ngài Panchen Lama ở Tashi Lhunpo – một tu viện thuộc dòng truyền thừa Gelugpa ở Shigatse.

Sau đó, Ngài đi tới Lhasa để – không phải học những môn học truyền thống ở các trường về tranh luận hay mật thừa dành cho tu sĩ – mà lại học các môn cao cấp hơn về văn phạm, thi ca và sáng tác. Ngài đã học thấu đáo các môn học này. Sau đó theo yêu cầu của vị Panchen Lama hiện thời là Chokyi Nyima, Ngài trở lại Shigatse và bắt đầu giảng dạy cho những người thuộc giai cấp quý tộc Tây Tạng và các học viên khác từ vùng Tsang về ngữ pháp và thi ca Tây Tạng trong một ngôi trường đặc biệt.

Một thời gian sau, Rinpoche từ bỏ ngôi vị này và đi tới Derge thuộc vùng Kham. Rinpoche đã học ở Derge trong 5 năm, và trong thời gian đó Ngài đã học 13 bộ kinh chủ yếu của Phật pháp. Khunu Rinpoche tự nhận rằng khi sống tại vùng Kham Ngài đã thông thạo truyền thống Tây Tạng về ngữ pháp Phạn ngữ (Sarasvatī, Candragomin và hệ thống Kalāpa), nhưng Ngài đã không tiến bộ về truyền thống Pāinian của ngữ pháp Phạn tự (là một thiếu sót khá lớn của Tây Tạng), Ngài đã đi đến Varanasi (thành Ba La Nại) ở Ấn Độ để tìm kiếm người dạy. Tại đó Ngài trở thành học viên của Pandit Dev Narayan Tripathi, và đã học trong 5 năm. Sự hiện diện của Khunu Rinpoche tại Varanasi trong thời gian này được Gendun Chopel (người du hành sáng chói từ Amdo, Đông Bắc Tây Tạng) công nhận.

Cuối cùng Khunu Rinpoche quay lại vùng Kham – có lẽ vào khoảng giữa năm 1930 – nơi Ngài lại một lần nữa giảng dạy và tu học trong nhiều năm. Trong khoảng thời gian này, khi giảng dạy về ngữ pháp và thi ca cho nhiều người, trong đó có cả trẻ em của hoàng tộc Derge, Ngài đã viết lời dẫn giải về cuốn tự điển Tạng ngữ có tên *Ngọn Đèn Cho Người Học Ngôn Ngữ* (Tạng: *Ngag sgron*) của dịch giả Palkhang, và những lời luận giải này của Ngài đã được sử dụng hết sức rộng rãi.

Rời khỏi vùng Kham vào khoảng giữa năm 1940, Khunu Rinpoche trở lại Lhasa, theo lời yêu cầu của chính phủ Tây Tạng, Ngài đã bắt đầu giảng dạy tại Học Viện Chiêm Tinh Thuật và Y Khoa (Mentsi Khang). Ngài đã giảng dạy ở đó 3 năm, rồi sau đó từ chức để trở về Ấn Độ tiếp tục chương trình học tiếng Phạn.

Tổng cộng Khunu Rinpoche đã qua 34 năm du hành và tu học ở nhiều vùng khác nhau trong xứ sở Tây Tạng và Ấn Độ. Trong khoảng thời gian đó, cha mẹ của Ngài cũng như vị thầy đầu tiên là cậu Rasvir Das đã qua đời. Có lẽ một khoảng thời gian ngắn sau khi Ấn Độ độc lập, thoát khỏi ảnh hưởng của Anh Quốc vào năm 1947, Khunu Rinpoche đã trở lại Kinnaur – nơi mà Ngài dự định chỉ lưu lại trong một thời gian rất ngắn trước khi trở lại Varanasi. Thực tế là thời điểm đó, trước sự

thuyết phục rất tha thiết của họ hàng và thân hữu Kinnauris, Khunu Rinpoche đã ở lại giảng dạy tại nơi chôn nhau cắt rốn. Ngài đã trú ngụ tại đó gần 8 năm, trong thời gian này Ngài đã sáng tác một số tác phẩm để giúp người Tây Tạng sống trên miền núi học mẫu tự chữ cái căn bản Tạng ngữ (2).

Sau khi giảng dạy tại Kinnaur, Khunu Rinpoche đã trở lại Varanasi cho đến cuối năm 1950, nơi Ngài cư ngụ đến gần cuối đời. Trong khoảng thời gian này, sự hiểu biết và kiến thức của Ngài đã nổi tiếng nhiều nơi, và Ngài đã được thỉnh mời làm một giảng viên tại đại học Sankrit University. Tuy vậy, Ngài vẫn chủ yếu sống đời đạo hạnh xả ly, không nhận lương bổng như các vị cùng chức vụ và đã sống một cuộc đời khiêm tốn ở Varanasi với một người bạn già Jobo Ganga-gire từ năm 1930. Người bạn Ấn Độ của ngài lúc ấy đang chăm sóc một ngôi chùa cổ ở Lakasa. Rinpoche đã xây một phòng ở trên đỉnh chùa, và sau những cuộc hành trình đi về Bồ Đề Đạo Tràng, hay sau thời gian trốn nóng ở Sikkim, sau thời gian là Guru giảng dạy cho hoàng gia, Ngài đều trở về sống tại đây.

Khunu Rinpoche có tâm từ một cách rất tự nhiên đối với tất cả, bình đẳng không hề phân biệt tông phái, tôn giáo hay quốc gia. Ngài đã thấy được sự gian khổ của người tỵ nạn Tây Tạng đến Bắc Ấn Độ vào năm 1959.

Ngài thấy những người dân Tây Tạng này [trước đây] đã gọi Ngài vào trường học dạy cho Ngài, cho Ngài việc làm, nay họ phải bàng hoàng vì mất quê hương và sống đời cơ cực gần như tuyệt vọng với chỉ mỗi một ít áo quần mang trên lưng. Khunu Rinpoche cảm thương sâu xa đối với những người tỵ nạn. Ngài đã giảng dạy cho rất nhiều người, trong đó có Đức Dalai Lama thứ 14. Nhiều năm sau đó, các học viên này khi hồi tưởng luôn luôn nhớ đến sự biểu hiện từ tâm của Khunu Rinpoche. Cùng với việc giảng dạy những người tỵ nạn với từ tâm và lấy chính mình làm gương, Khunu Rinpoche đã đi đến Mussoorie theo lời yêu cầu của Đức Dalai Lama để giảng dạy ngữ pháp và thi ca cho dân tỵ nạn và đã lưu lại đó gần 1 năm. Đặc biệt vì những công việc này mà Khunu Rinpoche đã nổi danh trong cộng đồng người tỵ nạn Tây Tạng tại Ấn Độ.

Một trong số những câu chuyện không đếm hết về tâm từ tích cực vô vụ lợi đầy thiền tính của Khunu Rinpoche là chuyện liên quan đến Thubten Pemo – một người phụ nữ Hoa Kỳ đã gặp Rinpoche vài năm trước khi Ngài qua đời vào khoảng giữa năm 1970 tại Kathmandu, Nepal. Bà và một số người ngoại quốc khác đã đến Nepal để học Phật Pháp và có hỏi Rinpoche cần gì thì sẽ xin cúng dường. Ngài trả lời: “Không. Tôi đã có tất cả

những gì cần thiết bởi vì tôi có Bồ Đề Tâm” và ngày hôm sau Ngài đã gửi tặng một đồng rupi (tiền Ấn Độ) (tương đương khoảng ba hay bốn xu) đến mỗi một học viên đến từ ngoại quốc.

Khunu Rinpoche đã trải qua những ngày tháng cuối cùng của đời mình tại Lahaul – nơi ngài dừng chân trên lộ trình là tu viện Rewalsar – một thánh tích của Ngài Liên Hoa Sanh (Padmasambhava) gần vùng Mandi. Ngài đã tới Lahaul vào tháng 8 năm 1976 – và Ngài đã giảng dạy cho tất cả những người có năng khiếu cũng như người độn căn bằng những ví dụ, những lời khuyên riêng biệt cho từng cá nhân và giảng dạy cho đại chúng bao gồm các tín đồ theo một phương cách truyền thống. Ngài đã dạy kinh “*Vòng Hoa Châu Báu Giải Thoát của Gampopa*” [Gampopa’s Jewel Ornament of Liberation] (Tạng: *Dwags po thar rgyan*) và các chủ đề quan trọng khác trong truyền thống Drukpa Kagyu cũng như giảng dạy các sáng tác khác của Ngài.

Một thời gian trước khi qua đời, Rinpoche đã chuyển đến tu viện Tashi Shuling (Shur Monastery – theo thổ ngữ địa phương) là một vùng yên tĩnh tại Lahaul. Ngài đã ở tại đó với một người bạn thân niên là vị nữ đồng tu Drikung Khandro. Mỗi buổi chiều, theo thói quen Ngài giảng dạy “*Vòng Hoa Châu Báu Giải Thoát*” khoảng

2 tiếng đồng hồ. Vào ngày 20 tháng 2 năm 1977, khi đang giảng dạy về chương “Trí Huệ” của bản văn trên thì bất ngờ, với không chút gì thay đổi trên khuôn mặt đầy từ ái và an lành của Ngài, Ngài vĩnh viễn ra đi. Tro cốt của Ngài được đựng trong hộp đựng thánh tích đã được thờ phượng tại một vùng ở biên giới Ấn – Tạng thuộc tiểu bang Himachal Pradesh.

Văn Bản Nguyên Thủy - Nhật Ký năm 1959

Tên đầy đủ theo tiếng Tây Tạng của cuốn sách được chuyển ngữ này là **Byang chub sems kyi bstod pa rin chen sgron ma** hay là **Ngọn Đèn Châu Báu – Xưng Tán Bồ Đề Tâm**. Ý tưởng ẩn dấu đằng sau tên gọi của thi kệ này chính là những vầng thơ tương tự như số lượng châu báu rất nhiều trong một chiếc lọ thủy tinh, mà mỗi báu vật đều phát ra ánh sáng làm cho chủ đề sáng rõ hơn lên. Theo nhật ký này, Khunu Rinpoche đã đọc từng thi kệ trong 356 thi kệ này như là một sự suy tư hằng ngày. Dưới mỗi thi kệ là một phần ghi lại những sự việc xảy ra trong ngày hôm đó. Ngài đã viết tất cả thi kệ bằng tiếng Tây Tạng, nhưng có một số thi kệ được chép vào trong nhật ký bằng tiếng Ấn Độ và tiếng Phạn.

Rinpoche đã quyết định bắt đầu viết những thi kệ này vào thời gian nào đó trước năm 1959, như một phương cách Ngài tự mình làm quen với Bồ Đề Tâm. Chỉ có 2 sự tham khảo về dự án này trong nhật ký. Vào ngày 01 tháng 1 năm 1959, Ngài viết “*Kay Jig – gòn yêu cầu tôi làm việc này, tôi quyết định làm như thế, tôi bây giờ để tâm trí vào việc này*” và trong ngày 17 tháng 1 Ngài viết “*Tôi đã hoàn thành đến đây, và có vài thi kệ xem được và một số khác thì không.*” Một sự tình cờ thú vị khi Ngài chọn năm 1959 để sáng tác những thi kệ này, bởi vì cuối mùa xuân năm ấy Đức Dalai Lama đã trốn thoát khỏi Tây Tạng và đến Ấn độ cùng với khoảng 100.000 đồng hương. Rải rác trong bút ký, Ngài ghi lại công việc hằng ngày, danh sách các học viên và những gì Ngài đã giảng dạy; họ cúng dường bao nhiêu (thường là 1 hay 2 rupee); và tên những cuốn sách Ngài đang đọc. Khunu Rinpoche cũng ghi lại sự sụp đổ của đất nước Tây Tạng, sự lo lắng của Ngài về sự an toàn của người tỵ nạn khi trốn đi và khi họ đến Ấn Độ. Sự kết hợp giữa chuyện bình thường và sự quan trọng của việc không thể trốn thoát đã gợi ý cho tác giả Samuel Pegys – người viết lại nhật ký vào cuối thế kỷ thứ 17 – ghi lại những hải hùng phải trải qua trong nội chiến giữa tướng Cromwell và phe Bảo hoàng Anh quốc.

Năm 1998 tôi có được cuốn nhật ký nguyên bản gốc từ Thubten Kalden Negi Shastri – một vị thầy giáo của Trường Trung Học Đệ Nhị Cấp Công Lập tại Sarahan, địa hạt Simla, Ấn Độ, và tôi đã làm một bản sao. T. K. Negi đến cư ngụ tại tu viện Tây Tạng ở Bồ Đề Đạo Tràng vào năm 1970 với tư cách là một học viên để trở thành một sư trưởng về tụng niệm và sau đó ông đã ghi danh trở thành một sinh viên tại Học Viện Tây Tạng ở Varanasi. Trong thập niên 1970 ông đã qua những kỳ nghỉ và các thời gian khác tại Bodh Gaya. Cuốn nhật ký đã trở thành sở hữu của ông vào năm 1978 chính là một trong số những gì Khunu Rinpoche bỏ lại trong căn phòng của Ngài ở Tu Viện Tây Tạng tại Bodh Gaya khi Ngài qua đời tại Lahaul vào năm 1977. Sau khi Rinpoche viên tịch, vị sư trưởng về tụng niệm hỏi T. K. Negi – người đến từ một ngôi làng ở Kinnaur gần nơi chốn sanh ra của Rinpoche – về việc giải quyết những đồ đạc của Rinpoche bỏ lại trong phòng. Có khoảng 10 đến 15 cuốn nhật ký – tất cả đều cùng kích cỡ với cuốn nhật ký năm 1959 – một số y phục và một cuốn sổ ngân hàng. Phần lớn nhật ký viết những nhận xét cá nhân. T. K. Negi cho biết ông đã giữ lại cuốn nhật ký năm 1959 vì có những thi kệ mà ông có ý định muốn học. Tất cả những cuốn nhật ký còn lại bây giờ ở đâu không ai rõ!

Phần lớn những lời viết trong nhật ký kể lại công việc hằng ngày của Khunu Rinpoche, đặc biệt là vấn đề liên quan đến tài chánh và thư từ. Nhật ký cho chúng ta một nền tảng đáng tin cậy về những công việc, thông tin quan trọng. Đồng thời đây cũng là một ghi chép về đời sống thường nhật của một người hành đạo trong đời với một niềm tin tâm linh giữa thế kỷ thứ 20 này. Dường như toàn bộ hay toàn phần của quyển nhật ký này chưa từng được chuyển ngữ qua tiếng Anh. Tuy nhiên, nếu bạn đọc thi kệ “*Bao La Như Bầu Trời – Thẳm Sâu Như Biển Cả*” thì có thể bạn sẽ được lợi lạc từ kiến thức tổng quát thông qua nội dung, thế nên những phần trích dẫn sau đây được trình bày để chuyển tải vài ý nghĩa trong nội dung của tập nhật ký nguyên gốc đó.

Đoạn nhật ký đầu tiên ghi vào những tháng ngày lạnh lẽo của mùa đông về sự thăm viếng của những người dân miền núi đi hành hương về miền ấm áp tại thành Ba La Nại và Bồ Đề Đạo Tràng. “*Norkhel, Badari và Namgyel đến từ Sungram. 15 rupee Ấn Độ. Thức ăn và trà cho cả 3 người. Tsenam đến nhưng không hài lòng nên đã ra đi*” (ngày 03 tháng 1). Cũng có những lời viết về sức khỏe của Ngài: “*Tôi đau bụng và phải đi vào nhà vệ sinh 2 lần*” (ngày 14 tháng 8). Nhiều đoạn nhắc về giảng dạy: “*Tôi đã giải thích về pháp thực hành sơ bộ Đại Thủ Ấn cho Sangye*

Tenzin cùng 21 người khác và cũng giải thích phương pháp tu tập của Padmakarpo. Tôi đã đọc lớn cho họ nghe phần tóm tắt về việc thực hành các thời thiền do tôi viết và giảng giải một số bài Kinh” (ngày 10 tháng 2); “Tôi đọc những pháp hành của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho những Phật tử đến từ Spiti và Ladakh, và đã giảng nghĩa về pháp quy y. Họ đã tặng tôi 20 rupee” (ngày 24 tháng 11). Có nhiều đoạn trong nhật ký viết về việc đọc sách: “Hôm nay tôi đã đọc xong sách luận bàn Yogasūtras của Patanjali bằng tiếng Ấn Độ. Tôi bắt đầu vào ngày 23 tháng 5, như thế là mất 10 ngày” (ngày 01 tháng 6); “Tôi được tặng một văn bản Yogasūtras của Patanjali và Bhāṣya của Vyāsa với lời luận bàn Tattvavaisāradī” (ngày 06 tháng 6); “Tôi đọc Tarkabhāṣya và phần lớn lời dẫn giải bằng tiếng Phạn và Ấn Độ của Cidānandin” (ngày 23 tháng 7). Những ghi chép trong nhật ký này đặc biệt kỳ thú vì đây là một hồ sơ ghi chép lại về một vị Lạt ma được đào tạo theo đúng truyền thống Tây Tạng đã [có duyên] đọc những giáo lý phi Phật giáo như thế nào.

Nhật ký cũng có ghi lại sự thất thủ của đất nước Tây Tạng bắt đầu từ tháng 3: “Báo chí đã tường thuật là có những trận giao tranh giữa người của vùng Kham và người Trung Hoa. Có những bài báo viết là Thánh Đức đang mạnh khỏe... đang ở trong tù...” (ngày 23 tháng

3); “Tôi đã đọc một bài báo viết là Sera và Drepung đã bị phá hủy và Norbulingka bị hư hại. Tôi đã làm lễ xuống tóc xuất gia cho Munshi Bhastra Singh và đặt pháp danh cho ông là Guden Senge” (ngày 24 tháng 3); “Những tờ báo đưa tin là các trận chiến đã tàn lụi ở Lhasa. Người Trung Cộng nói Đức Dalai Lama đang trốn thoát. Có vài bản tin cho là Ngài có lẽ đi về hướng Sikkim hay Assam. Kẻ khác nói là Lhokha. Dường như người ta đánh nhau chung quanh Ngài” (ngày 27 tháng 3); “Báo Aj viết là Đức Dalai Lama đã được người vùng Kham bí mật đưa ra khỏi nước trên lưng ngựa và đã ngã bệnh trên chuyến đi đó” (ngày 30 tháng 3); “Báo chí nói Đức Dalai Lama đã đặt chân lên đất Ấn độ” (ngày 03 tháng 4); “Đấng Toàn Giác, Quốc Vương, Người Dẫn Dắt Thiên Nhân và là người (Đức Dalai Lama) đã đặt chân đến Sarnath, ngày nay là Varanasi. Ngài đã lộ diện. Ngài đã cầu nguyện tại ngôi tháp. Ngài đã nói chuyện với những người tụ tập tại đó và rồi tiếp tục lên đường” (ngày 20 tháng 4).

Vào ngày 29 tháng 8, Khunu Rinpoche chép lại một điện tín mời thầy sang thăm từ Đức Dalai Lama, thầy cũng đã ghi chú là đã trả lời rằng sẽ đi thăm khi sức khỏe cho phép. Rinpoche đã đi Mussoorie để thăm viếng Đức Dalai Lama khoảng 6 tháng sau đó: “Tôi gặp Đức Dalai Lama hôm nay” (ngày 04 tháng 10); “Sakya Lama đến thăm; tôi đã cho

mượn *Bodhicaryāvatāra* và *Suhrllekha*” (ngày 08 tháng 10); “Cùng với *Tsultrim* tôi bắt đầu dịch quyển *Lamrim Dudon* (Tạng ngữ: *Lam rim bsdus don*)” (ngày 09 tháng 10); “Tôi gặp Đức Dalai Lama và đưa cho Ngài xem bản dịch *Lamrim Dudon*” (ngày 14 tháng 10); “Tôi hân hạnh giảng dạy cho *Ling Rinpoche* về ngữ pháp *Sum cu pa*,” Ngài là vị Trưởng Lão Giáo Thọ [của Đức Dalai Lama] (ngày 16 tháng 10); “Trước đó tôi đã nhận lại cuốn *Pramānavārttika* và *Abhidharmakosa* từ Đức Dalai Lama; hôm nay Ngài đã trả lại cuốn *Bodhi-caryāvatāra* và *Abhisamayālamkāra*” (vào ngày 27 tháng 10); “Tôi đã hiến tặng bản dịch *Lamrim Dudon* và bản tóm tắt về Giới Luật cho Đức Dalai Lama hôm nay. Ngài đã đưa mắt nhìn các cuốn đó và tặng tôi một món quà” (ngày 02 tháng 12); “Tôi từ giả Đức Dalai Lama ngày hôm nay. Ngài đang làm việc với *Ling Rinpoche*. Tôi đã nói lời từ biệt với mẹ của Ngài” (ngày 05 tháng 12); “Tôi đã nhận lại những tập sách mà tôi đã cho Đức Dalai Lama mượn: *Madhyamakāvatāra*, *Abhidharmakosa*. Ngài đã cho tôi một viên *chinten* (một viên thuốc gia trị) như là một món quà cùng với một cái khăn quàng lụa đặc biệt dùng trong nghi lễ... Tôi từ giả từ vùng *Mussoorie*” (ngày 06 tháng 12).

Ấn bản phát hành năm 1966

Văn bản tiếng Tây Tạng trình bày trong quyển sách này được sao chép lại từ ấn bản in lần đầu tiên bằng Tạng ngữ – phát hành tại Varanasi trong năm 1996 (3). Ấn bản này do chị Tsering Dolma của Đức Dalai Lama bảo trợ, như lời của Ngài viết trong lời giới thiệu là đã kết hợp với nhiều thay đổi và đã được xét duyệt dựa trên văn bản [gốc] của nhật ký 1959. Những thay đổi này không phải là từ văn bản gốc của nhật ký 1959, mà có lẽ là từ chứng cứ của một bản in trước đó mà nay đã không còn nữa. Những thay đổi và sự duyệt xét lại là rất lớn lao, và ngay cả nhiều thi kệ trong nhật ký 1959 cũng không thấy có trong ấn bản 1966. Sự thay đổi và duyệt xét này cải tiến bản nhật ký hầu như trên nhiều khía cạnh, và không có lý do nào để người đọc có thể cho rằng đây là do người khác viết chứ không phải là từ tác giả nguyên thủy – người đã sống tại Varanasi thời đó và đã từng thân cận với Đức Dalai Lama và gia đình của Ngài.

Bởi vì không có chứng cứ của phiên bản mà chính Khunu Rinpoche đã thay đổi và duyệt xét, nên ấn bản in vào năm 1966 trở thành một tài liệu gần nhất với văn bản gốc cuối cùng của tác giả. Vì thế cho nên thật không thực tế khi dùng bản nhật ký 1959 để xác định tư tưởng trong khi đọc, mặc dù điều kỳ thú là tự chính

cuốn nhật ký này vẫn được xem như là một phiên bản riêng. Đối với các ấn bản sau thì các dị biệt chính yếu là những điều không đáng kể, chỉ liên quan đến cách viết chính tả mà thôi. Khunu Rinpoche không can dự gì vào các ấn bản khác nhau của tác phẩm của mình sau năm 1966. Có thể chỉ một ngoại lệ là chữ *rkang* được thay thế cho *rkyang* trong thi kệ thứ 181 trong ấn bản do Hukam Sain Negi và Tsewang Norbu Vaid cập nhật và ấn hành. Việc này có thể phản ánh sự liên lạc giữa họ và tác giả. Ấn bản tiếng Tây Tạng trình bày ở đây đã được đọc kỹ càng để có thể xếp ngang hàng với ấn bản 1966, và hợp nhất những chi tiết trong bản đính chính kèm theo ấn bản. Bản dịch được căn cứ trên ấn bản Varanasi 1996. Những ý kiến khác nhau tìm thấy được trong nhật ký 1959 đều được đề cập trong phần ghi chú.

Chủ đề – Bồ Đề Tâm

Tất cả 356 thi kệ trong *Ngọn Đèn Châu Báu* của Khunu Rinpoche đều viết về Bồ Đề Tâm, về lòng vị tha tự phát sanh, không có thành kiến, là những điểm đặc trưng của Phật Giáo. Như thế thì còn có sự sở hữu tâm linh nào thâm thúy hơn là chính những thi kệ này không? Khunu Rinpoche viết từ quan điểm của một người hiểu rõ Bồ Đề Tâm là gì – Thầy viết từ ngay giữa lòng hiện

hữu của Bồ Đề Tâm, cũng giống như là Ngài đang đứng ngay giữa trung tâm của một vùng đất và mô tả lại về vùng đất ấy. Nếu một độc giả có sự kiên trì và nhận thấy ra được con đường của chính họ ngay trong các thi kệ này, một con đường dựa trên quan điểm của chính đích đến, thì họ sẽ cảm thấy một sự hiểu biết [đồng cảm] đầy tự tin, và sự hiểu biết đồng cảm này sẽ hiện ra trong hình thức của một cảm giác yêu thương rất tự nhiên đối với mọi người mọi loài. Tuy nhiên, những ai không quen thuộc với ý niệm Bồ Đề Tâm sẽ trở nên bối rối với quan điểm đó, thế nên mục đích của phần giới thiệu ngắn về đề tài này là để cung cấp một bối cảnh cần thiết giúp người đọc có thể nắm vững và hiểu rõ hơn về các thi kệ.

Bồ Đề Tâm là ý nguyện muốn đạt được giác ngộ vì lợi ích cho chúng sanh khác. Sau khi đã có được [tư tưởng] muốn làm gì cho các chúng sanh khác trong tâm rồi, Khunu Rinpoche đã viết:

*Bồ Đề Tâm tối thượng chính là ước nguyện
Giúp tiêu trừ mọi lỗi lầm và khai mở vô hạn thiện hạnh
Trong mỗi một chúng sanh,
Là điều vượt bậc trong mọi điều vượt bậc!*

(Ngọn Đèn Châu Báu, Thi kệ 21)

Căn bản của ước nguyện này là tâm đại xả ly – là sự khát khao mạnh mẽ thoát khỏi khổ đau. Khi đặt trọng tâm của ước muốn này vào người khác, thì đây chính là đại bi tâm – ước mong người khác cũng thoát khỏi khổ đau. Từ cội gốc Bồ Đề Tâm này, quyết định tu tập để giác ngộ nhằm trợ giúp các chúng sanh khác thoát khỏi khổ đau sẽ được khơi mầm.

Để hiểu rõ và biết được ước nguyện Bồ Đề Tâm này phát triển như thế nào thì khởi đầu ta nên bắt đầu bằng câu chuyện của Tất Đạt Đa – Đức Phật lịch sử của chúng ta và tâm đại xả ly của Ngài. Điều này cho phép chúng ta hiểu về ý nghĩa của 2 điều mà người Phật tử thường nói:

- 1/. Tâm/ Ý (*citta*)
- 2/. Giác ngộ [bồ đề] (*bodhi*)

Đây chính là hai yếu tố then chốt trong cụm từ Phạm ngữ *bodhicitta* [Bồ Đề Tâm] – là mục tiêu của thi kệ xưng tán Bồ Đề Tâm của Khunu Rinpoche.

Tâm đại xả ly của Tất Đạt Đa

Theo chuyện kể về Đức Phật, thái tử Tất Đạt Đa – người sau đó đã chứng ngộ thành Phật – sanh tại vườn Lâm Tỳ Ni thuộc vùng Trung Bắc Ấn Độ cách đây khoảng 2.500

năm. Khi Ngài chào đời, các vị tiên tri đã cho biết thái tử hoặc là trở thành nhà lãnh đạo thế giới hay là trở thành một đấng giác ngộ. Lo sợ rằng Tất Đạt Đa sẽ từ bỏ đời sống thế tục, vua cha đã tạo cho thái tử một đời sống xa hoa và bảo đảm tất cả dấu hiệu của sự khổ đau không bao giờ thấy nơi cung điện mà thái tử được nuôi dưỡng. Thái tử lập gia đình và có một người con là hoàng tử tuần tú. Khi còn nhỏ, thái tử đã đi ra ngoài thành với người đánh xe ngựa và chứng kiến những khổ đau của lão, bệnh và tử. Nhìn thấy những nỗi khổ đó, lòng thái tử dấy lên ước muốn xóa tan đi cả những khổ đau. Rồi bỏ gia đình, từ chối vận mệnh chính trị của mình, và thái tử đã trở thành người vô gia cư. Ước vọng và tâm muốn xóa bỏ khổ đau của Tất Đạt Đa chính là “tâm đại xả ly.” Đó chính là ước muốn đã chuyển hóa thái tử trở thành một vị Bồ Tát (4).

Sau khi ra đi làm kẻ không nhà, Tất Đạt Đa đã sống nhiều năm cùng với các nhà tu khổ hạnh và các triết gia để đi tìm con đường giải thoát. Cuối cùng, từ giã các nhà tu khổ hạnh chẳng có gì trong bàn tay này, và cũng có rất ít hiểu biết về thực hành tâm linh trong bàn tay kia, thái tử đã đi về phương Nam tính từ vùng sanh trưởng – đó chính là vùng Bihar ngày nay. Tại đó, Ngài đã ngồi dưới bóng mát của một cây cổ thụ bên bờ sông Ni Liên Thuyền (Niranjana) và đã chứng ngộ. Sau đó

Ngài đi về vùng Varanasi – nơi Ngài đã “chuyển bánh xe Pháp” để giảng dạy giáo pháp đặc trưng “Tứ Diệu Đế” cho những đệ tử đầu tiên; giáo pháp đó đã trở thành cốt lõi trong cộng đồng Phật tử mà ngay sau đó đã lớn mạnh và thăng hoa. Trong suốt những năm còn lại của đời Ngài, Đức Phật tiếp tục giảng dạy về Tứ Diệu Đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo và phương cách sống cùng nhau trong một cộng đồng hòa hợp. Ở vào tuổi 80 Ngài đã viên tịch. Ngài đã từ trần tại Kusinagar – một tỉnh lỵ không xa nơi sanh trưởng. Cuối cùng, Ngài đã hoàn thành ý nguyện của mình. Ngài đã nhập niết bàn và những gì thuộc về thân vật lý – những dấu vết còn lại của đau khổ – đã viên tịch, không còn lưu lại nữa. Ngài đã để lại những lời giáo huấn, để lại một cộng đồng Tăng, Ni và cư sĩ tiếp tục sứ mạng của Ngài sau khi Ngài nhập diệt.

Tâm/ Ý (citta)

Khi một thương gia thành công nói rằng, “Tôi quyết định không đi theo bước chân của cha ông mình. Tôi đã làm việc và tranh đấu để thoát khỏi sự nghèo đói” thì chúng ta biết rằng vào thuở đầu đời, ông ta đã nhất quyết đạt tới cái mục tiêu tương đối do ông hoạch định, dựa trên những gì ông đã từng phải chứng kiến

ngay từ khởi thủy và cho rằng đây là điều mà mình sẽ chẳng thể nào chịu đựng nổi. Một quyết định như thế trong bối cảnh này chính là “một niệm tưởng”. Không chịu đựng nổi cái nghèo đã khởi đầu cho việc tranh đấu và điều ấy đã phát sanh ra ý tưởng mong muốn thoát khỏi đời sống nghèo khổ. Ý tưởng, hay quyết định đó (từ ngữ “ước muốn” cũng chuyển tải một quan niệm tương tự) đã dẫn dắt ông thoát khỏi cảnh nghèo khổ; từ đó ông tạo ra hàng triệu đồng, và ý tưởng đó vẫn ảnh hưởng đến ông ngay cả khi ông đã trở nên giàu có, không cho phép ông quay trở về với sự nghèo khổ thuở ban đầu, là điều mà ông cho là không thể nào chịu đựng nổi. Mặc dù một ý tưởng hay một quyết định nào đó trong một con người không hiển hiện rõ ràng đối với các giác quan của người đó, như sự hiển hiện rõ ràng của một giọng nói hay một khuôn mặt, thì tư tưởng đã phát sanh kia vẫn là một nhân tố rất thật trong câu chuyện của người ấy. Trong câu chuyện của Đức Phật, ý hướng đại xả ly của Tất Đạt Đa khi đối diện với khổ đau của cuộc đời chính là một niệm tưởng, một quyết định, và theo cùng nghĩa đó thì đây cũng là một ước vọng. Quyết định thoát khỏi khổ đau có thể được biểu thị như là một ý tưởng: “Ta – Tất Đạt Đa – không thể chịu đựng nổi đau khổ

này, và ta sẽ không ngủ yên cho đến khi ta được giải thoát và đạt được trạng thái giác ngộ.”

Có sự khác biệt giữa tư tưởng (như một ước muốn, hay một quyết định của trạng thái thiền) và tiến trình tư duy (như phân tích hay tuệ minh sát). Bước đầu tiên trong tiến trình tư duy dẫn dắt Tất Đạt Đa tới tâm đại xả ly, đó chính là sự suy ngẫm sâu xa về đau khổ. Nếu có một người cũng suy nghĩ như Tất Đạt Đa, là “mặc dù ngay bây giờ tôi không bị bệnh, già hay chết, thì tôi vẫn không khác chi những người đang nhận chịu những điều đó bởi vì tôi cũng bị cuốn trong dòng đời lưu chảy đó thôi.” Một khi người ta bị lôi kéo vào tiến trình suy nghĩ như thế thì cuối cùng rồi cũng sẽ dẫn đến trạng thái thiền của tâm đại xả ly. Cho đến khi nào mà Tất Đạt Đa vẫn còn suy nghĩ về sự đau khổ (theo nghĩa là phải tiếp tục tư duy để đi đến một quyết định về điều đó) và cho đến khi nào Ngài vẫn còn phân vân về điều này và vẫn còn quán sát xem sự đau khổ đó là vấn đề riêng tư của chính mình hay là vấn đề của những người khác, thì Ngài vẫn còn đang trong tiến trình tư duy. Càng suy nghĩ về điều này và càng đoan chắc rằng sự đau khổ mà người khác đang chịu đựng thực sự cũng là vấn đề của chính mình – nghĩa là ngay chính trong hoàn cảnh của Ngài cũng vốn có những vấn đề như thế. Bởi vì nay Ngài

đã nhận thấy ra rằng đây cũng là vấn đề của bản thân mình. Khởi lên từ sự suy ngẫm sâu xa về đau khổ, ý tưởng muốn giải thoát khỏi nỗi khổ đó được nung nấu trong lòng Ngài, dẫn đến tâm đại xả ly. Điều này thúc đẩy Thái Tử Tất Đạt Đa đi tìm tự do vượt thoát đau khổ, và điều này cũng thúc đẩy những người có cùng một lối suy nghĩ như Ngài.

Tâm đại xả ly này thúc đẩy chư Phật tương lai, nhưng theo giáo pháp của Phật giáo Đại thừa thì sự giác ngộ của một vị Phật không phải là kết quả đơn thuần đến từ một ý hướng xả ly độc nhất. Chúng ta còn phải kể đến việc quay trở lại thế giới này [của các Ngài] sau khi đã hiểu được về sự đau khổ của chúng sanh sống trong thế gian. Việc quay trở lại [luân hồi] là do sự thúc đẩy của Bồ Đề Tâm – là tư tưởng của Đại thừa về giác ngộ. Tiến trình suy ngẫm, một hình thức nương vào tuệ minh sát, sẽ còn đưa người thực hành vượt xa hơn cả tâm đại xả ly. Tâm xả ly ở đây là điều đặc biệt liên quan đến Bồ Đề Tâm [tuy nhiên], tiến trình tư duy thì lại là một tiến trình rất khác biệt nếu so với tâm đại xả ly. Tiến trình này giúp chúng ta nhìn thấy sự đau khổ dưới một nhãn quan khác. Đối với những ai sẽ trở thành Bồ Tát (và sự phước này không phải chỉ giới hạn trong kinh điển Đại thừa đối với Tất Đạt Đa mà còn được ứng dụng

cho tất cả những ai có được sự phát tâm chân chính về giác ngộ), thì cho dù hiện tại họ không bị bệnh, già hay chết, họ vẫn không khác gì những ai hiện đang chịu đựng những điều này. Đó là bởi vì tất cả mọi chúng sanh ai ai cũng đều đang bị mắc kẹt trong đau khổ, và bởi đau khổ vốn là điều cố hữu trong dòng chảy của cuộc đời. Họ sẽ quán chiếu và thấy ra rằng mình và người cũng giống như nhau. Sau khi đã trở nên quen thuộc với tư tưởng ấy, thấy rằng chính họ cũng đang chia sẻ cùng vấn đề với những người khác, thì họ sẽ nhận ra rằng vấn đề mà những chúng sanh khác phải đối diện nào có khác vấn đề của chính mình.

Sự quán chiếu đó tạo nên cảm giác về một tình thân thuộc mật thiết. Để rồi cảm giác đó ngày càng gia tăng khi các vị “Bồ Tát tương lai” lại tiếp tục tư duy về mối liên hệ mật thiết giữa mình với những bà mẹ của mình trong giai đoạn đầu đời, và [trong quá khứ] mình đã từng thọ ơn từ thân thể của mẹ mình như thế nào. Bằng lối suy nghĩ này, một khi được mở rộng ra đến tất cả các chúng sanh khác, sẽ giúp cho cảm giác thân thiết gia tăng. Điều ấy sẽ giúp cho các vị Bồ Tát tương lai cảm thấy rằng họ đã từng thọ ơn và đã nhận được sự giúp đỡ từ vô lượng chúng sanh. Một khi nhận ra rằng mình đã từng là người thọ ơn thì điều này sẽ đưa dẫn đến

một niệm tưởng khác, đó là mình phải làm gì đó để đền đáp. Rồi càng quán chiếu đi quán chiếu lại về điều này sẽ dẫn đến tình yêu thương. Tư duy về sự đau khổ của các chúng sanh khác, dựa trên cả chiều sâu lẫn chiều rộng của khổ đau, sẽ khởi động cho một dòng thương cảm và một lòng đại từ bi tích cực, đến nỗi người ta chẳng thể nào có thể chịu đựng được sự đau khổ của các chúng sanh khác. Lòng bi mẫn này sẽ làm cho ý tưởng đầu tiên về giác ngộ khởi sanh. Luôn mang trong lòng niềm suy tư về nỗi đau khổ của chính mình và suy ngẫm để thấy rằng người khác cũng có cùng nỗi khổ như mình, thì điều này sẽ tạo được một sự cương quyết. Rất ráo, ý chí cương quyết muốn cứu giúp các chúng sanh khác thoát khỏi khổ đau cũng sẽ mạnh mẽ y như sự cương quyết thoát khỏi đau khổ cho riêng mình.

Được thúc đẩy bằng tâm đại từ bi, các vị “Bồ Tát tương lai” đánh giá khả năng của họ có giúp người khác thoát khỏi khổ đau được không, và họ nhận ra rằng hiện tại họ cũng không có khả năng tự giúp mình thoát khổ thì làm sao giúp được người khác. Rồi thì họ tự hỏi không biết mình có khả năng xóa bỏ các khiếm khuyết của mình không, hoặc có thể phát triển đủ khả năng để giúp đỡ được người khác thoát khỏi đau hay không. Nói chung, có một số người có được sự tự tin như thế ngay từ lúc

khởi đầu, mặc dù họ không thấy chính cái đích mà họ cảm nhận họ muốn đến. [Còn có] một số người thì lại có niềm tin vững chắc rằng đích đến là một điều khả thi, ngay cả trước khi họ có được sự tự tin để tiến bước. Cả hai đều có lòng tự tin; người trước bắt đầu nhanh hơn, còn người sau thì đạt được đến đích qua một sự bùng vỡ. Trong số những vị “Bồ Tát tương lai” này (kinh điển Phật giáo Đại thừa có giảng dạy con đường tâm linh cho cả hai) thì đối với mục tiêu giác ngộ, người sau sẽ không thể tự mình cam kết một cách trọn vẹn trước khi họ xác định được rằng đây là điều có thể đạt được. Họ quán xét về rất nhiều giáo lý khác nhau của Phật đạo, là những giáo lý đã được truyền dạy cho nhiều thành phần chúng sanh khác nhau, và họ phân vân không biết liệu trí huệ toàn hảo của một vị Phật, là suối nguồn của những giáo lý kia, có thể nào phát sanh được trong một con người bình thường hay không. Bản chất tối hậu – tánh Không [hay duyên sinh] – của vạn pháp đã thuyết phục được họ, để họ thấy rằng sự giác ngộ của Đại thừa là điều có thể đạt được. Và rồi sau đó thì tư tưởng giác ngộ – hay Bồ Đề Tâm – mới sẽ khởi lên trong họ. Đây là một trạng thái thiền chân chính, là một ước vọng thẳm sâu đã có được nhờ vào một tiến trình tư duy trước đó, và bây giờ chính là lúc tâm ấy có thể tự phát sanh một cách tự nhiên.

Khi tư tưởng về giác ngộ khởi lên, tâm giác ngộ ấy không phải chỉ có một mà là có hai mục đích. Mục đích thứ nhất của Bồ Đề Tâm là sự giác ngộ cho chính mình. Mục đích thứ hai của Bồ Đề Tâm là sự giải thoát khỏi khổ đau cho tất cả những chúng sanh khác. Mục đích giải thoát cho người khác không phải là sự quan tâm tức thì của Bồ Đề Tâm – mục đích này không xuất hiện đầu tiên trong quá trình tư duy như là một điều kiện cần thiết – bởi sự quan tâm hàng đầu vào lúc đó chỉ là giác ngộ [cho bản thân]. Tuy nhiên, nếu muốn xem sự giác ngộ bản thân như là một sự thành tựu, thì mục đích của giác ngộ cá nhân chỉ có giá trị như là một phương tiện để hỗ trợ cho mục đích thứ hai và cho mục đích căn bản mà thôi, tương tự như cái ly nước chỉ có giá trị như là một phương tiện để làm dịu cơn khát. Cơn khát căn bản chính là giúp cho những chúng sanh khác có được trạng thái giải thoát, và cơn khát đó giải thích tại sao người ta đi tìm kiếm cái ly giác ngộ.

Việc thực hành ý hướng giác ngộ là tập quen thuộc với một cách thức suy tư đặc biệt trong một thời gian dài để có thể tạo được một ao ước mãnh liệt làm sao cho những chúng sanh khác cũng có được trạng thái giải thoát. Tại sao phải là trong một thời gian dài? Bởi vì cách thức mà chúng ta hiện đang suy nghĩ về thế giới

mà mình đang sống (là một cách suy nghĩ đã thâm căn cố đế đến nỗi ta coi đó như là điều tự nhiên). Cách suy nghĩ này vốn đã hiện hữu từ trước cả khi chúng ta có được tâm đại xả ly, trước cả khi ta có được tư tưởng giải thoát khỏi khổ đau của chính mình. Chỉ khi nào bản thân ta có được tâm đại xả ly thì sau đó chúng ta mới có thể có được cảm xúc mạnh mẽ muốn người khác cũng đạt được trạng thái giải thoát như thế. Và chỉ khi nào ước muốn [giải thoát các chúng sanh khác] được khởi lên một cách mãnh liệt thì đến lúc đó, ước vọng đạt được giác ngộ – là phương tiện để thành tựu [mục đích giải thoát chúng sanh] – mới phát sanh.

Có lẽ việc nói về kích thích của một tư tưởng thì thật là kỳ quặc, nhưng khi nói rằng một người nào đó đang mang một tư tưởng lớn thì điều đó không phải là không có ý nghĩa. “Tôi muốn tất cả các bạn đến tham dự tiệc sinh nhật của tôi” là một tư tưởng lớn hơn là “tôi muốn chỉ vài người trong các bạn đến tham dự.” Dựa trên lý thuyết mà nói thì Bồ Đề Tâm là một tư tưởng lớn mà bất kỳ ai cũng có thể nghĩ đến, do bởi tư tưởng này dựa trên số lượng của những người có can dự, trên những gì mà Bồ Đề Tâm muốn những người ấy có được, và dựa trên chiều dài thời gian mà những điều này cần hiện hữu trước khi động lực bị lụi tàn. Thời gian một tư

tưởng kéo dài lâu hay mau có thể thay đổi tùy vào mục đích, nghĩa là một khi đã đạt được mục tiêu thì các hành động khởi lên từ tư tưởng đó cũng sẽ chấm dứt. Tuy thế, ta vẫn có thể nuôi dưỡng tư tưởng đó [trong một thời gian] dài hơn và lâu hơn. Bồ Đề Tâm nhất thiết cần phải được duy trì cho đến khi ngay cả một chúng sanh cuối cùng còn sót lại cũng đạt được giải thoát, vì chỉ đến khi đó thì mục đích cuối cùng mới đạt được. Điều này giải thích lời cầu nguyện Phổ Hiền (Samatabhadra) trong phẩm Nhập Pháp Giới (*Gandavyūha*) của bộ Kinh Hoa Nghiêm (*Avatamsaka Sutra*) mà Đức Dalai Lama thường trì tụng: “Mãi cho đến khi không gian còn, tôi nguyện xin ở lại để làm lợi ích chúng sanh.”

Giác ngộ (Bồ đề)

Trong kinh điển Đại thừa, câu chuyện về Đức Phật – như là một con người [bình thường] với tâm đại xả ly, là một câu chuyện rất quan trọng, vì tâm đại xả ly ở đây chính là động lực thúc đẩy Tất Đạt Đa đạt được thành tựu. Ai người xưng tán Bồ Đề Tâm đều cần phải xưng tán tuệ minh sát, bởi vì điều đó dẫn đến tâm đại xả ly cũng như dẫn đến trạng thái đại xả ly, và [qua đó] đại xả ly được đặt vào vị trí trọng yếu của đời sống tâm linh.

Nhưng đối với một người đã viết các tác phẩm về Đại thừa như Khunu Rinpoche, thì chỉ duy nhất một mình đại xả ly không thể nào bao hàm được sự đa dạng vĩ đại trong cảnh giới của một vị Phật, là một sự đa dạng mà các chúng sanh khác có thể tiếp cận được. Điều này chỉ có thể được giải thích bởi Bồ Đề Tâm. Nếu tâm xả ly là để giải thích cho sự giải thoát khỏi khổ đau, như tư tưởng muốn thoát khỏi cảnh cơ hàn là để giải thích cho sự thịnh vượng giàu có, thì Bồ Đề Tâm là để giải thích cho sự giác ngộ của Đại thừa.

Theo kinh điển Đại thừa, giác ngộ bao gồm hai thân: Pháp Thân (Phạn: *dharmakāya*) và Sắc Thân (Phạn: *rūpakāya*). Pháp thân (“thân” ở đây được dùng trong nghĩa là “thân toàn tri”) chính là sự toàn tri và sự tự giải thoát của một vị Phật. Bởi vì Pháp thân này cũng bao gồm tất cả các tầng thiền, nên còn được gọi là “sự thấu biết tất cả các pháp tu [trợ đạo]” (Phạn: *sarvākārajñāna*). Còn sắc thân thì không phải là sự giác ngộ cá nhân mà sắc thân là những gì các chúng sanh khác có thể tiếp nhận được – phần lớn xuất hiện trong hình thức của những giáo lý của Đức Phật. Theo nghĩa rộng lớn hơn thì sắc thân còn bao gồm tất cả “các hiện tượng thanh tịnh” (ý nghĩa của các hiện tượng này cũng giống như trước đây khi chúng ta nói đến sự “quay trở lại thế gian” của

các Ngài). Một khi các hiện tượng này của các Ngài [được chúng sanh tiếp cận] với một thái độ tích cực và lành mạnh thì các hiện tượng ấy sẽ giúp cho khả năng tiềm ẩn của chúng hữu tình trở nên mạnh mẽ hơn, để họ có thể chịu đựng được bất kỳ tình huống nào xảy ra cho họ, và hơn thế nữa, để chuyển hóa tất cả mọi hoàn cảnh thành con đường làm lợi lạc chúng sanh. Để giải thích cho tiến trình này, Khunu Rinpoche viết như sau:

Thật tốt lành khi biết Bồ Đề Tâm không cho quả chỉ một lần duy nhất.

Mà cho đến khi đạt được toàn tri,

Bồ Đề Tâm vẫn không ngừng lớn mạnh.

Khi đã đạt được toàn tri,

Những hạt mưa Pháp quý giá từ mây sắc thân

Sẽ nuôi dưỡng mầm thiện đức mà ta thực hiện.

(Ngọn Đèn Châu Báu, thi kệ 13)

Quan điểm chính yếu của Đại thừa về giác ngộ chính là từ bi cho tất cả chúng sanh, đặc biệt trong dạng thức của Bồ Đề Tâm.

Kinh điển Đại thừa không những chỉ hiểu giác ngộ theo một cách khác, khác hơn trong câu chuyện về cuộc đời Đức Phật, mà sự hiểu biết về chính tâm đại xả ly cũng khác hẳn. Đại thừa cho rằng sức mạnh của tâm đại xả ly không kết thúc với niết bàn mà đúng hơn thì đây chính

là một sự bắt đầu. Một lần nữa, sự cân nhắc đứng sau quan điểm này về tâm xả ly liên quan đến các hiện tượng thanh tịnh và liên quan đến lý do tâm xả ly có liên kết như thế nào với sự thành tựu cá nhân về giải thoát và toàn tri của một vị Phật.

Trong câu chuyện về Đức Phật, như là một con người, tư tưởng (xả ly) của Tất Đạt Đa không ngừng nghỉ mà vẫn tiếp tục trong khi Ngài theo đuổi việc tu tập dẫn đến giải thoát, và tư tưởng này chỉ dừng lại khi Ngài đạt đến niết bàn bên bờ sông Ni Liên Thuyền (Nirājanā). Theo lối giải thích này, niết bàn là giác ngộ, và niết bàn tối hậu sẽ đạt được ngay cả khi phần thân vật lý còn lại của Đức Phật tan biến lúc cuối đời. Tất cả mọi niệm tưởng – ngay cả tâm đại xả ly – cũng chấm dứt ở niết bàn. Sự giải thoát mà Tất Đạt Đa đã đạt được (Diệt đế: đế thứ ba trong Tứ Diệu Đế) là một sự ngừng dứt, chứ không phải là một sự hình thành; và trong trạng thái giải thoát ấy, tất cả mọi niệm tưởng và cảm xúc cũng ngừng dứt luôn. Chỉ có thân – tức sắc uẩn – là còn sót lại, nhưng ngay cả sắc thân, cuối cùng cũng tiêu tán vào lúc Ngài nhập đại niết bàn tại Kusanagar – khi ấy “toàn khối đau khổ chông chất” cũng không còn nữa.

Nhưng theo kinh điển Đại thừa, cả hai tâm đại xả ly và Bồ Đề Tâm đều không tự biến mất trong niết bàn. Tuy

nhiên, trong niết bàn, vẫn theo kinh điển Đại thừa, thì hoàn toàn không có sự hiện diện của các niệm tưởng, không có cả các tư tưởng bòn xén hay ích kỷ, và ngay cả các ước nguyện vô ngã dẫn đến trạng thái thanh tịnh cũng không hiện hữu. Ở chiều sâu của đau khổ thì đau khổ chính là sanh ra để phải chết đi, và đau khổ được nung nấu bởi những hành động đến từ những tư tưởng như thế. Đây là một ý niệm hiển nhiên trong toàn bộ Phật giáo, nghĩa là cho dù chất đốt của các niệm tưởng đã được chất chứa nhiều rồi, nhưng trạng thái giải thoát sẽ giúp ngăn cản không cho nó bùng cháy. Ngay cả tâm đại xả ly và Bồ Đề Tâm cũng không thấy có mặt trong một trạng thái mang tính biểu hiện thuộc niết bàn. Tuy nhiên, đối với một tác giả Đại thừa như Khunu Rinpoche thì tâm đại xả ly tiếp tục báo cho niết bàn biết rằng, Bồ Đề Tâm vận hành là để ngăn chặn những gì còn sót lại trong sự tồn tại [của luân hồi], ví dụ như sự mệt mỏi còn sót lại do lao lực quá sức ngăn chặn không cho người ta thức dậy nữa. Và Bồ Đề Tâm tiếp tục báo cho giác ngộ biết rằng, Bồ Đề Tâm chính là nguyên nhân để các giáo lý và các hiện tượng thanh tịnh tiếp tục ứng hiện “từ đám mây sắc thân” vì lợi ích của các chúng sanh khác.

Khi kinh điển Đại thừa nói rằng không hề có bất kỳ tư tưởng nào trong niết bàn, có nghĩa là chân lý rốt ráo của tất cả các pháp là tánh không, là siêu vượt mọi sự tạo tác, chứ không phải niết bàn là tượng trưng cho sự tịch diệt vào lúc chết. Tương tự như thế, khi kinh điển Đại thừa nói rằng tâm đại xả ly và tư tưởng giác ngộ khởi sự ở ngay niết bàn chứ không phải là chấm dứt ở đó, thì điều này có nghĩa là chân lý rốt ráo của tất cả mọi sự đều là niết bàn, và niết bàn không là gì khác hơn ngoài chính tánh không. [Ý nghĩa của] niết bàn ở đây là vắng bật mọi sự [vọng chấp] đối với những hiện tượng mà một người bình thường xem như là có thật; và đặc biệt là niết bàn vắng bật tất cả mọi [vọng chấp] đối với một cái ngã mà một người bình thường hay tự phóng chiếu ra. Họ phóng chiếu ra một cá nhân có căn cước đặc trưng, rồi họ dựa vào cái ngã này và bám lấy nó, cho nó là thật. Kinh điển Đại thừa cho rằng tánh không, hay sự vắng bật của mọi ảo tưởng như trên chính là niết bàn, bởi vì con người chỉ thể nhập được niết bàn – một cảnh giới hoàn toàn không có phiền não – bằng cách đừng bám trụ vào bất kỳ một ảo tưởng nào rồi cho đó là thật. Một khi trí huệ không bám trụ vào bất kỳ một ảo tưởng nào qua sự giả lập, và không bám trụ vào ngay cả tánh không – thì người tu sẽ bước vào được niết bàn, nơi không có bất kỳ ảo tưởng hay tư tưởng

nào còn sót lại. Trí huệ nhận biết được ý nghĩa của chân đế trong một cái nhìn bất nhị, đấy chính là vô dư niết bàn, và từ cảnh giới này của chân tướng, các hiện tượng thanh tịnh trong tất cả những hình dạng khác nhau sẽ ứng hóa, do [được thúc đẩy bởi] động lực của tư tưởng giác ngộ.

Chúng ta cần phải suy ngẫm về quan điểm của Đại thừa Phật giáo dựa trên Bồ Đề Tâm và quan điểm của Căn bản thừa Phật giáo với câu chuyện của Đức Phật như một con người. Mặc dù theo Căn bản thừa Phật giáo thì thân và khẩu của Đức Phật cũng giống như thân và khẩu của những người thường – cùng đau khổ như nhau và không phải là một phần của giác ngộ. Tuy thế, giáo pháp của Đức Phật tiếp tục tồn tại để mang lại lợi lạc cho những ai muốn học hỏi và đưa vào thực hành. Trong Phật Pháp căn bản, giáo pháp của Đức Phật tồn tại như là công trình của một triết gia, người đã tạo lập một triết thuyết chân chính, tài tình, và sau đó đã được cẩn thận viết lại thành sách. Sách được lưu truyền để người người có thể học hỏi và có được một đời sống tốt đẹp hơn, và lợi ích của triết thuyết này có thể tự thiết lập trở lại lâu sau khi triết gia đã lìa đời. Hay nói cách khác, triết lý này trường tồn lâu dài y như công việc của một nhà hảo tâm thành lập một hội đoàn và quy định rằng tất cả những lợi nhuận tạo được đều dành

cho việc quản lý một dưỡng đường điều trị bệnh ung thư. Tuy nhiên, theo kinh điển Đại thừa, lợi lạc của sự giác ngộ lớn lao hơn điều này rất nhiều.

Các tác giả viết về Phật Giáo Đại thừa – trong đó có Khunu Rinpoche – đều cho rằng không phải chỉ là giải thoát khỏi khổ đau, mà trí tuệ toàn hảo [trí Phật], thân Phật, khẩu Phật thảy đều phải hợp nhất để có được giác ngộ. Và như thế thì con đường đưa tới giác ngộ phải bao gồm tất cả các nhân giác ngộ. Nếu việc diệt tâm phiền não là kết quả trực tiếp của con đường tu định và tu huệ, tương tự như thế, thân Phật và khẩu Phật – tức sắc thân – cũng phải được tác động qua con đường gồm các hành động vị tha của thân và khẩu. Như đôi cánh của con thiên nga, con đường của trí huệ mang đến sự toàn tri, và con đường của phương tiện thiện xảo [tức từ bi] tạo được thân Phật và khẩu Phật mà qua đó các vị Bồ tát có thể vận hành xuyên qua không gian để bước vào được nền tảng đích thực của Phật quả.

Có một mối liên hệ vốn rất gần gũi giữa tánh không (chân đế) và tư tưởng về giác ngộ, tương tự như liên hệ giữa Pháp thân và Sắc thân, và tương tự như sự liên hệ giữa con đường trí tuệ và con đường phương tiện. Hiểu được sự liên kết này chính là hiểu được sự phân chia Bồ Đề Tâm thành Bồ Đề Tâm tối thượng và

Bồ Đề Tâm tương đối. Bản chất tối hậu của Bồ Đề Tâm (tức là niết bàn hay tánh không của các niệm tưởng) là bản chất mà từ đó tư tưởng giác ngộ nguyên thủy khởi sinh; thực sự thì Bồ Đề Tâm cũng không là gì khác ngoài một ý niệm. Bởi vì bản chất của Bồ Đề Tâm chính là sự tỉnh giác, giống như một ngọn đèn; sự tỉnh giác chiếu rọi vào những gì mà tư tưởng hướng tới. Ngọn đèn này, không phải là một ngọn đèn vật lý nhưng cũng tương tự như thế, là một khía cạnh biểu hiện của chân tánh tối thượng. Khi nhắc đến mối liên kết giữa Bồ Đề Tâm và tánh không thì trong Kinh Trí Huệ Bát Nhã, bộ kinh quan trọng nhất của kinh điển Đại thừa, có nói rằng:

“Khi một vị Bồ Tát rèn luyện và phát triển được trí huệ toàn hảo (trí huệ Bát nhã), thì vị đó phải tự mình luyện tâm để không trở nên tự kiêu về Bồ Đề Tâm (tư tưởng giác ngộ) vì Bồ Đề Tâm là điểm khởi đầu cho sự nghiệp của mình. Tư tưởng đó [thật] cũng chẳng phải là một tư tưởng, bởi vì bản tánh tinh nguyên của tư tưởng đó [vốn] là quang minh trong suốt.” (5)

Trong sự phát triển toàn diện, thông qua tiến trình của duyên khởi, ánh sáng của tâm trở thành một sự toàn tri vô chướng ngại (Pháp thân), một sự rõ biết thông suốt về tất cả các pháp và chính Pháp thân đưa đến sự

sinh khởi của các giáo lý Phật đà (hay Sắc thân) trong muôn hình vạn trạng khác nhau. Cũng như một ngọn đèn đang cháy bị giấu kín trong cái nôi; khi cái nôi đó bị vỡ toang và bị quăng bỏ, thì ngọn đèn sẽ tỏ lộ khả năng tự nhiên [tự tánh] của nó, là chiếu sáng từng góc một trong căn phòng. Tương tự như vậy, tâm của một con người cũng [vốn] có đầy đủ tự tánh chiếu sáng và rõ biết – tức Pháp thân – về tất cả các pháp. Điều đó xảy ra khi tất cả các giới hạn trước kia do vô minh áp đặt, nay đã được xuyên thủng, và khi các giới hạn này được phá trừ thông qua văn, tư, tu (học hỏi, tư duy và tu tập), bản tánh tối hậu của Bồ Đề Tâm sẽ siêu vượt các niệm tưởng và sự giả lập, và toàn tri chính là sự quay trở về với những gì vốn sẵn có ngay nơi miền đất [ảo tưởng] chưa bao giờ từng hiện hữu. Đây là sự quay đầu lại để tập trung quán chiếu về các ảo tưởng méo mó xoay quanh ngã ái. Theo ý nghĩa này thì Bồ Đề Tâm tối thượng và Bồ Đề Tâm tương đối là không khác nhau, cả hai loại thân Phật [Pháp thân và Sắc thân] của một vị Phật là không khác nhau, và cõi luân hồi tự nó chỉ là một phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chúng ta đến niết bàn – và niết bàn ở đây chính là chân lý rốt ráo tối hậu.

Nếu giải thích theo cách thông thường tương đối, thì Bồ Đề Tâm là cả hai: vừa là lời cầu nguyện và vừa là sự cất bước. Đó là sự cầu nguyện, bởi vì Bồ Đề Tâm trong sáng và là một sự xác định rõ ràng về lòng vị tha mà ta mong ước đạt được. Lời cầu nguyện này cũng là một hứa nguyện bởi vì đó chính là một sự cam kết không gì lay chuyển được để đạt được giác ngộ vì lợi ích cho những chúng sanh khác.

Còn đối với sự cất bước, thì Bồ Đề Tâm là một lời hứa nguyện trong một ý nghĩa sâu xa hơn. Đây là một sự cấu tạo tâm lý phức tạp để ngăn giữ không cho ta vi phạm các tiêu chuẩn Bồ tát. Lời hứa nguyện trong ý nghĩa sau tương tự như một kiến thức phức tạp về các quy luật trong xã hội, nơi mà mọi người cùng chung sống hài hòa không vi phạm luật pháp. Tuy nhiên, Bồ Đề Tâm không chỉ [thuần túy] là kiến thức mà còn là một tư tưởng phức tạp hơn thế nữa, để kiềm chế và để giải thích tại sao người ta không những chỉ biết luật lệ, mà còn phải biết làm sao sống trong vòng luật pháp nữa.

Giới luật để điều khiển sự diễn đạt hay sự cất bước đưa ta đến giác ngộ đồng thời cũng chính là một đạo luật để làm lợi lạc cho các chúng sanh khác. Con đường này – nơi trí huệ và phương tiện đồng vận hành cùng một lúc – tương tự như là một cái áo giáp được hình thành bởi

sự hợp nhất bất khả phân của 6 pháp tu toàn hảo (lục độ ba la mật). Cái áo giáp này sẽ bị chọc thủng nếu vị Bồ Tát sa ngã, không còn giữ được các tiêu chuẩn cao thượng để chuyển hóa mọi trạng huống về với Đại thừa (Mahāyāna), để dẫn dắt từng người một về với giác ngộ. Khi mặc chiếc áo giáp này – nghĩa là thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ – vị Bồ Tát cất bước trên một cuộc hành hương gian khổ trong thế giới của chúng hữu tình, giúp chuyển hóa các tình huống [tiêu cực], là những tình huống có thể đánh bại những chúng sanh khác, những chúng sanh không mặc đủ áo giáp trong tiến trình đạt đến giác ngộ. Và chính giác ngộ mới là sự đóng góp to lớn hơn hết thảy [trên con đường Bồ tát] và là điều Bồ tát có thể [đạt được để] làm lợi lạc cho các chúng sanh khác.

Lời bình giảng của Đức Dalai Lama

Vào tháng Một năm 1998, Đức Dalai Lama đã đến thăm viếng Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya) theo lời mời của Hội Bảo Vệ Truyền Thống Đại thừa để giảng dạy về *Ngọn Đèn Châu báu – Những Lời Xưng Tán Bồ Đề Tâm* – của Khunu Rinpoche. Điều đáng chú ý là mặc dù Ngài được thỉnh mời để giảng về *Ngọn Đèn Châu báu* và quyển thi kệ này đã được phân phát ở Bồ Đề Đạo Tràng

để tạo sự thuận tiện cho việc giảng dạy, thì Ngài đã đặt thi phẩm đó qua một bên sau khi giảng sơ lược về thi kệ mở đầu liên quan đến quy y Phật, và đã dựa phần giảng dạy của Ngài trên tác phẩm *Các Giai Trình Tu Thiền* (Phạn: *Bhāvanākrama*) của Đức Liên Hoa Giới (Kamalasila). Ngài đã giảng sâu rộng về đoạn khởi đầu của *Các Giai Trình Tu Thiền* khi Đức Liên Hoa Giới cho rằng “từ bi chính là gốc rễ của con đường tu tập”. Trong những ngày còn lại Ngài đã dạy về con đường tu tập Phật Pháp căn bản để đạt được giải thoát căn cứ theo cách trình bày có hệ thống trong luận giải *Các Giai Trình Tu Thiền*. Khi giải thích về *Tứ Diệu Đế*, Ngài đã giảng thêm một phần ngắn liên quan đến một giải thích thâm sâu về tánh không, căn cứ theo luận giải *Xưng Tán Duyên Khởi* do Đức Tsongkhapa viết. Thêm vào đó, trong suốt khóa tu học, Đức Dalai Lama đã đọc lớn tiếng nhiều thi kệ trong *Ngọn Đèn Châu Báu* mà hầu như không có lời giải thích trực tiếp đi kèm. Tương tự như Ngài bất chợt nhặt những câu kệ ấy lên rồi lại đặt chúng sang một bên. Khi chấm dứt việc đọc to những đoạn kệ sau cùng, Ngài nói: “Đây là những thi kệ xuất sắc. *Thỉnh thoảng hãy chọn một vài thi kệ. Hãy đọc lên và rồi suy ngẫm về những gì các câu kệ này muốn nói.*”

Không có gì nghi ngờ về việc Đức Dalai Lama đã vô cùng ngưỡng mộ thi kệ Ngọn Đèn Châu báu. Ngài đã viết lời tựa ngắn cho ấn phẩm đầu tiên bằng Tạng ngữ xuất bản vào năm 1996 tại thành Ba La Nại (Varanasi) do chị ruột của Ngài là bà Tsering Dolma bảo trợ ấn tống, và nhiều lần Ngài đã đọc to các thi kệ này lên trong các cuộc hội họp của người Tây Tạng. Đây thật là điều đáng chú ý, bởi vì thường thì các vị đạo sư Tây Tạng hay dạy đi dạy lại về các luận giải cổ điển như *Bodhicaryāvatāra* (Bồ Đề Hành Luận) của Ngài Tịch Thiên (Santideva), và thật là không bình thường chút nào khi các Ngài lại đặt tầm quan trọng lên trên những quyển sách mới.

Lời bình giải của Đức Dalai Lama về các bộ luận khác ở Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya) [thực ra] cũng là lời bình giảng của Ngài về Ngọn Đèn Châu báu, bởi vì nếu đem ra phân tích rất ráo thì ta sẽ thấy là không có pháp tu nào trong Phật giáo lại không bắt nguồn từ chính tư tưởng giác ngộ. Bởi vì tất cả những gì Đức Phật đã dạy đều là vì lợi ích của chúng sanh, nên để dẫn dắt những người có sự quan tâm và tài năng khác nhau trên con đường giải thoát, tất cả mọi sự mô tả về phương pháp tu hành phải luôn nhắc nhở người nghe về tư tưởng giác ngộ. Theo ý nghĩa như trên thì mọi sự mô tả nghiêm túc về một phần của đạo lộ cũng là một sự xưng tán tâm từ bi, bởi vì tâm

từ bi là động cơ đã thúc đẩy Đức Phật mở lòng mình ra. Ngài Liên Hoa Giới cũng đã từng nghĩ về điều này trong tâm khi Ngài nói rằng “từ bi là gốc rễ của con đường tu”, cũng giống như Đức Dalai Lama đã từng nói trong một dịp khác rằng: “không có gì tuyệt đối trong đạo Phật, nhưng nếu có thì đó chính là từ bi.”

Trong phần luận giải, Đức Dalai Lama đề nghị mọi người đọc những thi kệ này không phải chỉ đọc suông rồi xếp qua một bên, mà hãy xem đó như là một lời nhắc nhở về sự quan trọng của từ bi tâm. Bất cứ sự nghiên cứu hay thực hành giáo pháp nào của Phật đạo cũng cần có sự bổ sung của các câu kệ này, ngay cả nếu chỉ là thuần túy nhớ nghĩ về sự có mặt của chúng. Một cách đơn thuần thì các thi kệ này biểu trưng cho sự quan trọng của tâm từ bi và nhắc nhở cho độc giả, ngay cả đối với những độc giả nào vẫn còn cảm thấy điều này thật khó hiểu, rằng nếu không có từ bi thì [đồng nghĩa với] không có con đường tu trong đạo Phật.

Rato Kyongla – một vị thánh giả trưởng lão người Tây Tạng sống ở New York – có một con mèo tên Jack Benny – đó là con mèo một hôm đã lén vào nơi cư trú của thầy bằng cửa sổ mà chẳng hề thông báo. Sau khi Jack chết đi, Rato Kyongla nói với vài người bạn và học viên ở Á Châu là thầy sẽ bình giảng về Ngọn Đèn Châu

Báu. “Nếu quý vị muốn đến với buổi pháp đàm này” – thầy nói – “thì quý vị phải đọc từ đầu đến cuối cuốn sách này 3 lần.” Khi chấm dứt phần giảng dạy, thầy đã hồi hướng tất cả công đức cho con mèo Jack Benny. Đây là phương cách chúng ta cần tiếp cận với một cuốn sách về Bồ Đề Tâm. Đừng đọc chỉ vì muốn học hỏi điều gì đó cho cá nhân mình, mà hãy nguyện cho hành động đọc sách của mình đem lại lợi lạc cho những chúng sanh khác. Từ bi không phải là điều có thể tách rời khỏi một hoàn cảnh nào đó mà chúng ta phải chạm mặt. Từ bi không phải là điều để thực hành vào ngày mai, mà là những gì chúng ta phải sống ngay hôm nay.

LỜI TỰA CỦA ĐỨC DALAI LAMA

Đấng cao quý Tenzin Gyaltzen Rinpoche [Khunu Rinpoche] – người giữ gìn mật giới hạnh của một vị Bồ Tát – đã ra đời với đầy đủ 7 phẩm vật [tượng trưng] cho tài sản của một người đáng tôn quý ở miền Tây Ấn Độ. Khi còn trẻ Thầy đã được theo học với nhiều học giả Tây Tạng của truyền thống Rimé (Bất bộ phái), đã học hỏi và đã suy ngẫm sâu xa về tất cả các hệ phái tri thức chung nhất hoặc dị biệt. Đặc biệt, Thầy đã khảo cứu về *Bodhicaryāvatāra* (Bồ Đề Hành Luận) của Ngài Santideva (Tịch Thiên), đã học tập, suy ngẫm về bản luận đó. Những điều ấy đã nhập tâm Thầy, và Thầy không bao giờ sai chệch đối với các thông điệp cốt tủy trong đó. Như thế, tư tưởng giác ngộ (Bồ Đề Tâm) ngày càng được trường dưỡng mạnh hơn và mạnh hơn trong trái tim của Thầy, và Thầy đã càng ngày càng thương mến người khác hơn cả chính mình. Đây chính là tư tưởng trọng yếu của chư Phật và các vị trưởng tử. Và để giữ lời cam kết về việc phát huy Bồ Đề Tâm, Thầy

đã mỗi ngày viết xuống một thi kệ xưng tán Bồ Đề Tâm trong cuốn sách mang tên Ngọn Đèn Châu báu này.

Nói chung, xin nguyện cho thiện căn mà Phuntsog Tashi, một người giàu lòng tín tâm, đã gieo trồng trong việc ấn tống tác phẩm này) sẽ được tăng trưởng, với mục đích khai sáng cho người chị của tôi là Tsering Dolma về điều thiện lành, cốt yếu là để giúp cho các giáo lý trân quý của Đức Phật được thăng hoa – như là linh dược cam lộ dành cho thời đại kém may mắn này, một thời đại đầy rẫy vũ khí nguyên tử, bệnh truyền nhiễm và sự rối loạn. Tôi xin đặc biệt hồi hướng các thiện căn đó và xin nguyện như sau:

Xin nguyện cho những hành động thô bạo đưa đến sự hủy hoại chính mình và muôn người muôn loài khác, bây giờ và trong tương lai – những hành động tệ hại biểu hiện cho cơn thịnh nộ và giận dữ trong thời đại suy đồi này, như: nói dối, lừa đảo, tranh chấp, hãm hại, bạo lực – xin nguyện cho những tư tưởng đưa đến việc thực hiện những điều tệ hại đó sẽ chấm dứt, và xin nguyện cho tình thương quý giá, từ bi và Bồ Đề Tâm lớn mạnh trong tâm thức của tôi và những người khác. Và một lần nữa, với hai bàn tay chấp lại, tôi xin cầu nguyện cho tất cả chư Tăng, chư Ni và các cư sĩ, khi học tập, suy ngẫm và thiền định về bản văn này, sẽ luôn giữ được trong tâm Pháp

Phật cao quý, không với động lực lệch lạc chỉ tìm hạnh phúc, lợi lộc hay danh tiếng cho chính mình. Cho dù đây là con đường khó khăn [để noi theo], như tôi đã có nhắc đến trong lời cầu nguyện, nhưng tôi mong họ sẽ luôn trưởng dưỡng được con đường này. Tôi cũng mong rằng, trong khả năng tốt nhất của họ, họ sẽ luôn thấy được tầm quan trọng của tâm thanh tịnh, và khi bị [thử thách], họ cũng sẽ luôn giữ vững được sự thanh tịnh này, trong triết lý sống và trong cuộc đời của họ và cả trong nội tâm lẫn ngoại cảnh.

Vì thế cho nên, tôi, Tenzin Gyatso, một tu sĩ Phật Giáo, vào ngày 9 tháng 11 năm con Khỉ gỗ (ngày 1 tháng 1 năm 1966) xin dâng lời cầu nguyện này tại Tu viện Tây Tạng Shedrup Dokyil, Sarnath, nơi Đức Phật đã chuyển pháp luân giảng dạy về Tứ Diệu Đế.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã soạn những lời trên đây cho ấn bản đặc biệt Ngọn Đèn Châu Báu - Xưng Tán Bồ Đề Tâm bằng Tạng ngữ, được ấn hành tại Ba La Nại và được chị của Ngài là Tsering Dolma bảo trợ.

CHÚ THÍCH CỦA PHẦN GIỚI THIỆU

- (1) Các dữ kiện liên quan đến phần tóm tắt cuộc đời của Khunu Rinpoche phần lớn được trích từ tài liệu tuyệt vời *mDzad rnam* và *rNnam thar thar pa'l them skas* do Ngodup Gasha viết (không biết nơi xuất bản, đã ấn hành 1.000 cuốn vào năm 1989). Tác giả – người đã kết hợp kỹ thuật tốt nhất của cách viết tiểu sử truyền thống và hiện đại – cho biết rằng ông tên là Ang Rup, và ông đã cho ấn hành một bản dịch *Ngọn Đèn Châu Báu* bằng tiếng Ấn Độ mà tôi chưa tra cứu. Ngodup Gasha đưa ra danh sách các nguồn mà ông đã tham khảo cho cuốn tiểu sử này: 1). Bản chép lại từ một bản thu băng đã được chỉnh sửa từ Khunu Rinpoche về cuộc đời và sự nghiệp của Ngài; bản này là những câu trả lời của Rinpoche đến từ sự yêu cầu của một thầy giáo người Hoa Kỳ ở Kathmandu (vào năm 1972); 2). Những ghi chú của tác giả khi phỏng vấn Rigzin Tenpa [về Khunu Lama] tại Bồ Đề Đạo Tràng vào năm 1979; Rigzin Tenpa là một học giả lỗi lạc đến từ Khunu và lớn hơn Khunu Lama 3 tuổi; 3). Hồi ký và các ý kiến của Bhagat Singh – một người có học thức đến từ Khunu; đây là một văn bản còn thô sơ về cuộc đời của Khunu Rinpoche (không ghi ngày

tháng viết); 4). “Hồi Ký” của Lahauli Tashi Paljut với tiêu đề *Dadbstod’os pa’l ne gi rin po che* (Delhi, tháng 8 năm 1978); 5). Soahan Lal Sharma, *Ni gi rin peche’l ngo sprod mdor bsdus*. Trong tập sách *Vidya – bharati*, Văn phòng thông tin của chính quyền Haryana (năm 1986); 6). Văn bản của Roshan Lal (Khu nu ba) với tiêu đề *Byang chub sems dpa’ bstan ‘dzin rgyal mtshan lagskyl ngo sprod ‘dus pa*, được trình bày trong Hội Nghị Học Giả tại Kye long (tháng 7 năm 1986); 7). Những gì Khunu Rinpoche đề cập với Ngodup Gasha trong giờ giải lao tại các khóa giảng.

- (2) Trong phần trích đoạn từ một trong những bài thơ của Khunu Rinpoche để giảng dạy về mẫu tự, những chữ được gạch dưới trong phần dịch sang tiếng Anh tương ứng với dòng đầu tiên của văn bản tiếng Tây Tạng, [nghĩa là] mẫu tự đầu tiên trong mỗi chữ là mẫu tự kế tiếp trong bảng chữ cái Tây Tạng. Phần này dạy từ mẫu tự thứ 9 “*ta*” đến mẫu tự thứ 16 “*ma*” của bảng chữ cái Tây Tạng.

“Con xin quy y chư Như Lai từ tận đáy lòng con [do bởi tình thương dành cho] chúng sanh – là những người với hiện tướng bình thường (*tha mal snang*), nhưng chẳng khác nào như là những người mẹ già

của con. [Điều đó làm cho con quyết định là] từ hôm nay trở đi (*da nas*), con sẽ đeo vào người chiếc áo giáp của đại từ bi dành cho họ, là chiếc áo giáp mà con sẽ không bao giờ cởi ra, con sẽ tạo nhân duyên cho Bồ Đề Tâm khởi lên để giải thoát họ khỏi đau khổ mà họ đang phải hứng chịu, như tật bệnh (*na*), già và chết v.v. Bồ Đề Tâm ấy giống như một vị trời rực rỡ ánh sáng trắng/ hay như một hành tinh rạng ngời sắc trắng Śukra (*pa ba sangs*); và đối với các pháp thực hành tâm linh vô giới hạn (*pha mtha*) của chư Bồ Tát, con sẽ đan dệt tất cả lại như một lưới nhện (*ba rgya*), không quan tâm đến thân mình và ngay cả cuộc đời con, con sẽ thực hành như là một cỗ xe lớn (*ma bay a na*) thoát khỏi những tham luyến.

- (3) Ngodup Gasha liệt kê danh sách của các ấn bản *Ngọn Đèn Châu Báu* như sau đây: 1). Do Khunu Rinpoche ấn hành một số lượng lớn ở Vườn Lộc Uyển (Sarnath), không ghi ngày tháng; 2). Do chị Tsering Dolma của Đức Dalai Lama ấn hành vào năm 1966; 3). Ấn hành thay mặt Bhagti A. S. Ranga khi ông còn rất trẻ; 4). Ấn hành bởi A. S. Ranga pa Hu kum sen và Lid pa Tsewang Norbu, là hai vị đồng bảo trợ trong năm 1985 (năm con Bò gổ cái)

nhân dịp lễ quán đảnh Kalachakra (Bánh Xe Thời Gian) tại Bồ Đề Đạo Tràng; 5). Bản dịch sang tiếng Ấn Độ của Ngodup Gasha, không ghi ngày tháng ấn hành. Tôi không thể định vị ấn bản đầu tiên không có ghi ngày tháng trong danh sách này, hay bất cứ ấn bản nào in trước năm 1966.

- (4) Danh từ Bồ Tát (Phạn: *Bodhisattva*) có nhiều nghĩa. Đôi khi từ ngữ này dùng đặc biệt để nói về *Tất Đạt Đa* (Đức-Phật-sẽ-thành) sau khi Ngài đã thực hành tâm đại xả ly. Trong những trường hợp khác, từ ngữ này được dùng để chỉ cho bất cứ một chúng hữu tình nào (*sattva*) “có mục đích” tu tập để đạt được trạng thái giác ngộ (*bồ đề/ bodhi*). Từ ngữ *bồ đề/ bodhi* bắt nguồn từ một từ gốc tiếng Phạn: *budh* (“tỉnh giác” và “nở rộ”), và chữ này đã cho chúng ta danh từ “Phật”. Một người giác ngộ là một vị Phật (“người tỉnh giác”) bởi vì người đó đã cắt đứt được dòng tương tục của vô minh, giống như một người tỉnh dậy sau giấc ngủ. Và một người giác ngộ là một vị Phật (“mở rộng”) bởi vì tri thức toàn hảo đã huỷ diệt trạng thái đóng chặt kín mít và nay đã có được một sự tỉnh giác hoàn toàn rộng mở về những gì cần được biết, như những cánh hoa sen đang nở rộ (mãn khai).

- (5) *Perfect Wisdom in Eight Thousand Lines (Trí Huệ Bát Nhã Trong Tám Ngàn Câu Tụng)* [tức *Tiểu Phẩm Bát Nhã*], Edward Conze chuyển ngữ, (Devon: Buddhist Publishing Group ấn hành năm 1983), trang 84.

**BAO LA NHƯ BẦU TRỜI,
THẨM SÂU NHƯ BIỂN CẢ**

Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm



Ngọn Đèn Châu Báu
Xưng Tán Bồ Đề Tâm

1.

Với niềm tin trọn vẹn
Hướng đến Phật, Pháp, và Tăng,
Các vị tuân thủ giáo pháp,
Con xin quy y và nguyện cầu.

2.

Đấng pháp vương, người tìm đường cứu độ chúng sanh
Xuất phát từ vàng trắng tròn [của Bồ Đề Tâm],
Là bậc thầy của thế giới,
Cối luân hồi này thật chẳng ai hơn.

3.

Thứ trang sức xoàng xĩnh,
Sao làm ra vẻ như những kiến giải tuyệt vời?
Sao có thể tranh đua được với ngôn từ
Của nghĩa lý sâu mầu, chẳng khác nào ngọc như ý?

4.

Bất cứ ai có tâm sáng suốt và chân thực
Gặp được giáo pháp vô thượng của Đức Phật
Đã được khảo sát qua ba lần phân tích¹
Sẽ được ví như thiên nga bước vào hồ sen.

¹ Khảo sát qua ba lần phân tích để bảo đảm rằng: 1). điều đó không mâu thuẫn thông qua sự trực nhận; 2). điều đó không mâu thuẫn thông qua luận lý có cơ sở; 3). điều đó có được tính nhất quán nội tại.

5.

Ai chẳng muốn nương tựa vào Đức Phật?
Bậc đã thành tựu mục đích vì mình và người,
Là bậc sở hữu tám đặc tính [giác ngộ]²
Gồm những điều người khác chẳng thể biết qua sự
mô tả thông thường, và vân vân...

6.

Với ai Giáo pháp lại chẳng là nơi nương tựa?
Biểu thị bằng hai chân lý
Và tám đức tính đặc biệt³
Như không thể nghĩ bàn, bất nhị, và vân vân...

7.

Với ai mà Tăng đoàn tôn quý lại chẳng là nơi
nương tựa?
Các ngài có được tám sự chứng ngộ đặc biệt,

² Tám đức tính đặc biệt của Phật theo Bảo Tánh Luận (*Ratnagotravibhaga*) bao gồm: 1). thành tựu mục đích của chính mình bằng cách 2). [thân] không [do duyên] tạo, 3). hoàn toàn tự phát và không có động cơ [tư lợi], 4). một trạng thái mà lời và ý không đồng đẳng, và 5). hoàn thành mục đích của các chúng sanh khác qua 6). trí tuệ, 7). từ bi và 8). năng lực.

³ Tám đức tính đặc biệt của Pháp theo Bảo Tánh Luận bao gồm: 1). có được sự tịch diệt và do đó, 2). không thể nghĩ bàn, 3). bất nhị, 4). vô niệm, và 5). có được con đường chân chính; do đó, 6). thanh tịnh, 7). sáng soi và 8). [là cách để] đối trị.

các đức tính giải thoát,⁴

Cùng với sự triệt ngộ về vạn pháp ra sao, là gì và đâu là bản chất.

Qua đó, vượt thoát chướng ngại của tham đắm, của sự ngăn trở và con đường nhỏ hơn.

8.

Tôi nghĩ cho dù có Thiên Nữ Xá Vệ⁵ ngay nơi cổ họng,
Cũng khó tìm ra ví dụ về cây đại thụ Bồ Đề Tâm như ý,
Giúp dễ dàng thỏa mãn bao ước vọng,
Nở rộ trên mặt đất từ bi và được vun tưới với yêu thương.

9.

Làm sao ước muốn trợ giúp
Mà người mẹ, người cha, thánh nhân, hay ngay cả
người Bà La Môn
Có thể tỏa rộng đến từng sinh vật
Như Bồ Đề Tâm tối thượng?

⁴ Tám đức tính đặc biệt của sự chứng ngộ và giải thoát của Tăng già, theo Bảo Tánh Luận bao gồm: 1). có được sự chứng ngộ, và do đó, 2). biết được mọi sự [vận hành] như thế nào, 3). biết được mọi sự có gì, 4). có được sự thấu hiểu bên trong, và 5). được giải thoát khỏi 6). các ô nhiễm, 7). các chướng ngại cho thiền định, và 8). con đường tiểu thừa.

⁵ Thiên Nữ Xá Vệ (*Sravasti*) được xem là cư ngụ nơi cổ họng của các nhà thơ, ý như đó là một Nàng Thơ.

10.

Như sen giữa ngàn hoa,
Bồ Đề Tâm tối thượng trong tất cả các niệam tưởng
thiện lành,
Mang lại an lạc tức thời và viên mãn.
Hãy gắng lòng vun đắp Bồ Đề Tâm.

11.

Ngay cả sự thấu biết về vạn pháp⁶
Cũng bắt nguồn từ Bồ Đề Tâm tối thượng.
Ai người ước ao giải thoát,
Nhất thiết phải xem Bồ Đề Tâm là phận sự
của mình.

12.

Khi nghiên cứu để tìm ra phương pháp tối thượng
Để hoàn thành sứ mệnh của chính mình và tha nhân,
Rất ráo, tận cùng, vẫn chỉ là Bồ Đề Tâm.
Hãy vững tin, và trưởng dưỡng Bồ Đề Tâm với lòng
hoan hỷ.

⁶ "Sự thấu biết về tất cả các pháp" (*Tib. Rnam pa thams cad mkhyen pa; Skt. sarvakarajnata*) chính là sở tri, hoặc là sự thấu biết về 173 khía cạnh trên con đường tu tập của một vị Phật toàn giác như đã được nhắc đến trong kinh Trí Huệ Toàn Hảo [Trí Huệ Bát Nhã].

13.

Thật tốt lành khi biết Bồ Đề Tâm không cho quả chỉ
một lần duy nhất,
Mà cho đến khi đạt được toàn tri,
Bồ Đề Tâm vẫn không ngừng lớn mạnh.
Khi đã đạt được toàn tri,
Những hạt mưa Pháp quý giá từ mây sắc thân⁷
Sẽ nuôi dưỡng mầm thiện đức mà ta thực hiện.

14.

Tuệ minh sát giữa nghìn muôn kiến thức,
Ngọc như ý giữa tất cả các bảo châu,
Con ngựa giống giữa cả đàn ngựa phóng,
Bồ Đề Tâm giữa tất cả mọi niệm tưởng.

15.

Mặt trời, mặt trăng, ngọn đèn, ánh chớp,
Có thể tỏa sáng, nhưng khó xua tan bóng tối nội tâm.
Bồ Đề Tâm được tán dương bởi chư hiền thánh,
Có thể xóa tận gốc mê lầm của chúng sanh.

⁷ Sắc thân là thân tướng hoặc sự tụ hợp các sắc tướng của một vị Phật mà những người may mắn có thể nhận thấy được.

16.

Mọi lợi lạc và niềm hoan hỷ
Bắt nguồn từ Bồ Đề Tâm của chư Phật và chư vị
trưởng tử.⁸
Ngọc như ý còn không thể
Tranh đua được với Bồ Đề Tâm.

17.

Một khi cây chuối lá đã trở buồng
Sẽ chẳng thể sanh thêm quả ngọt,
Nhưng thiện đức do Bồ Đề Tâm tác động
Vẫn tăng trưởng vô tận ngay cả sau khi đã trở quả.

18.

Khi đã đến cạnh cây hoa trời,⁹
Nguyện ước nào nếu có cũng đều thành tựu.
Tương tự như thế, Bồ Đề Tâm có sức mạnh
Làm tròn đầy ước vọng của chúng sanh.

19.

Một cây, nhiều cành và quả mọng
Thầy đều phụ thuộc vào đất màu.

⁸ “Đấng Chiến Thắng” là Đức Phật, “trưởng tử” là chư Bồ Tát.

⁹ Cây hoa trời (parijakata) là một trong năm loại cây thiên thể làm thỏa ước nguyện.

Những gì tốt đẹp trong cả luân hồi lẫn niết bàn
Thảy đều tùy thuộc Bồ Đề Tâm.

20.

Chư hiền thánh đã giải thích rằng giáo pháp
duy nhất
Phải ôm giữ từ nay cho đến khi đạt được toàn tri,
Đó chính là Bồ Đề Tâm,
Nền tảng của muôn vàn lợi lạc và hạnh phúc.

21.

Bồ Đề Tâm tối thượng chính là ước nguyện
Giúp tiêu trừ mọi lỗi lầm và khai mở vô hạn thiện
hạnh
Trong mỗi một chúng sanh,
Là điều vượt bậc trong mọi điều vượt bậc!

22.

Muốn làm lợi ích cho người, Bồ Đề Tâm cần phải có,
Muốn làm bạn với mọi người, cần phải có Bồ Đề Tâm.
Muốn đạt được sự tin cậy của tất cả, Bồ đề tâm cần
phải có,
Muốn là bạn tâm linh của muôn người, cần phải có
Bồ Đề Tâm.

23.

Từ cảm giác tràn ngập yêu thương,
Ai người muốn giúp đỡ chúng sanh,
Hãy xem xét điều gì sẽ mang lợi lạc đến cho người,
Và nhận ra rằng đó chính là Bồ Đề Tâm tối thượng.

24.

Vàng trắng với ánh sáng dịu dàng xóa tan niềm đau,
Vàng thái dương, viên ngọc báu của bầu trời, xua
tan bóng tối,
Chẳng thể nào sánh với Bồ Đề Tâm
Tận trừ phiền não.

25.

Bồ Đề Tâm là vàng trắng của tâm
Bồ Đề Tâm là mặt trời của tâm
Bồ Đề Tâm là châu báu của tâm
Bồ Đề Tâm là cam lộ của tâm.

26.

Nếu muốn tự giúp mình, hãy phát Bồ Đề Tâm tuyệt hảo,
Nếu muốn giúp được người, hãy phát Bồ Đề Tâm
tuyệt hảo,
Nếu muốn phụng sự đạo pháp, hãy phát Bồ Đề Tâm,
Hãy phát Bồ Đề Tâm nếu muốn theo đường về đại lạc.

27.

Bồ Đề Tâm là nhân giác ngộ không thể sánh,
Là nước trong tẩy sạch dấu vết của bao điều bất thiện,
Là bàn tay tích tập đức hạnh,
Là ngọn roi giục người về với đạo Pháp linh thiêng.

28.

Mặt trời Bồ Đề Tâm với trăm luồng ánh sáng
Không làm hoa sen trăm cánh nở,
Không làm hoa súng khép cánh lại,¹⁰
Cũng không làm đầm lầy cạn khô.

29.

Từ nay cho đến khi đến được giữa lòng giác ngộ,
Con nguyện cầu Bốn Sư - Tam Bảo để có thể phát nguyện,
“Nguyện cho con không bao giờ xa cách Bồ Đề Tâm,”
Và nguyện cầu Tam Bảo gia trì [cho lời phát nguyện].

30.

Người bộ hành mồ hôi nhễ nhại vì nóng bức,
Mừng vui thay khi gặp bóng mát của cây xanh.
Người lang thang mệt mỏi trong các nẻo luân hồi,
Hoan hỷ biết dường nào khi Bồ Đề Tâm cao quý nảy sanh.

¹⁰ Hoa súng trắng (Skt. *kumuda*) nở vào ban đêm nhờ ánh trăng, khép lại ban ngày vì ánh mặt trời.

31.

Bồ Đề Tâm là bảo vật
Không kỳ thị giàu nghèo,
Không phân biệt người khôn, kẻ dại,
Bồ đề tâm mang lợi lạc bình đẳng, bất kể cao sang
hay thấp hèn.

32.

Bồ Đề Tâm là hạt giống của một vị Phật
Gieo vào ta những niệam tưởng lợi lạc,
Giúp ta thực hành [bình đẳng] với bất kỳ ai trong
sáu loài,
[Chúng sanh đang lang thang] khắp nơi, trong mọi
thời gian và hoàn cảnh.

33.

Để nâng cao tinh thần ta lúc chán nản
Và dẹp tan kiêu hãnh khi lòng tràn ngập hân hoan,
Không gì trên đời có thể sánh với Bồ Đề Tâm,
Người bạn chân thành không bao giờ lừa dối.

34.

Có thể có nhiều ví dụ về sự lợi lạc
Của một số phương thức thiền nào đó,
Nhưng ngay cả trong mơ, cũng chẳng thể nào so sánh
Với một phần của Bồ Đề Tâm tuyệt diệu.

35.

Như vàng kia vốn không dao động
Trước giàu sang hay nghèo khó,
Chất vị tối hảo của Bồ Đề Tâm
Làm cả cam lộ cũng phải cúi đầu hổ thẹn.

36.

Điều tối thượng phải biết là Bồ Đề Tâm
Điều tối thượng phải học là Bồ Đề Tâm
Điều tối thượng phải thực hành là Bồ Đề Tâm
Điều tối thượng phải thiền quán là Bồ Đề Tâm.

37.

Như dòng sông trôi ra biển cả,
Tựa nước đại dương bay lên thành mây,
Như mưa rơi xuống đất từ chốn mây ngàn,
Bồ Đề Tâm cũng thế, Bồ Đề Tâm làm đẹp cõi trần gian.

38.

Như một mỏ châu báu, một con bò như ý,
Một chiếc ghế nghỉ chân dành cho người lữ hành,
Tuyệt vời hơn hẳn dược liệu quý giá nhất,
Bồ Đề Tâm được xem là tột cùng cao thượng.

39.

Nếu người muốn dễ dàng tu tập
Đạt đến sự toàn tri và thấu rõ vạn pháp,
Còn có pháp tu nào khác hơn
Là nương nhờ Bồ Đề Tâm của chư Bồ Tát!

40.

Mặt trăng của Bồ Đề Tâm đang dần tròn,
Làm trào dâng một đại dương hoan hỷ,
Tràn ngập động lực vị tha, cùng bao nhiêu điều
khác nữa,
Làm cho ánh trăng đêm mát dịu cũng vì thế mà sanh
lòng hổ thẹn.

41.

Bồ Đề Tâm phục vụ như một thanh gươm
Cắt đứt chồi non của phiền não,
Là vũ khí để bảo vệ
Tất cả chúng sanh đang lang thang.

42.

Không kiêu căng khi thành đạt,
Chẳng trầm cảm lúc khó khăn,
Chẳng gì có thể hãm hại
Bồ Đề Tâm tương tự vàng ròng.

43.

Đám lửa bùng cháy của Bồ Đề Tâm
Thiêu đốt những khúc gỗ khô cằn
Của ba loại phiền não,
Chẳng giống ngọn lửa thường tình.

44.

Nếu bạn hỏi về âm thanh ngọt ngào nhất thế giới,
Và cho dù nhiều người nho nhã có muốn kiểm tra,
Tôi nghĩ bạn cũng sẽ chẳng nghe được bất cứ
điều gì
Ngoài [ba] chữ “Bồ Đề Tâm.”

45.

Ai là người đã nếm được vị của Bồ Đề Tâm
Sẽ khó lòng thích được mỹ vị
Của nước mía, và sữa chiết ra
Từ cành cây xoài, hay mật ong.

46.

Ai là người ao ước giải thoát cần phải giữ đúng đường,
Con đường thông qua Bồ Đề Tâm
Đẫn đến thành trì của niết bàn vô trụ,¹¹

¹¹ Từ ngữ “niết bàn vô trụ” để cho biết một vị Phật toàn giác là đã hoàn toàn thoát khỏi luân hồi, nhưng vì lòng từ bi mà chưa bước

Không ngả về cực đoan [luân hồi] lẫn cực đoan tịch tịnh [niết bàn].

47.

Dù có nhiều báu vật như *ketaka*¹²
Tẩy sạch được các tạp chất trong nước,
Cũng khó tìm thấy điều gì hơn Bồ Đề tâm
Để xóa tan ô uế của phiền não.

48.

Bồ Đề Tâm đến từ nhận thức: tất cả chúng sanh đã từng chăm sóc ta như những bà mẹ hiền,
Đến từ sự hồi nhớ và muốn đáp đền lòng tử tế,
Đến từ tình yêu thương, lòng bi mẫn, và động cơ vượt bậc.¹³
Đây chính là suối nguồn của hạnh phúc và lợi lạc cho chính mình cùng mọi chúng sanh.

vào một trạng thái niết bàn theo một hình thức giới hạn hơn, là một trạng thái hoàn toàn từ bỏ không tiếp tục đeo đuổi các hoạt động thế gian.

¹² Người ta nói rằng *ketaka* là một loại đá bán quý, có trong hồ Baikal ở vùng Buriatia, và giữ cho hồ này luôn trong vắt.

¹³ “Động cơ vượt bậc” là để ám chỉ một cảm giác cá nhân cho rằng mình có trách nhiệm trong việc đưa tất cả chúng sanh hữu tình đến giai đoạn thể nhập Phật Tánh.

49.

Một vị Tăng uyên bác, một người thành đạt ổn định,
Một người sở hữu trí thông minh dựa trên luận lý
Mà không có Bồ Đề Tâm,
Thì ai sẽ ngưỡng mộ một người như thế?

50.

Bồ Đề Tâm xóa bỏ tánh hiểm ác
Bồ Đề Tâm diệt trừ khổ đau
Bồ Đề Tâm giải thoát người khỏi sợ hãi
Bồ Đề Tâm ngăn chặn hạnh kiểm xấu xa.

51.

Có gì đáng tin bằng Bồ Đề Tâm
Có gì dũng cảm bằng Bồ Đề Tâm
Có gì dễ nương tựa bằng Bồ Đề Tâm
Có gì an lành bằng chính Bồ Đề Tâm.

52.

Nếu lấy Bồ Đề Tâm làm động lực,
Bất cứ điều gì ta làm cũng trở nên bao la tốt lành.
Từ rễ cây, như thuốc trị bệnh,
Chồi non như thuốc phát sanh.

53.

Có Bồ Đề Tâm ta được tái sinh vào “địa vị cao,”¹⁴
Có Bồ Đề Tâm ta đạt được sự thiện lành tối thắng.¹⁵
Vì thế, câu chuyện về Bồ Đề Tâm
Luôn ngự trên đôi môi của chư hiền thánh.

54.

Ngay cả người bình thường cũng được gọi là “Bồ Tát”
Khi đã phát được Bồ Đề Tâm,
Và sẽ trở thành đối tượng để nhận sự lễ lạy và lòng
sùng mộ
Của chư thiên và loài người.

55.

Dường như một trong những khía cạnh của Bồ Đề Tâm
Khi ta giúp đỡ người khác,
Là sự [chịu đựng] gian khổ vì nóng lạnh, đói khát,
cùng nhiều thứ khác,
Không làm ta kiệt sức mà ngược lại, giúp nâng cao
tinh thần.

¹⁴ “Địa vị cao” là được tái sinh thành chư thiên hay được làm người.

¹⁵ “Sự thiện lành tối thắng” tức là giải thoát hay Phật quả.

56.

Một người không có Bồ Đề Tâm
Sẽ không đạt được vô trụ niết bàn.
Không đạt đến vô trụ niết bàn,
Làm sao tránh khỏi không bị ngăn cản bởi hai
xiềng xích.¹⁶

57.

Đấng chuyển luân thánh vương¹⁷ không quang lâm
nơi dơ bẩn,
Bồ Đề Tâm cũng không hiện hữu nơi tâm hiểm ác.
Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm tối thượng, hãy đặt
tâm quan trọng lên sự tịnh hóa
Dòng tâm thức của chính mình, nương vào bốn lực
đối trị.¹⁸

¹⁶ “Hai xiềng xích” có thể dùng để nói về “nghiệp” (*karma*) và “phiền não” (*klesa*) hay nói khác là chướng ngại gồm có “phiền não chướng” (*klesavarana*) và “sở tri chướng” (*jeyavarana*).

¹⁷ “Chuyển luân thánh vương” thống lãnh vũ trụ.

¹⁸ “Bốn lực đối trị” là: 1). tiêu chuẩn đạo đức cá nhân; 2). hối hận khi sơ suất phạm phải các tiêu chuẩn đó; 3). quyết tâm giữ gìn tiêu chuẩn đó trong tương lai; 4). làm một hành động thuộc về tín ngưỡng để đối trị lại sự vấp ngã đó.

58.

Hãy thiết lập một ngai vàng cho vị chuyển luân
thánh vương

Ở một nơi tràn đầy thịnh vượng.

Mầm của Bồ Đề Tâm sẽ nảy nở

Trong tâm thức thiện lành vô lượng.

59.

Bồ Đề Tâm trừ diệt ác tâm,

Và qua Bồ Đề Tâm, ta đạt được định lực.

Bồ Đề Tâm dẫn đến trí tuệ,

Mọi việc sẽ tốt lành nếu giữ vững được Bồ Đề Tâm
tối thượng.

60.

Khi đã có được sự quan tâm tuyệt vời dành cho
người khác

Phát xuất từ Bồ Đề Tâm,

Thì ngay cả trong giấc mơ, những người khác cũng
sẽ không hiện diện

Vì mục tiêu [ích kỷ] riêng mình.

61.

Bồ Đề Tâm phụng sự như là nền tảng

Của mọi Bồ Tát hạnh,

Như mặt đất là nền móng
Cho tàng lá lớn của một cội cây sum suê.

62.

Với Bồ Đề Tâm, ta và người bình đẳng,
Với Bồ Đề Tâm, có sự hoán chuyển ngã – tha,
Với Bồ Đề Tâm, ta thương người hơn thương ta,
Với Bồ Đề Tâm, ta có nhiều cơ duyên hoàn thành cả
hai mục đích.

63.

Nếu không có Bồ Đề Tâm,
Thì những pháp thực hành tâm linh khác
Cũng không đưa đến giác ngộ.
Nếu không có được lực sống là Bồ Đề Tâm, thì các
thần lực khác cũng chẳng thể nào hoạt dụng.

64.

Với Bồ Đề Tâm
Ta không làm vì lợi lộc, vì được sùng bái, hay được
ngợi khen,
Và ngay cả có được [những điều đó],
Cũng sẽ giống như vàng không hề đổi thay.

65.

Nếu ngay cả Đức Phật
Cũng không đo được sự thiện lành của Bồ Đề Tâm,
Thì các vị Thanh Văn, Phật Độc Giác và chư Thánh
giả cao thượng
Chắc chắn cũng không đo được.

66.

Giữa bầu trời cao, mặt trời là con mắt
Cho tất cả chúng sanh đang lang thang phía dưới.
Bồ Đề tâm cũng ở trên cao, soi rọi người đang lang
thang nơi cõi thấp,
Giúp họ thấy rõ điều phải làm và điều nên tránh.

67.

Mật ngọt tiết ra từ hoa sen
Là niềm vui lớn nhất của lũ ong nghệ.
Giáo pháp được dạy bằng Bồ Đề Tâm
Là niềm vui tối thượng của mọi chúng sanh.

68.

Dù cố gắng, nhà thơ điêu luyện vẫn không thể tìm thấy
Một ví dụ cho Bồ Đề Tâm.
Dường như Bồ Đề Tâm thách thức mọi sự mô tả,
Ngay cả khi sử dụng so sánh.

69.

Vị Bồ Tát nào giống như
Sự nhiệm màu của một đấng Như Lai
Thì vượt trội hơn vị Bồ Tát
Đang giống một cỗ xe bò, và vân vân...¹⁹

70.

Con thuyền đưa ta sang bên kia sông,
Mũi kim vá may y phục,
Con ngựa đưa ta đến nơi mong muốn,
Bồ Đề Tâm đưa ta về với Phật quả.

71.

Dấu cho [quả báo của dung mạo] xấu xí, như một
pháp đối trị, và nhiều thứ khác,
Không hoàn toàn xóa bỏ được tâm tham đắm và
vân vân...
Nhưng Bồ Đề Tâm tối thượng là cách đối trị tất cả,
Chiến thắng tất cả những điều phải nên từ bỏ.

¹⁹ Phần phiên dịch của thi kệ này chỉ là một sự phỏng đoán; có thể đoạn này đang đề cập đến sự phân chia các cấp bậc Bồ Tát trong thập địa Bồ Tát. Xin đọc thêm thi kệ 321.

72.

Bồ Đề Tâm làm dịu êm dòng tâm thức của chính mình,
Bồ Đề Tâm cũng làm dịu êm dòng tâm thức của
người khác.

Với Bồ Đề Tâm, ta kính trọng mọi người,
Với Bồ Đề Tâm, ta nhìn thấy mọi người bình đẳng.

73.

Ánh sáng mặt trời xóa tan bóng tối,
Ánh trăng xua đi niềm âu lo,
Ngọc như ý làm tròn đầy ước vọng,
Bồ Đề Tâm thành tựu được tất cả các mục tiêu.

74.

Linh đan có tên “hòn đá của triết gia”
Biến sắt thành vàng.
Bồ Đề Tâm chuyển đổi thân ô uế
Thành thân Phật.

75.

Pháp hành của những người thiện lành, chân thật,
Với tâm phóng khoáng, trí thông minh sắc bén tựa
đầu ngọn cỏ kusa,
Pháp hành của những người đáng được tôn thờ,
Chính là Bồ Đề Tâm chứ không là gì khác.

76.

Dù là tức thời hay xuyên qua nhiều biến cố,
Bồ Đề Tâm nối kết toàn bộ chúng sanh
Ngang bằng không gian vô biên
Với niềm an lạc hiện tiền và viên mãn.

77.

Tốc độ của Bồ Đề Tâm là ánh chớp,
Độ sâu của Bồ Đề Tâm là đáy thẳm của biển cả,
Giới hạn của Bồ Đề Tâm là vòm trời bát ngát,
Độ cứng của Bồ Đề Tâm là trục của núi.

78.

Mặt trời xoay vòng men theo bầu trời,
Con voi của muôn phương hướng men theo con
đường quanh bờ đại dương,
Danh thơm của thánh hiền tìm đến bên đôi tai,
Bồ Đề Tâm tìm đường đến với những trái tim tốt lành.

79.

Một số pháp tu của Đại thừa chính là Bồ Đề Tâm,
Một số là nhân và một số là quả.²⁰

²⁰ Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện đời giảng giải rằng sản phẩm của tư tưởng chính là Bồ Đề Tâm, trong khi Lục Độ Ba La Mật, mật chú, và các các trạng thái thiền định khác nhau đều là kết quả.

Bởi thế, nên tôi nghĩ

Bồ Đề Tâm được xem là Phật Giáo Đại thừa.

80.

Với Bồ Đề Tâm, ngôn từ thốt ra

Trở thành tinh hoa đem lại sự lợi lạc cho người khác,

Là tiếng gù êm ái của loài chim cu

Làm thanh tao đôi tai người nghe.

81.

Thực tế là càng khó khăn bao nhiêu

Trong khi thực hành Bồ Đề Tâm,

Thì theo tôi, điều ấy lại càng hỗ trợ

Cho sự thiện lành và phát triển của Bồ Đề Tâm.

82.

Bồ Đề Tâm đặt nền tảng trên sự hiểu biết

Rằng tất cả [chúng sanh] đã từng chăm nom ta như
những bà mẹ hiền,

Và khi hồi tưởng về lòng tử tế của họ, Bồ Đề Tâm sẽ
phát khởi.

Bồ Đề Tâm đến từ sự báo ân, tình yêu thương và
lòng bi mẫn,

Và đến từ động lực siêu xuất [là thành tựu giác ngộ
vì toàn bộ chúng sanh];

Vì vậy, hãy trưởng dưỡng những điều như thế.

83.

Ngay cả một viên kim cương bị mẻ,
Cũng không thể không gọi đó là kim cương.
Tương tự, ngay cả khi đó chỉ là những đốm lóe của
Bồ Đề Tâm,
Cũng không thể không gọi đó là Bồ Đề Tâm.

84.

Đồ tể giỏi nghề với các bí mật về sinh mạng.
Người thợ mộc khéo tay với các bí mật về gỗ.
Khi Bồ Tát gặp phải những cơn sóng cồn của niệm tưởng,
Sẽ điều luyện với các bí mật của Bồ Đề Tâm.

85.

Nếu bạn sở hữu được tài sản Bồ Đề Tâm,
Sẽ không sao cả dù bạn có đẹp hay không,
Sẽ không sao cả nếu bạn không có danh vọng,
Và sẽ không sao cả nếu bạn chẳng có đức hạnh nào khác.

86.

[Bát Nhã Tâm Kinh] dạy rằng
Nếu bạn dựa vào các [pháp trợ đạo] của ba thánh trí,
Thì điều này sẽ trở thành nhân cho sự toàn tri.
Do bởi [pháp trợ đạo] đầu tiên là Bồ Đề Tâm,
Nên thật sai lầm nếu đã có lần bạn quên đi điều đó.

87.

Hoạt động vô vụ lợi của người trí
Vì lợi ích của chúng sanh,
Sẽ không phân biệt nơi chốn hay thời gian,
Và trong mọi hoàn cảnh, [vì tất cả] đều đặt nền tảng
trên Bồ Đề Tâm.

88.

Giữa các chòm sao, là mặt trăng.
Giữa tất cả các ngọn núi, là núi cả Tu Di.
Tương tự như thế, người có Bồ Đề Tâm
Sáng ngời giữa chúng sanh.

89.

Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi buồn nản,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi sợ hãi,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi đau khổ,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi mừng vui.

90.

Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi lòng dửng cảm
bắt đầu phai,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi sự nhiệt tình làm việc
cho người khác bị sút giảm,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi trở nên biếng nhác,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi kiệt sức tàn hơi.

91.

Ai có thể đo được bầu trời bằng một cái thước?
Ai có thể đong được đại dương với một cái ly?
Ai có thể phân tích được sự vận hành của nghiệp
đến từ tâm mình?
Ai có thể diễn nói trọn vẹn sự vĩ đại của Bồ Đề Tâm?

92.

Vui thay khi một cơn mưa nhẹ đến đúng lúc,
Vui thay khi lúa chín đầy đồng,
Vui thay khi Bồ Đề Tâm được phát khởi trong tâm
thức chúng sanh
Nhiều ngang bằng không gian vô biên.

93.

Như mặt trăng giữa những chòm sao,
Nếu nói về Bồ Đề Tâm của Đại thừa,
Các vị Bồ Tát vượt trội những người không là Phật tử,
Và vượt trội hàng Thanh Văn và Duyên Giác.

94.

Giữa lòng hoa sen là mật ngọt thiết yếu cho bông hoa,
Giữa lòng Bồ Tát chính là Bồ Đề Tâm.
Mật ngọt chỉ lợi ích cho một số chúng sanh,
Còn Bồ Đề Tâm đem lợi lạc tối thượng cho toàn thể
chúng sanh.

95.

Đặt nền tảng trên Bồ Đề Tâm quý giá,
Các vị chân nhân cao thượng làm cho hạnh nguyện
vuông tròn,
Giúp các môn đệ trưởng thành,
Tịnh hóa các quốc độ,²¹ và thành tựu [giác ngộ].

96.

Bồ Đề Tâm tối thượng có được
Do tứ vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả],
Là quả đến từ sự kết hợp của nhân và duyên,
Một kết quả đúng lý [hợp hòa].

97.

Nhờ vào bầu mặt trời,
Người có mắt nhìn ra hình tướng.
Với Bồ Đề Tâm, chư Bồ Tát luôn đối nhìn toàn bộ
chúng sanh
Nhiều ngang bằng không gian vô biên.

²¹ Từ ngữ “quốc độ” (Chú thích của người dịch Việt ngữ: Bản tiếng Anh sử dụng từ ngữ “thiên đàng”) ở đây để biểu tượng cho đất Phật, một cõi tịnh độ để chư Bồ Tát tu tập và cõi ấy hóa hiện ra từ chính năng lực của các hạnh nguyện của các ngài. Cõi tịnh độ này trở thành nơi mà các chúng sanh đang lang thang khác có thể được tái sanh vào và họ cũng sẽ được tu tập tại đó, là sự trợ duyên cho tiến trình đạt đến giác ngộ.

98.

Bắt đầu việc gì, hãy bắt đầu bằng Bồ Đề Tâm,
Suy nghĩ về điều gì, hãy suy nghĩ về Bồ Đề Tâm,
Phân tích điều gì, hãy phân tích bằng ánh sáng
của Bồ Đề Tâm,
Nghiên cứu việc gì, hãy nghiên cứu bằng ánh sáng
của Bồ Đề Tâm.

99.

Ai được tôn nghiêm bằng Bồ Đề Tâm
Không bao giờ có thể có tư tưởng xấu xa,
Và ngay cả khi không ai thúc giục,
Cũng sẽ tự nhiên cố gắng ngăn chặn sự xấu xa của
người khác.

100.

Ai có được điều ấy,
Sẽ không bao giờ suy thoái,
Đó chính là Bồ Đề Tâm vô giá, tối thượng.
Ai là người trí mà lại chẳng tôn kính Bồ Đề Tâm?

101.

Ai người muốn theo con đường
Thực hành tâm linh của chư Bồ Tát Trưởng tử,
Phải phát khởi Bồ Đề Tâm từ lúc khởi đầu,
Bởi đây là nền tảng của sự thực hành.

102.

Một vị Phật sanh ra từ một vị Bồ Tát,
Và một vị Bồ Tát sanh ra từ Bồ Đề Tâm,
Người trí phải thấu hiểu
Sự cao quý của Bồ Đề Tâm tối thượng.

103.

Bánh xe quý báu của vị chuyển luân thánh vương
lăn đến đâu,
Thì các biểu tượng cao quý của ngài cũng theo chân
đến đó.²²
[Cũng thế,] mọi thiện đức cũng sẽ tự nhiên
Theo chân Bồ Đề Tâm tối thượng.

104.

Bồ Đề Tâm là tinh hoa tối thượng
Lấy ra từ biển sữa pháp của Đấng Cha Lành–Phật
Thế Tôn,
Thế nên [từ nay] cho đến khi giác ngộ,
Phải nỗ lực xem Bồ Đề Tâm là quan trọng.

²² Một vị chuyển luân thánh vương (*cakravatin*) sở hữu bảy điều quý báu: một cỗ xe, một bảo châu, một hoàng hậu, một đại thần, một con voi, một con ngựa, và một vị thống tướng; những thứ này luôn luôn đi theo ngài dù bất kỳ nơi đâu.

105.

Biết đâu có thể bắt được gió bằng dây thòng lọng,
Biết đâu hơi ấm có thể tỏa ra từ trầm hương,
Biết đâu ánh sáng có thể trở thành bóng tối,
Nhưng không bao giờ Bồ Đề Tâm phản bội được ta.

106.

Thật vô cùng khó khăn
Để có được Bồ Đề Tâm hoàn toàn chân thực.
Nhưng ngay cả phải nỗ lực trong hằng ngàn đại
kiếp [để phát khởi Bồ Đề Tâm chân thực],
Điều cốt yếu phải có, là niềm tin bất thối chuyển.

107.

Bồ Đề Tâm [có thể] sinh khởi
Không phân biệt tu sĩ, chiến sĩ, thương gia, hay
thường dân.
Tất cả bốn tầng lớp [trong xã hội], hãy cùng ôm giữ
Bồ Đề Tâm
Với niềm tin nhiệt thành và lòng tôn kính.

108.

Ai là người có tâm thức được trang nghiêm bằng
Bồ Đề Tâm
Sẽ không gặp chướng ngại,

Sẽ ngưng làm hại chính mình và người khác,
Và sẽ được gia lực để giúp cho thiện đức tràn dâng.

109.

Tiếng hót du dương của con chim cu vào mùa xuân
Là niềm vui tột đỉnh cho những ai có đôi tai để lắng
nghe.

Bồ Đề Tâm của chư vị Bồ tát
Là lợi lạc tuyệt đỉnh cho mỗi một chúng sanh.

110.

Bồ Đề Tâm chính là khát khao
Đạt được giác ngộ
Vì lợi ích của chúng sanh nhiều ngang bằng không
gian vô biên.

Ai có thể so sánh được với người có đức tính đó?

111.

Bồ Đề Tâm thỉnh mời tất cả muôn loài trong vũ trụ
này,
Cùng các vị [vua] Trời, như là các vị khách
Trong bữa tiệc của niềm vui trần thế,
Và của viên giác tối thượng.

112.

Ngay cả khi phải đánh đổi sự giàu có, thân người và mạng sống,
Ta vẫn phải bảo vệ Bồ Đề Tâm trân quý,
Vì sao? Vì có được Bồ Đề Tâm
Là có thể dễ dàng đạt được [tất cả], ngay cả giác ngộ toàn tri.

113.

Chúng ta phải xác định một cách đúng đắn
Nền tảng của Bồ Đề Tâm Đại thừa,
Các định nghĩa và các phân loại,
Cùng các thí dụ, và nhiều điều khác nữa
Là những gì có thể đo được Bồ Đề Tâm.

114.

Mật ngọt của Bồ Đề Tâm chữa lành
Người bệnh đang bị tra tấn
Bởi sự đau đớn khủng khiếp của tam khổ²³
Trong vòng luân hồi vô thí.

²³ “Tam khổ” là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ.

115.

Thực hành “thất chi nguyện,”²⁴
Như cúng dường và các pháp khác, để phát khởi và
xây đắp Bồ Đề Tâm,
Như tưới nước và rải phân bón,
Để tạo mầm và nuôi dưỡng hạt non.

116.

Hãy từ bỏ ý định làm hại bất cứ ai,
Hãy làm tất cả trực tiếp hay gián tiếp vì người khác,
Không lay chuyển dù phải đối mặt với bất kỳ hoàn
cảnh nào.
Tôi nghĩ những điều này chính là một số khía cạnh
của Bồ Đề Tâm.

117.

Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn,
Và thiền định, cũng như trí huệ
Là những gì đưa đến sự chứng ngộ tối thượng,
Nếu kết hợp thêm với Bồ Đề Tâm, thì sẽ trở nên
toàn hảo.

²⁴ Thực hành “bảy chi pháp” gồm có lễ lạy, cúng dường, sám hối, tùy hỷ với thiện hạnh, thỉnh giảng, thỉnh cầu đạo sư đừng lìa đời, và hồi hướng công đức.

118.

Ngay cả khi tất cả những tư tưởng thiện lành của
loài người
Được quy tụ vào chỉ mỗi một người,
Cũng không thể sánh bằng một phần nhỏ nhiệm
của Bồ Đề Tâm,
Giống như cây cỏ [bình thường] [không thể sánh]
với cây hoa trời như ý.

119.

Nếu dòng tâm thức được tưới tắm bằng Bồ Đề
Tâm,
Sẽ hoan hỷ khi từ bỏ việc làm sai trái,
Sẽ hoan hỷ khi thực hành thiện hạnh,
Và sẽ hoan hỷ khi xua tan được bao sợ hãi.

120.

Khi nhận Bồ Đề Tâm làm bạn,
Bồ Đề Tâm sẽ vững vàng như trọc núi,
Và cho dù sự kinh hoàng có lớn đến bao nhiêu,
Như con sư tử, chẳng bao giờ sợ hãi.

121.

Nếu phát khởi Bồ Đề Tâm chân thực và quý giá,
Không để Bồ Đề Tâm suy thoái mà ngày càng tăng
trưởng,
Thì chắc chắn sẽ đạt đến
Cảnh giới toàn tri.

122.

Ai muốn hoa sen thượng phẩm thượng sanh rộ nở,
Và được nếm mật ngọt của điều tốt lành nhất,²⁵
Hãy dựa vào trăm tia sáng [của mặt trời] Bồ Đề Tâm
Là cội nguồn tối thượng của chư Phật và các vị
trưởng tử.

123.

Bầu trời bao la,
Bồ Đề Tâm cũng bao la như bầu trời.
Biển cả sâu thẳm,
Bồ Đề Tâm cũng thẳm sâu như biển cả.

124.

Bồ Đề Tâm có thể làm lung lay
Ngay cả mặt đất cứng, mênh mông vĩ đại.

²⁵ Để hiểu nghĩa của “địa vị [tái sanh] cao nhất” (thượng phẩm thượng sanh) và “điều tốt lành nhất,” xin xem ghi chú 18 và 19.

Thật khó lường được sức mạnh của Bồ Đề Tâm,
Như sức mạnh của ngọc như ý.

125.

Triết lý kết hợp với Bồ Đề Tâm là tối thượng,
Thiền định kết hợp với Bồ Đề Tâm là tối thượng,
Hoạt động tâm linh kết hợp với Bồ Đề Tâm
là tối thượng,
Đạo quả kết hợp với Bồ Đề Tâm là tối thượng.

126.

Sức mạnh tuyệt đỉnh có được từ Bồ Đề Tâm
Sẽ giúp nâng Bồ Đề Tâm của người lên tột đỉnh.
Sự từ bỏ lỗi lầm đạt đến tuyệt đỉnh nhờ vào Bồ Đề Tâm,
Sự vô úy [không sợ hãi] cũng đạt đến tuyệt đỉnh
nhờ vào Bồ Đề Tâm.

127.

Với Bồ Đề Tâm trường cửu trong dòng tâm thức,
Thì cũng chẳng sao nếu yếu kém trong những việc
thiện khác,
Một khi đã tìm thấy được ngọc như ý,
Thì cũng chẳng sao nếu không đi tìm báu vật nào
khác.

128.

Trong đám đông học giả, Bồ Đề Tâm sẽ làm cho ta trở nên thu hút.

Trong đám người khờ dại, Bồ Đề Tâm sẽ làm cho ta trở nên thu hút.

Trong số những người bình thường, Bồ Đề Tâm sẽ làm cho ta trở nên thu hút.

Bồ Đề Tâm tạo được niềm hoan hỷ cho tất cả mọi người.

129.

Bồ Đề Tâm tô điểm cho toàn khuôn mặt,

Bồ Đề Tâm làm đôi mắt lớn đẹp hơn,

Bồ Đề Tâm ban [âm thanh] du dương cho giọng nói,

Bồ Đề Tâm làm cho các hành vi đẹp để thêm lên.

130.

Cho dù là gì – [ví dụ] là một hạnh lành khó thực hiện,

Sẽ khó thành tựu nếu không có Bồ Đề Tâm.

Không có con bò sữa để vắt ra điều mong ước,

Thì sẽ thật khó khăn để hoàn tất mục tiêu.

131.

Lợi lạc của Bồ Đề Tâm là tối thượng,

Ngày nào còn luân hồi, ngày ấy còn Bồ Đề Tâm,

Bồ Đề Tâm đến với chúng sinh, nhiều ngang bằng
không gian vô biên,
Không phân biệt ai cả.

132.

Bồ Đề Tâm tối thượng là thầy,
Giúp người lánh xa những điều không nên làm,
Giúp người phát khởi chí nguyện vô thượng,
Và giúp người nắm được điều thiết yếu, đó chính là
tâm vị tha.

133.

Sau khi đã quy y và phát khởi Bồ Đề tâm,
Tích lũy hai bồ công đức, phước và huệ,
Thì chẳng thể nào lại không đạt được
Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

134.

Vì Bồ Đề Tâm là điều tối thượng cần được bảo vệ,
Phải bảo vệ bằng cách nhớ nghĩ đến Bồ Đề Tâm,
Phải bảo vệ bằng cách quán sát nội tâm,
Và bảo vệ Bồ Đề Tâm bằng lương tâm của mình.

135.

Khi hoa sen Bồ Đề Tâm nở ra trăm cánh,
Ong mật tự dung tụ về,

Ngay cả khi không ai gọi chúng đến,
Nhưng ý nguyện của chúng vẫn là tụ về để lấy
phấn hoa.

136.

Bồ Đề Tâm quý giá tối thượng
Giúp cho hoạt động của Thân tương ứng với Pháp,
Giúp cho hoạt động của Khẩu tương ứng với Pháp,
Giúp cho hoạt động của Ý tương ứng với Pháp.

137.

Nhờ vào năng lực Bồ Đề Tâm của Bồ Tát,
Ngay cả tâm hung hãn của loài thú dại
Trước mặt người cũng sẽ dịu đi,
Niềm thù hận lẫn nhau cũng qua đi và sẽ nhanh
chóng trở thành bạn hữu.

138.

Ưa thích Bồ Đề Tâm của thừa tối thượng,
Tựa như Bồ Đề Tâm đã chiếm hữu được mình,
Tựa như người ưa thích mùi thơm
Sẽ say đắm cây trầm tỏa ngát hương.

139.

Lúc khởi thủy, ở đoạn giữa, hay đến cuối,
Bồ Đề Tâm của thừa tối thượng

Là một nhân tố bắt buộc không thể thiếu
Để đạt được vô trụ niết bàn.

140.

Chẳng ích lợi gì khi cố trồng một đọt cây
Nếu không có hạt.
Chẳng ích lợi gì khi cố tu để đạt được Phật quả
Nếu chẳng có Bồ Đề Tâm.

141.

Thật quá khó để cho các chúng sanh phàm phu
Tìm được một niềm vui
Ngang bằng sự đại hỷ lạc mà chư thánh giả
Tìm thấy nơi Bồ Đề Tâm tối thượng.

142.

Thanh tịnh hóa các tập khí còn sót lại
Và tức thời giác ngộ, có được toàn tri –
Khi có được niệm tưởng về những điều này,
Ta sẽ khởi sự bước trên con đường đạt đến
thành tựu.
Từ đây xuất hiện thuật ngữ “Bồ Đề Tâm.”

143.

Bồ Đề Tâm chuyển hóa
Các cảm xúc phiền não, đau khổ, và sợ hãi,

Bệnh tật, và cái chết
Vào con đường giác ngộ.

144.

Dựa trên [mức độ] khác biệt về sự dũng mãnh của
tinh thần,
Có ba loại Bồ Đề Tâm: như một vị vua,
Như người đưa đò, và như người chặn cừu,
Theo thứ tự, được gọi là kém, trung bình và siêu
việt.²⁶

145

Nương vào Bồ Đề Tâm, sự hành trì,
Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ
Trở thành nguyên nhân đạt được giác ngộ,
Cũng còn có tên gọi là “Ba La Mật” (tức sự toàn hảo).

146.

Làm sao chí nguyện vượt bậc
Của người thường, các vị Thanh Văn,

²⁶ Một vị Bồ tát có tâm giống như một vị vua thì đạt giác ngộ cho riêng mình trước rồi mới giúp các chúng sanh khác đạt giác ngộ; Bồ Tát có tâm như người đưa đò, thì đạt được giác ngộ đồng thời với những chúng sanh khác; Bồ Tát có tâm như người chặn cừu thì đạt được giác ngộ sau cùng, sau tất cả, nghĩa là giúp những chúng sanh khác được giác ngộ trước mình.

Và của hai hàng Độc Giác²⁷

Đạt được mức độ của Bồ Đề Tâm Đại thừa?

147.

Nhờ có Bồ Đề Tâm, vị Bồ Tát cao quý

Xem kẻ thù, bằng hữu và người xa lạ đều bình đẳng.

[Cách nhìn] này vượt trội

Cách những người khác nhìn họ.

148.

Với một con thuyền, người được đưa sang
bến bờ xa kia,

Với một con ngựa là đến được nơi muốn đến,

Tương tự như thế, với Bồ Đề Tâm,

Người được đưa tới quả vị Phật đà.

149.

Trong Hiện Quán Trang Nghiêm Luận,²⁸ Đức Di Lặc
giải thích

Về Bồ Đề Tâm của Bồ Tát,

²⁷ Một số Phật Độc Giác, được gọi là “nhóm đồng sự” [hay “sống trong một quần thể”] là những vị tích lũy phước báu cho đến kiến đạo (con đường của cái thấy); còn một số khác, có tên gọi là “những con tê giác” là những vị thường tích lũy phước báu cho đến gia hành đạo (con đường của sự chuẩn bị).

²⁸ Hiện Quán Trang Nghiêm Luận chính là Abhisamayalamkara do Ngài Di Lặc (Ajita Matreya) viết.

Bắt đầu bằng Bồ Đề Tâm tựa như mặt đất,
Cho đến Bồ Đề Tâm tựa như áng mây kia.

150.

Có hai loại Bồ Đề Tâm Đại thừa:
Bồ Đề Tâm tương đối và Bồ Đề Tâm tối thượng.
Bồ Đề Tâm tương đối là ước nguyện và sơ phát tâm,
Bồ Đề Tâm tối thượng là phi khái niệm, thoát khỏi mọi tạo tác.²⁹

151.

Nếu có được Bồ Đề Tâm của tối thượng thừa,
Sẽ chẳng có sự khác biệt nào giữa cao và thấp,
Giàu hay nghèo, thông minh hay ngu muội,
Bà La Môn hay người hạ tiện.
[Ai có Bồ Đề Tâm] sẽ trở thành đối tượng được tôn kính bởi Trời và người thế gian.

²⁹ Trong nhật ký năm 1959, câu cuối cùng của thi kệ này (được ghi lại vào ngày 03 tháng 4) như sau: “*Điều tối thượng chính là tánh Không siêu vượt mọi tạo tác.*”

152.

Dựa trên triết lý, nếu thiên định và mọi hành vi
Đều do Bồ Đề Tâm tác động,
Thì kết quả sẽ tương tự như khi tất cả các nhân đều
hội đủ,
Và sẽ đến được quả vô thượng bồ đề.

153.

Trong các niềm hạnh phúc, tận diệt luân hồi là hạnh
phúc [đích thực],³⁰
Trong các nỗi khổ đau, địa ngục A tỳ là đau khổ,
Trong những gì có thể bảo vệ, chân tánh của vạn
pháp là điều có thể bảo vệ.
Trong các tư tưởng thiện lành, Bồ Đề Tâm là
tối thượng.

154.

Thật sự đúng là, nếu kết hợp thực hành thiên định
và tuệ minh sát,
Thì sẽ đạt đến quả vị Thanh Văn hay Phật Độc Giác,
Nhưng nếu thiếu Bồ Đề Tâm,
Thì chẳng thể đạt được Phật quả toàn giác.

³⁰ Trong nhật ký năm 1959, câu đầu tiên của thi kệ này (được ghi lại vào ngày 06 tháng 6) như sau: “*Trong các niềm hạnh phúc, dứt sạch được tham luyến chính là hạnh phúc (thực sự).*”

155.

Bồ Đề Tâm là điều ta cần phải học,
Bồ Đề Tâm là điều ta phải suy tư,
Bồ Đề Tâm là điều ta phải thiền quán,
Và phải hoàn toàn trân quý yêu thương.

156.

Ngay cả nếu đức hạnh của thân bị suy thoái,
Ngay cả nếu đức hạnh của khẩu bị suy thoái,
Ngay cả nếu đức hạnh của tâm bị suy thoái,
Bồ Đề Tâm không bao giờ được phép suy thoái.

157.

Với Bồ Đề Tâm, người dễ dàng đạt tới
Trạng thái tối thượng của [toàn tri], thấu rõ vạn pháp:
[Như] trên chiếc máy bay phản lực, băng qua một
chặng đường xa tắp,
Người ấy sẽ tới đích ra sao?

158.

Bồ Đề Tâm giúp cho hoa súng của sự lợi ích,
Và giúp cho hạnh phúc như không gian vô biên,
cùng nở rộ.
Bồ Đề Tâm hoàn toàn bảo vệ khỏi hiểm nguy và
nhiều điều khác nữa,
Đưa ta đến với quả vị toàn giác.

159.

Nếu thiếu Bồ Đề Tâm, sẽ không đạt được giác ngộ,
Ngay cả nếu có giữ mình không phạm điều ác,
Ngay cả nếu có tích lũy các giáo pháp thiện lành,
Ngay cả nếu có thực hành đường kinh mạch, chân
khí và giọt tinh chất.³¹

160.

Với Bồ Đề Tâm, ta hoan hỷ với hạnh phúc
Với Bồ Đề Tâm, ta hoan hỷ với cả niềm đau
Với Bồ Đề Tâm, ta hoan hỷ với bất kỳ điều gì đang có
Với Bồ Đề Tâm, ta hoan hỷ với cả những gì không có.

161.

Do Bồ Đề Tâm Đại thừa siêu vượt
Bất kỳ trạng thái tâm thiện lành nào của những
người không phải là Phật tử,
Của chư Thanh Văn và chư Phật Độc Giác,
Và bởi thế, Bồ Đề Tâm được chư Phật Bốn Sư
tán dương.

³¹ “Kinh mạch, chân khí và giọt tinh chất” là những thành tố của thân vi tế mà người tu có thể dựa vào để thiền hành và học cách điều khiển trong khi thực hành các pháp thiền của mật thừa.

162.

Làm sao một người có Bồ Đề Tâm
Của tối thượng thừa,
Lại có thể hướng về thuốc độc của ngã ái, dù chỉ
trong chốc lát?
Làm sao họ có thể khước từ nước cam lồ của lòng
yêu thương dành cho những chúng sinh khác?

163.

Đám cháy lớn vào cuối đại kiếp
Thiêu đốt núi non, lục địa và đại dương.
Điều chắc chắn là Bồ Đề Tâm,
Trong thoáng chốc đã thiêu rụi mỗi một tội ác lớn.

164.

Đối với mỗi hành động của thân, khẩu và ý,
Dù trực tiếp hay gián tiếp,
Mục đích của Bồ Đề Tâm là đặt người khác lên
trên hết,
Để qua một bên lòng vị kỷ và các mục tiêu thiếu ý
nghĩa khác.

165.

Ai là người hoan hỷ với phương cách của các vị
thánh giả,
Chắc chắn phải nên giữ lấy Bồ Đề Tâm,

Giống như người muốn đi đến mảnh đất đầy
châu báu
Phải nương nhờ vào chiếc thuyền kia.

166.

Ai người từ bỏ sự phát khởi Bồ Đề Tâm Đại thừa
để đi đến cảnh giới tịch diệt,
Là từ bỏ hạnh phúc thấy được thực tại tối thượng,
Một hạnh phúc được phú bẩm với ý hướng vị tha,
Cùng các phương tiện để thành tựu [mục đích ấy].

167.

Ai là người biết suy xét mà không hoan hỷ với Bồ Đề
Tâm?
Bồ Đề Tâm diệt trừ sự gia tăng của cảm xúc phiền
não,
Ngăn chặn không cho lỗi lầm khởi lên,
Và là đỉnh cao của tất cả những gì đúng đắn.

168.

Bồ Đề Tâm của Bồ Tát giống như người bạn tâm
linh,
Tự nhiên thúc đẩy ta sống đời đạo đức, học hỏi,
Phân tích, thiền định, và làm việc phúc lợi
Cho chúng sanh đang lang thang khắp nơi bằng
không gian vô tận.

169.

Bồ Đề Tâm dõi nhìn toàn bộ chúng sanh
Như người mẹ ngắm nhìn đứa con duy nhất.
Bồ Đề Tâm là nước cam lồ, với một vị duy nhất, để
trợ giúp chúng sanh,
Không mong cầu báo đáp hay chờ đợi kết quả nào
trong tương lai.

170.

Bồ Đề Tâm có chức năng của một người bạn
tâm linh:
Chỉ ra cho ta thấy, không với chút lỗi lầm nào,
Về những điều cần yếu nên làm,
Và những gì nên tránh.

171.

Bồ Đề Tâm hoàn toàn bảo vệ ta khỏi sự độc ác,
Khỏi những điều chẳng thể nào thực hiện,
Khỏi quan điểm [sai lầm] về các uẩn,³² khỏi sự đọa
sanh vào cõi thấp,
Và khỏi một cỗ xe khiếm khuyết.

³² Nếu nhìn thấy sự thường còn vĩnh cửu của một cái ngã độc lập – trong khi [trên thực tế] thì mọi thứ đang thay đổi trong từng khắc giây và chỉ là một sự giả hợp [do duyên hợp]—thì đây chính là tà kiến liên quan đến “quan điểm suy hoại của các uẩn.”

172.

Đức Bổn Sư [Phật Thích Ca Mâu Ni] trước hết đã
phát khởi Bồ Đề Tâm,
Rồi tích lũy [hai bồ phước tuệ],
Và trở thành đấng pháp vương của chúng sanh lang
thang,
Cho nên chúng ta cũng thế,
Trước tiên hãy trung thành với Bồ Đề Tâm thánh
thiện.

173.

Nhờ vào Bồ Đề Tâm mà ta sẽ từ bỏ
Hỷ diệu lạc định,
Sẽ giúp người khác thoát khỏi khổ đau,
Và sẽ đi xuống địa ngục sâu nhất như đi vào một
công viên vui chơi.

174.

Dù cho có một số người biết cách giải thích rõ ràng
Về ý nghĩa của Bồ Đề Tâm,
Nhưng vì tập hợp các nguyên nhân (để giúp Bồ Đề
Tâm tăng trưởng) vẫn chưa đầy đủ,
Nên dòng tâm thức của họ vẫn thiếu vắng Bồ Đề Tâm.

175.

Thiền quán về Bồ Đề Tâm khi đau đớn vì bệnh tật,
Thiền quán về Bồ Đề Tâm khi buồn rầu,
Thiền quán về Bồ Đề Tâm khi đau khổ xảy ra,
Thiền quán về Bồ Đề Tâm khi sợ hãi.

176.

Ai không hoan hỷ với may mắn của người khác
Thì trong tâm không có Bồ Đề Tâm,
Giống như người hay nổi giận với người khác,
Thì trong lòng chẳng có tình thương.

177.

Ta sẽ hiểu về pháp hành Bồ Đề Tâm
Nhờ đọc Kinh điển Đại thừa, Đại thừa Bồ Tát Học
Luận, Bồ Đề Hành Luận,
Đại thừa Trang Nghiêm Luận, Bồ Đề Tâm Vương
Luận,
Hiện Quán Trang Nghiêm Luận, kinh Bồ Tát Địa và
những kinh luận như thế.

178.

Nếu ai không có được niềm tin tốt bực vững chắc
Vào [những gì đã được] diễn bày về Bồ Đề Tâm,
Thì ngay cả có cố gắng thực hành và làm nhiều điều
khác nữa,

Cũng không có căn bản để hoàn thành mục đích như mong muốn.

179.

Nếu không có Bồ Đề Tâm, sẽ không giác ngộ,
Ngay cả nếu có được các pháp hành trì tâm linh khác.

Nếu xa rời nguồn sinh lực,
Thì sức mạnh của các giác quan khác cũng chẳng còn tác dụng.

180.

Đạt được giác ngộ tối thượng vô song
Là tùy thuộc vào Bồ Đề Tâm.
Thế nên chẳng có gì trong thế giới này lẫn trong
trạng thái tịch tĩnh
Có thể biểu lộ được sự thiện lành chẳng thể nghĩ
bàn của Bồ Đề Tâm.

181.

Luận sách y khoa dạy
Cách chữa lành bệnh tật cho người đau ốm.
Luận sách Phật giáo Đại thừa dạy
Bồ Đề Tâm để diệt trừ phiền não trên đời.

182.

Rõ ràng kinh sách thiêng liêng gọi Bồ Đề Tâm tối
thượng
Là một niệm tưởng với hai mục đích,
Bởi vì Bồ Đề Tâm được khởi lên dựa trên sự tương
thuộc giữa
Chúng sanh và Phật.

183.

Bồ Đề Tâm và những gì tương tự là tối thượng
trong mọi sự tôn thờ;
Đây chính là sự tôn thờ vô song.
Thế nên thật là điều đúng đắn khi cung hiến đời
mình
Cho nguồn đức hạnh cao quý này.

184.

Nếu muốn phát khởi trong dòng tâm thức
Bồ Đề Tâm rất khó tìm này,
Trước hết phải tinh tấn thiền định
Về các nguyên nhân như tình yêu thương, lòng bi
mẫn và nhiều điều khác nữa.

185.

Đức hạnh nào có được nhờ vào Bồ Đề Tâm?
Lỗi lầm nào gặp phải khi thiếu Bồ Đề Tâm?

Phải quán sát với trí tuệ thấu suốt,
Thăm đắm luận lý sâu xa.

186.

Tự chính tư tưởng tốt cùng cao quý
Có năng lực [trở thành] nền tảng
Để lợi lạc và hạnh phúc sẽ liên tục phát sanh
Cho những bà mẹ hiền – chúng sanh đang lang
thang khắp cùng không gian,
Và để giảm đi toàn bộ đau khổ cho mỗi một chúng
sinh ấy.

187.

Giống như ngọc như ý
Là tất cả [và là mục đích] cuối cùng cho người
giàu sang.
Bồ Đề Tâm là tất cả [và là mục đích] cuối cùng
Cho mỗi một Bồ Tát.

188.

Tôi nghĩ là các vị thánh nhân tin tưởng rằng
Nếu đáp trả lại sự thiệt hại mà người khác gây
cho mình
Bằng sự lợi ích chân tình [dành cho người đó],
Thì đây là một trong những phương cách thiền của
Bồ Đề Tâm.

189.

Khi nghĩ rằng “Tôi là một Bồ Tát,”
Thì đừng khinh miệt ngay đến cả một con côn trùng.
Chúng ta được dạy là Bồ Đề Tâm tối thượng
Cũng ngập tràn trong mỗi chúng sanh đang lang thang.

190.

Tựa như bơ là cốt lõi của sữa,
Bồ Đề Tâm là cốt lõi của Phật giáo Đại thừa.
Tựa như mật là cốt lõi của hoa,
Bồ Đề Tâm là cốt lõi của Đại thừa Phật Giáo.

191.

Nếu muốn có sự hiểu biết chắc chắn về Bồ Đề Tâm,
Thì hãy luôn luôn xác định
Về nền tảng, ý hướng và nhiều điều khác nữa,
Như đã được giải thích trong Đại thừa Trang
Nghiêm Luận.

192.

Nếu Bồ Đề Tâm bị suy thoái,
Thì đây là điều ta cần phải lưu tâm.
Ví như điều đúng đắn [cần làm] là
Sửa lại món trang sức vàng khi nó bị vỡ mẻ.

193.

Ngay cả khi thân người có đủ mọi phẩm chất
tốt lành,
Thì vẫn là kém may mắn nếu bị mất đi thị giác.
Ngay cả nếu có được mọi phẩm chất tốt lành khác,
Thì vẫn là kém may mắn nếu mất đi Bồ Đề Tâm.

194.

Cho dù gặp phải bất kỳ điều gì,
Cũng đừng bao giờ từ bỏ Bồ Đề Tâm.
Nếu sanh lòng từ bỏ Bồ Đề Tâm tối thượng
Thì sẽ chẳng có sức mạnh nào để đạt được Phật quả.

195.

Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm, cần phải có niềm tin.
Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm, cần mong muốn
có được điều ấy.
Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm, cần phải có từ bi.
Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm, hãy thiền quán về
những điều này.

196.

Dựa vào Bồ Đề Tâm Đại thừa,
Hãy tạo đức hạnh để thanh tịnh thân,
Hãy tạo đức hạnh để thanh tịnh khẩu,
Hãy tạo đức hạnh để thanh tịnh ý.

197.

Dựa vào Bồ Đề Tâm tối thượng thừa,
Hãy thành tựu đức hạnh của thân,
Hãy thành tựu đức hạnh của khẩu,
Hãy thành tựu đức hạnh của ý.

198.

Ngay cả khi một người đã phát Bồ Đề Tâm tối thượng,
Lại không để cho Bồ Đề Tâm thấm đẫm nhân cách
của mình,
Thì có ích lợi gì?
Ngay cả khi ta trồng cây và chăm sóc hạt giống,
Mà cây con không mọc,
Thì có ích lợi gì?

199.

Ngay cả một vị Phật cũng chẳng thể nào
Làm vui mỗi một chúng sanh hữu tình.
Nhưng nếu Bồ Đề Tâm chân thực hiện ra,
Thì chắc chắn sẽ có niềm vui cho hầu hết chúng sanh.

200.

Mỗi cấp độ hay con đường tu Đại thừa
Đều được bao gồm trong Bồ Đề Tâm,

Cũng như tất cả những gì do duyên hợp
Đều được bao gồm trong ngũ uẩn.³³

201.

Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi đang đi đâu đó,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi đang ngồi xuống,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi đang nằm xuống,
Hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm khi đang đứng lên.

202.

Bằng cách dựa vào việc nhớ tưởng và quán sát nội tâm,
Hãy từ bỏ những việc làm chống trái với Bồ Đề Tâm.
Nếu có lỗi làm điều đó, phải tức thời sửa đổi
Bằng cách sám hối và bằng nhiều cách khác.

203.

Như người đói thấy vui khi có thức ăn,
Như người khát thấy vui khi gặp nước,
Như người giá lạnh gặp được ngọn lửa hồng,
Chư vị thánh giả luôn lấy Bồ Đề Tâm làm niềm vui.

³³ “Ngũ uẩn” (*skhandha*) hay năm “nhóm” [hay năm “hợp thể”] bao gồm một uẩn vật lý và bốn uẩn thuộc về tinh thần, tạo thành một con người không có tự ngã.

204.

Chừng nào suy nghĩ và hành động cho riêng mục
đích vị kỷ
Vẫn bị tác động,
Thì thật khó để phát khởi
Bồ Đề Tâm chân thực trong dòng tâm thức.

205.

Mỗi sáng khi thức dậy,
Dấy lên tận đáy lòng tâm nguyện hướng đến Bồ
Đề Tâm.
Mỗi tối khi đi ngủ,
Quán sát lại những gì đã làm là thuận hay nghịch với
Bồ Đề Tâm.

206.

Nếu không búng bật được gốc rễ --
Mầm độc của lòng ngã ái,
Làm sao cây Bồ-Đề-Tâm-vương như ý,
Hoan hỷ với lòng vị tha,
Có thể nở nở thắm tươi?

207.

Có Bồ Đề Tâm thì sẽ đạt được cả hai:
An lạc nhất thời, và cuối cùng đạt được Phật quả.

Do đó, hãy cố gắng gióng lên tiếng nói
Về toàn bộ sự vĩ đại của Bồ Đề Tâm trân quý.

208.

Lòng vị tha của người bình phàm, Thanh Văn,
Và của Phật Độc Giác,
Không thể sánh với lòng vị tha của Bồ Tát,
Là người mà dòng tâm thức được tưới tắm bằng
Bồ Đề Tâm.

209.

Ngay cả người ngoại đạo có tài sản ngang bằng tam
thiên đại thiên thế giới,³⁴
Thì phước báu của họ cũng không thể sánh
Với việc cúng dường
Một bữa ăn duy nhất với Bồ Đề Tâm.

210.

Khó có được cuộc đời tự do quý giá này,
Khó gặp được giáo pháp của Phật.
Nhưng nếu chưa nắm được Bồ Đề Tâm trong lòng
bàn tay
Thì còn sự thiếu may mắn nào lớn lao hơn thế?

³⁴ “Tam thiên, đại thiên thế giới” (Tib. *stong gsum*; Skt. *trisahasra*) để chỉ một ngàn lần thế giới vũ trụ này của chúng ta được nhân lên một ngàn lần, rồi lại được nhân lên thêm một ngàn lần nữa.

211.

Từ vô thì cho đến bây giờ,
Ta đã bị dày vò bởi nỗi đau khổ lớn lao vô nghĩa lý.
Nếu ta không hăng hái đón nhận Bồ Đề Tâm
Thì một lần nữa ta sẽ không có lối thoát nào cho các
trải nghiệm khổ đau.

212.

Ánh sáng ban ngày xóa tan bóng tối,
Ánh trăng đêm xua đuổi những niềm đau,
Giàu có xóa tan đi nghèo khó,
Bồ Đề Tâm tận xóa nghiệp ưu phiền.

213.

Đối trước một vị Bồ Tát khác,
Sự tích lũy vô tận của phước báu
Ngay cả đến từ đôi mắt của lòng tín tâm,
Cũng là nhờ vào sức mạnh của Bồ Đề Tâm.

214.

Đối tượng để hỗ trợ Bồ Đề Tâm
Là chúng sanh mẹ hiền bao la như không gian.
Đối tượng để hỗ trợ Bồ Đề Tâm
Là giác ngộ tròn đầy viên mãn.

215.

Khi Phật và Bồ Tát nghĩ rằng:

“Phương tiện nào giúp mọi người dễ dàng đạt được

Giai đoạn tối thượng [trên đường tu]

Nơi hai cực đoan [về luân hồi và niết bàn] đều được
xóa bỏ?”

Các ngài đã thấy ra rằng, đó chính là Bồ Đề Tâm cao quý.

216.

Với Bồ Đề Tâm, mục đích của bản thân được thành tựu.

Với Bồ Đề Tâm, mục đích của người khác cũng
thành tựu.

Với Bồ Đề Tâm, người ta xóa được nguyên nhân
gây sợ hãi.

Với Bồ Đề Tâm, giải pháp đối trị sẽ hoạt dụng.

217.

Trừ phi và cho đến khi nào

Bồ Đề Tâm trở nên vững vàng như núi Tu Di,

Ai người sẽ ném được nước cam lồ

Của cánh cổng đưa đến các giai đoạn bao la và thâm
diệu [của đường tu giác ngộ]?

218.

Bồ Đề Tâm bảo vệ ta khỏi bạo lực và sự đọa sanh
vào cõi thấp,

Khỏi tri kiến [sai lầm] về [các uẩn] đang tan hoại,
Khỏi cỗ xe và các phương tiện kém cỏi.
Vì thế, thật rõ ràng để thấy rằng
Bồ Đề Tâm là nơi nương dựa tốt nhất.

219.

Bồ Đề Tâm, rực rỡ với các phẩm hạnh tốt lành,
Là điều tuyệt diệu nhất trong những điều cần biết.
Bất cứ ai không tu học về Bồ Đề Tâm,
Phải là người có tâm cứng như đá.

220.

Trầm tĩnh, đem lại sự hoan hỷ cho tất cả,
Ngự trị ở trên cao nhưng lại bước xuống [các cõi
thấp],
Đấy chính là Bồ Đề Tâm trong lòng Bồ Tát,
Là ánh trăng trên con đường của chư thiên.

221.

Lợi lạc từ ích kỷ là nền tảng để đau khổ bắt nguồn.
Giúp đỡ người khác là nền tảng để an lạc phát sinh.
Đây là lý do tại sao chư vị tôn quý tối cao
Hăng hái mở toang kho báu của hạnh phúc và lợi lạc
cho chúng sanh lang thang.

222.

Lời tuyên bố rằng con của Như Lai
Không nên sợ hãi loài thú dữ.
Đây là câu nói trên căn bản của Bồ Đề Tâm,
Chứ không đến từ sự mưu tìm hãm hại chúng sanh
khác.

223.

Đối trước các việc gây thương tổn
Đến báu thân Phật, Pháp, Bồ Tát, đấng đạo sư,
Đến bằng hữu và gia đình...
Hãy bám chặt lấy Bồ Đề Tâm nhu hòa
Và khóa mình bên trong chiếc áo giáp của sự kham nhẫn.

224.

Cho dù thật sự là các công hạnh của chư Bồ Tát,
Những người đã phát khởi tâm giác ngộ tối
thượng,
Là những việc làm khó khăn,
Nhưng thật là đúng đắn để tiếp tục thực hiện các
công hạnh ấy,
Bởi vì, giống như cây nghệ vàng đang được nuôi lớn,
Một khi thành tựu mục đích sẽ [thu hoạch] được rất
nhiều.

225.

Thoát khỏi sợ hãi, thọ trì Bồ Đề Tâm,
Không màng đến sở hữu, thân mạng hay đời sống,
Sư tử hống Tam Tạng³⁵ giáo điển,
Gồm các giáo pháp của Phật cho mọi người cùng nghe.

226.

Sau khi đã phát sanh tư tưởng giác ngộ vô thượng,
Phải bảo vệ mọi sự rèn luyện tâm;
Nếu không, bạn sẽ ở trong một trạng thái
Giống như gió lùa qua lỗ trống.

227.

Bất cứ làm việc gì,
Hãy làm sau khi đã liên kết với Bồ Đề Tâm.
Đi từ an lạc đến cực lạc,
Ta sẽ đạt được đại lạc không bao giờ suy thoái.

228.

Khi những nhánh, cành của cây Bồ Đề Tâm,
Với rễ cây đã bám chặt vào lòng đất,
Nơi mà tâm ngã ái đã bị đuổi xa bay,

³⁵ “Tam Tạng” là Tam Tạng giáo điển của Phật: Kinh, Luật và Luận (A tỳ đạt ma).

Thì cây sẽ trĩu quả lành, giúp đỡ được những chúng sanh khác.

Qua đó, mọi hy vọng của chúng sanh lang thang đều sẽ được thành tựu.

229.

Đây phải là cách thực hành:
Ba pháp tu siêu vượt phiền não,
Tức giới, định và tuệ,
Vớ nền tảng là Bồ Đề Tâm.

230.

Chư thánh nhân không chấp nhận
Những tư tưởng dưới đây như là một phần của Bồ
Đề Tâm:
“Khi nào tôi có thể xóa tan đau khổ của người khác?”
Và “khi nào tôi sẽ phát triển được trọn vẹn tài năng
của người khác?”

231.

Khi vui, hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm,
Khi buồn, hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm,
Khi già, hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm,
Khi lìa đời, hãy nhớ đến Bồ Đề Tâm.

232.

Với niềm tin mong muốn đạt được điều ấy,
Và với lòng từ bi muốn trải khắp chúng sanh,
Sẽ không quá khó để phát tâm Bồ Đề
Một khi tố chất Đại thừa trong ta được đánh thức.

233.

Người keo kiệt vui khi có vàng và bạc,
Người tham sắc vui với cô gái trẻ trung,
Con ong mật vui khi làm ra mật,
Thánh nhân an lạc với Bồ Đề Tâm.

234.

Những ai vì Bồ Đề Tâm, đã cưu mang trên đôi vai
mình,
Gánh vác, phục vụ chúng sanh ngang bằng không
gian vô biên,
Thì đừng bao giờ chểnh mảng, dù chỉ trong giây
khắc,
Đừng quên thúc đẩy mình trên con đường thành
tựu mục đích vì lợi lạc chúng sanh.

235.

Xa rời màu sắc đẹp hay xấu thì cũng được thôi,
Nhưng xa rời Bồ Đề Tâm thì tuyệt không thể.

Xa rời ngay cả bà con, bạn hữu, thân thể và mạng
sống thì cũng được thôi,
Nhưng xa rời Bồ Đề Tâm thì tuyệt không thể.

236.

Sau khi đã bước theo Bồ Đề Tâm tối thượng,
Vớ tâm niệm, nội quán và ý thức,
Hãy noi theo sự rèn luyện,
Thực hành sự rèn luyện và giữ gìn sự rèn luyện.

237.

Năm học phái triết lý phi Phật Giáo³⁶
Vớ các quan điểm thường hằng (chấp có) và hư vô
(chấp không),
Rõ ràng là họ không có Bồ Đề Tâm.
Nếu [cho là] có, thì hãy thử hỏi họ về Bồ Đề Tâm đi.

238.

Để biết được về tinh hoa của Bồ Đề Tâm,
Hãy nương tựa vào một vị thiện tri thức Đại thừa,

³⁶ “Năm học phái triết lý phi Phật Giáo” là: Samkya (Số Luận Sứ), Lokayatana (Nguyên Tử Luận), Vaisesika (Vệ Thế Sứ), Nyaya (Chính Lý) và Jaina (Kỳ Na Giáo). Hay gọi khác là các trường phái: Samkhya (Số Luận Sứ), Yoga (Du Già), Nyaya (Chính Lý), Vaiseskika (Vệ Thế Sứ) và Mimamsa (Di Mạn Sai).

Đọc kinh sách Đại thừa
Và làm bạn với các vị Bồ Tát.

239.

Sự độc ác của kẻ thù, dù nhỏ, cũng nhận thấy được,
Lòng tử tế của người bạn, dù nhỏ, cũng nhận biết ra.
Nhưng các vị thánh giả với tâm vô phân biệt,
Chuyển hóa được cả hai để làm lợi lạc [cả bạn lẫn thù],
Nhờ vào Bồ Đề Tâm.

240.

Ánh sáng ban ngày soi sáng trên vùng cao,
Nhưng bên dưới hoa sen ngàn cánh vẫn rộ nở.
Dù Bồ Đề Tâm tối thượng ở trên cao,
Nhưng dưới kia, thái độ thiện lành vẫn nở tràn
trong tâm thức.

241.

Nếu gây trở ngại cho đức hạnh của Bồ Tát,
Dù chỉ một thoáng thôi,
Cũng sẽ đưa đến đau khổ vô tận của sự đọa sanh vào
cõi thấp,
Thấu biết được điều ấy là do bởi [sự vĩ đại] của Bồ
Đề Tâm.

242.

Từ bỏ Bồ Đề Tâm trong tim mình
Là điều nặng nề nhất trong những sự thoái hóa.
Nếu năng lực sống bị cạn kiệt,
Thì tất cả sức mạnh đến từ các giác quan khác cũng
sẽ ngừng hoạt động.

243.

Ngày nào [luân hồi] còn hiện hữu,
Hãy cố gắng noi theo Bồ Đề Tâm,
Cội nguồn của mọi phúc lạc
Dành cho chúng sanh lang thang.

244.

Nếu ta tự hỏi, “Đâu là điều không thể thiếu trong
thế giới này?
Nếu không có điều ấy thì sẽ chẳng làm gì được cả?”
Nơi chư vị thánh giả ta chẳng thể tìm thấy gì,
Ngoại trừ Bồ Đề Tâm tối thượng.

245.

Nhờ có Bồ Đề Tâm, các vị trưởng tử của chư Phật
Đối nhìn chúng sanh lang thang với tâm không phân biệt,
Như người mẹ [nhìn thấy] đưa con trai duy nhất
Với ánh nhìn yêu thương đến từ sâu thẳm trong lòng.

246.

Muôn ngàn hành động hiển nhiên lợi ích cho người khác,
Vẫn không sánh được với hành động cao cả dấy lên
Vì lợi lạc cho người khác
Khi đang nắm giữ Bồ Đề Tâm.

247.

Ai là nguồn lợi lạc vô tận cho chúng sanh,
Nương vào Bồ Đề Tâm vô thượng,
Là người làm vơi đi đau khổ
Và những nguyên nhân tạo ra đau khổ,
Người ấy là một vị Phật sẽ thành.

248.

Đúng thật rằng – khi một người thoái Bồ Đề Tâm,
Thì phải phát [Bồ Đề Tâm] trở lại,
Bởi vì để đạt đến các địa [Bồ tát] sẽ mất nhiều thời gian hơn.
Tuy nhiên, hãy cẩn thận, đừng để bị hoen ố bởi sự thoái Bồ Đề Tâm.

249.

Hãy giữ lấy Bồ Đề Tâm như trụ cột,
Xuyên qua pháp môn hợp nhất giữa bao la và thâm diệu,

Sự toàn tri về vạn pháp sẽ được thành tựu.
Đó là bởi vì, nhân và quả chắc chắn không hề dối gạt.

250.

Với thủy ngân nhìn giống như vàng,
Ta chuyển sắt thành vàng.
Với Bồ Đề Tâm, ta chuyển phiền não
Thành một nhánh của giác ngộ.

251.

Vị Bồ Tát được gia trì bởi Bồ Đề Tâm
Giống như chúa tể của những dãy núi,
Sẽ không bị vướng nhiễm,
Ngay cả khi những tình trạng khủng khiếp nhất
khởi sinh.

252.

Khi biết rằng Bồ Đề Tâm ban cho
An lạc vô thượng và bất biến của vô học đạo,³⁷
Thì ai còn có thể cho rằng
Niềm hạnh phúc của chư thiên và loài người
Là điều kỳ diệu?

³⁷ “Vô học đạo” (hay “Cứu cánh đạo”) là giai đoạn cuối cùng của con đường tu tập để đạt được giác ngộ.

253.

Tri thức đạt đến giới hạn [tột cùng] của mọi hiểu biết,
Tình thương trải rộng đến mọi chúng sanh,
Và năng lực nhanh như ánh chớp,
Là những gì bắt nguồn từ Bồ Đề Tâm.

254.

Từ Bồ Đề Tâm, suối nguồn của sự thịnh vượng,
Nở rộ trọn vẹn các phẩm hạnh tốt lành.
Mặt trăng là bậc hiền nhân đứng đầu,
Ảnh hưởng đến sự nở rộ của những đóa hoa sủng,
Là [biểu tượng] cho lợi ích và hạnh phúc phổ quát
[của muôn loài].

255.

Bồ Đề Tâm, cỗ xe tối thượng chuyên chở ta
Đến bến bờ toàn hảo của niết bàn vô trụ.
Giống như con ngựa giống [kỳ diệu]
[biết rõ đường đi không cần ai dẫn lối]
Mà vẫn đến được nơi nó muốn đến.

256.

Khi sự rục rở chói ngời của Bồ Đề Tâm bị sa sút,
Thì thông qua sự tưởng nhớ và quán chiếu nội tâm
để hỗ trợ,

Hãy quán sát mọi hành động của thân, khẩu và ý,
Để xem các hành động ấy có thuận với tâm linh?

257.

Với Bồ Đề Tâm ta xem ngã ái
Như thuốc độc hiểm ác.
Với Bồ Đề Tâm ta xem lòng vị tha
Chẳng khác chi cam lồ.

258.

Nếu không có Bồ Đề Tâm, thì không có Bồ Tát.
Nếu không có luyện ái trong đời này, thì không có
con người.
Nếu không có sự chuyển đổi thái độ luyện ái, thì
không có xả ly.
Nếu có cực đoan, thì không có [chánh] kiến.

259.

Nếu lìa bỏ Bồ Đề Tâm quý giá,
Thì cho dù có vẻ như đang làm điều gì đó lợi ích cho
người khác,
Nhưng cũng chỉ như là cái ảo bề ngoài.
Như cây không sanh trái quả,
Nhìn tươi đẹp, nhưng chẳng thể làm dịu cơn đói.

260.

Như mối liên kết giữa vạn hữu trong thế gian này,
Trân quý một cách tự nhiên và khó tìm,
Nhưng lợi lạc vượt thắng mối liên kết ấy
Chính là Bồ Đề Tâm mà chư Phật đã xưng tán.

261.

Nếu nguyện ước làm được những công hạnh như
Phổ Hiền Bồ Tát³⁸
Thì phải chăm sóc gốc rễ Bồ Đề Tâm.
Nếu muốn cây có tàng lớn với nhiều cành lá,
Phải truyền nước vào gốc rễ của cây.

262.

Với Bồ Đề Tâm ta thấy ngã ái
Là thuốc độc và ngăn chặn nó lại.
Với Bồ Đề Tâm ta thấy lòng vị tha
Là nước cam lồ, và ta thực hành điều đó.

263.

Ngay cả khi không thể, qua việc mình làm,
Trợ giúp được cho người đang hăm dọa hay đe dọa
mạng sống của ta,

³⁸ Phổ Hiền là vị Bồ Tát mà nguyện vọng của ngài được ghi lại trong phẩm cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm, còn gọi là Kinh Ganda-vũha.

Ta vẫn không được từ bỏ tư tưởng làm lợi lạc họ.
Nếu không, ta đang đi ngược lại với Bồ Đề Tâm.

264.

Khi nghĩ rằng Bồ Đề tâm, được [nung nấu] bằng
lòng bi mẫn,
Là chí nguyện đem đến lợi ích và an lạc
Cho chúng sanh mẹ hiền ngang bằng không gian vô
biên,
Người thượng [căn] rải hoa cúng dường xưng tán
[Bồ Đề Tâm].

265.

Khi Bồ Đề Tâm Đại thừa đã được khởi phát,
Sự vấn đục của tâm ngã ái sẽ giảm đi,
Điều thiết yếu -- nhu cầu của các chúng sanh khác --
sẽ được ta nhiệt tâm chăm sóc,
Và ta trở thành một người bạn giấu tên.

266.

Từ rễ cây Bồ Đề Tâm rắn chắc
Nuôi thân cành tươi tốt cho các hoạt động tâm linh.
Quả lành, công hạnh giác ngộ, ôi thật là tuyệt diệu,
Giúp thành tựu mọi hy vọng của hữu tình chúng sanh.

267.

Bồ Đề Tâm là phương tiện tốt nhất để đạt được
trí tuệ vô phân biệt,
Là người bạn tốt nhất mang niềm vui đến tất cả
chúng sanh,
Là tối thượng trong các tâm thiện lành,
Là bảo trang cho toàn vũ trụ.

268.

Không có pháp nào để học
Như học về Bồ Đề Tâm.
Không có pháp nào để quán chiếu và thiền tập
Như quán chiếu và thiền tập về Bồ Đề Tâm.

269.

Bầu trời thực tại bị che mờ
Bởi những vàng mây của các vết nhơ bất định.
Luồng gió Bồ Đề Tâm sẽ thổi chúng bay xa,
Như ngọn đèn [xóa tan] bóng tối.

270.

Rõ biết khuyết điểm của luân hồi
Và hiểu biết đúng đắn về phẩm chất toàn hảo của
giác ngộ,
Bên trong một người [noi theo] dòng truyền Đại thừa,
Mầm của Bồ Đề Tâm nảy nở.

271.

Từ nay cho đến khi đạt được tâm giác ngộ,
Người bạn đáng yêu vô thượng chính là Bồ Đề Tâm.
Thế nên làm sao chư thánh giả
Không cung hiến cả đời mình cho Bồ Đề Tâm?

272.

Người ta chăm sóc đôi mắt của mình
Ngay cả khi gặp hiểm nguy đáng kể.
Tương tự như thế, cho dù nguy hiểm đến đâu,
Thánh nhân luôn bảo vệ Bồ Đề Tâm.

273.

Một học giả có thể giải thích về diệu pháp,
Bác bỏ những gì không chân thật dựa trên luận lý
đúng đắn,
Tạo được hương vị an vui qua những gì ông ta viết,
Nhưng nếu người ấy không có Bồ Đề Tâm –
Thì ai còn muốn phát nguyện trở thành như thế?

274.

Biết rằng người có Bồ Đề Tâm
Được chư Phật và Bồ Tát xưng tán,
Ngay cả kẻ thù cũng còn kính trọng,
Thì cần gì phải nói thêm về những việc người khác
đang làm [để ủng hộ người có Bồ Đề Tâm]?

275.

Bồ Đề Tâm không khó phát sanh
Nơi người có gốc rễ chí thành vững chắc,
Nơi người thuộc dòng truyền Đại thừa,
Và nơi người có trái tim mong muốn được đánh thức.

276.

Chư Phật và Bồ Tát liên tục kiểm soát
Bồ Đề Tâm, là tài sản cao sang nhất,
Như nung nóng, cắt xén, đánh bóng vàng,
Là nền tảng của sự phú quý, [thành tựu] cả hai mục
đích.

277.

Ý tưởng làm hại người khác
Là kẻ thù của Bồ Đề Tâm.
Ý tưởng sâu thẳm tận đáy lòng không làm hại bất
cứ ai
Là bạn hữu của Bồ Đề Tâm.

278.

Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm tối thượng,
Hãy nuôi dưỡng ý tưởng làm lợi lạc tất cả.
Nếu muốn phát khởi Bồ Đề Tâm tối thượng,
Hãy liên tục lưu giữ trong tâm hiểu biết về những
phương pháp thiền.

279.

Ai người ước ao mang lại lợi lạc một cách bình đẳng
Cho kẻ thù, bằng hữu và người xa lạ,
Phải ôm chặt, không buông bỏ cây Bồ Đề Tâm rộng
lớn,
Ngay cả phải trả giá bằng chính mạng sống của
mình.

280.

Nếu dòng tâm thức cứ bùng cháy trong cơn giận
dữ liên tục,
Vênh váo với niềm kiêu hãnh và tràn đầy lòng ganh tỵ,
Thì bao giờ mới là lúc thuận duyên
Để đạt được Bồ Đề Tâm trân quý?

281.

Người hành thiền dựa trên tư tưởng
“Chúng sanh vô lượng nhiều như không gian là
mẹ của tôi,”
Người ấy đang tiến gần đến
Sự phát khởi của Bồ Đề Tâm Đại thừa.

282.

Với cam lồ của Bồ Đề Tâm, bệnh tật được chữa
lành,
Và sự dũng cảm gia tăng,

Không mong cầu được đền đáp hay được thọ quả
tốt lành,
Tất cả đều là lợi lạc bình đẳng như nhau.

283.

Hãy quán xét xem bạn có Bồ Đề Tâm – cội rễ của
Đại thừa – hay chưa?
Nếu chưa có,
Thì hãy lập nguyện dựa vào nghi lễ thọ Bồ Đề Tâm
[giới]³⁹
Và bảo đảm là Bồ Đề Tâm sẽ không bị suy thoái.

284.

Nhiệt thành chăm lo cho nhu cầu của người khác,
Chính là bạn hữu của Bồ Đề Tâm cao quý.
Say mê chăm chút cho ngã ái
Là kẻ thù của Bồ Đề Tâm vô thượng.

285.

Thật khó đạt được niềm tin vững chắc,
Thật khó để được tái sanh làm người hoàn hảo,
Thật khó tìm được một bậc thánh nhân,
Thật khó tìm được Bồ Đề Tâm tối thượng.

³⁹ Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện tiền thường áp dụng nghi lễ do ngài Atisa soạn căn cứ trên bộ luận *Bồ Tát Địa (Bodhisattvabhumi)*.

286.

Nhờ vào dược phẩm Bồ Đề Tâm,
Tất cả bệnh tật nhiễm ô đều được trị dứt.
Như vậy trong khắp cùng thế giới,
Rõ ràng không có món thuốc nào tương tự.

287.

Ngay cả khi bị đè nén bởi một chứng bệnh không
thể chịu đựng nổi,
Hãy cố gắng quán niệm Bồ Đề Tâm,
Như người đang đau khổ vì sức nóng dữ dội,
Nghĩ tưởng về nước lạnh mát trong tâm.

288.

Nếu muốn chúng sanh vô lượng như không gian
được an vui,
Hãy xem Bồ Đề Tâm là quan trọng.
Nếu muốn chúng sanh vô lượng như không gian
được lợi ích,
Hãy xem Bồ Đề Tâm là quan trọng.

289.

Trừ phi nương nhờ vào Bồ Đề Tâm
Thì chẳng bao giờ có được chư Phật, [dù là] quá
khứ, hiện tại hay vị lai.

Thế nên, nếu muốn đạt được Phật quả,
Phải có được hạt giống Bồ Đề Tâm.

290.

Bồ Đề Tâm là ánh mặt trời xóa tan
Bóng tối lớn lao của sự chấp ngã.
Đi từ ánh sáng đến ánh sáng,
Nương tựa vào Bồ Đề Tâm là hoàn toàn tốt lành.

291.

Với Bồ Đề Tâm, ta ra khỏi cơn đau đớn,
Với Bồ Đề Tâm, ta vượt qua được xấu ác,
Với Bồ Đề Tâm, ta điều trị được bất hạnh,
Với Bồ Đề Tâm, ta thoát được cơn sợ hãi.

292.

Ngay cả một nhà hiền triết vô thượng,
Cũng khó làm vui lòng được tất cả chúng sanh.
Nhưng nếu ai có được Bồ Đề Tâm,
Hầu như đều làm mọi người hài lòng.

293.

Nếu có thực tâm
Làm hành giả theo Phật Giáo Đại thừa,
Thì phải phát khởi Bồ Đề Tâm nếu chưa phát khởi,
Và không bao giờ để Bồ Đề Tâm suy thoái.

294.

Nói chung, thật khó khởi lên một tư tưởng thiện lành,
Và còn khó hơn khi bắt đầu con đường tu tập,⁴⁰
Nhưng phát được Bồ Đề Tâm còn khó khăn hơn thế nữa.
Thế nên, phải phát Bồ Đề Tâm nương vào nỗ lực tinh tấn.

295.

Bồ Đề Tâm Đại thừa khởi phát từ công phu hành thiền lâu dài và liên tục,
Dựa trên tình cảm dành cho những người thương mến,
Cùng với lòng bi mẫn và nhiều điều khác nữa,
Như là hạt đang nảy mầm khi hội đủ nhân duyên.

296.

Khi có được Bồ Đề Tâm
Thì bệnh hoạn cũng tốt, lâm chung cũng tốt,
Học hành cũng tốt, và hành thiền cũng tốt.
Dù là chuyện gì chẳng nữa cũng đều là tốt.

⁴⁰ Theo nghĩa đen, “điều đó trợ giúp cho việc giải thoát” hay “điều đó là phù hợp với việc giải thoát” là đang nói về bước đầu của con đường tu tập, đó là con đường tích lũy (tư lương đạo).

297.

Nếu đã thuần thực với Bồ Đề Tâm,
Thì có điều gì sai trái mà ta không thể từ bỏ?
Và có điều gì tốt lành mà ta không thể thực hiện?
Hãy nhiệt tâm cố gắng thiền quán về Bồ Đề Tâm.

298.

Nếu không có được sinh lực sống động của Bồ Đề Tâm,
Thì không thể đi vào con đường Đại thừa.⁴¹
Nếu không như thế, thì làm sao đạt được
Giai đoạn tối thượng của Phật quả?

299.

Thật khó để Bồ Đề Tâm khởi sinh
Nơi dòng tâm thức đang bị nhiễu loạn vì cảm xúc
phiền não,
Giống như thật [khó] cho hoa sen trăm cánh nở
Nơi chẳng có đầm lầy.

300.

Khi nền tảng của Bồ Đề Tâm được xác lập,
Thì những việc làm cực kỳ sai trái sẽ tự nhiên dừng lại.
Tất cả những hành động tốt đẹp sẽ đến trong tay;
Ta sẽ thoát khỏi lo âu, hoảng sợ và trở nên an ổn.

⁴¹ Xem ghi chú trước.

301.

Cuộc đời của người không huân tập Bồ Đề Tâm
Chẳng có nghĩa lý gì,
Như hy vọng được gặt mùa
Mà không gieo hạt giống.

302.

[Những con côn trùng nhỏ bé] bay lượn
Quanh mùi thơm ngon ngọt tỏa ra từ hoa sen.
Người đi tìm giải thoát,
Nhiệt tâm bước vào đóa sen trăm cánh của Bồ
Đề Tâm.

303.

Toàn bộ tài sản quý giá của nhà thơ điêu luyện
Nằm trong những lời thơ xuất chúng.
Tương tự như thế, toàn bộ tài sản quý báu của
thánh nhân,
Chính là Bồ Đề Tâm cao quý.

304.

Trong các dược phẩm – có thuốc linh diệu tối thắng,
Trong các món nữ trang – có ngọc như ý,
Trong các loài hoa – có hoa sen trắng,
Trong các tâm thiện lành – có Bồ Đề Tâm.

305.

Với Bồ Đề Tâm ta có chức năng của một thiện tri thức,
Với Bồ Đề Tâm ta tiến triển trên các cấp độ và
con đường tu,
Với Bồ Đề Tâm ta trao mình cho nhu cầu [của mình
và của người],
Với Bồ Đề Tâm, ta thấu biết tất cả các pháp thiên.

306.

Phước báu nào không tạo được,
Trí huệ nào không phát sanh,
Cho người luôn tinh tấn
Gìn giữ Bồ Đề Tâm.

307.

Bồ Đề Tâm của chư Bồ Tát
Chính là nền tảng của sự phú quý cho mình
và cho người,
Châu báu kết trên đỉnh [đầu] của một vương tôn
Cũng lấy làm hổ thẹn.

308.

Bất cứ nơi nào có sự thiện lành lớn lao
Của vòng châu báu Bồ Đề Tâm hiển lộ,
Nơi đó trở thành đặc biệt hơn tất cả,
Chẳng khác nào trú xứ của các đạo sư tối thắng.

309.

Bất kỳ hành động nào ta chủ tâm làm
Được thúc đẩy bởi Bồ Đề Tâm
Cũng đều là thiện đức.
Cành, hoa và quả,
Đến từ hạt giống của cây thuốc [Bồ Đề Tâm]
cũng đều tốt cả.

310.

Kinh điển có xác chứng, cùng với luận lý rõ ràng
Đã cho ta thấy rằng
Lợi lạc đến từ châu báu Bồ Đề Tâm tối thượng
Là vô bờ bến.

311.

Đã là tệ hại nếu đạo đức của một người bị suy thoái,
Nhưng còn tệ hơn nữa nếu thoái Bồ Đề Tâm.
Kết quả của đạo đức là cõi trời,
Nhưng kết quả của Bồ Đề Tâm chính là giác ngộ.

312.

Người nào trong dòng tâm thức
Liên tục thắm đẫm
Niềm thao thức nhớ nghĩ đến Bồ Đề Tâm --
Thì ai có thể ngăn cản được họ đi từ niềm vui này
đến niềm vui khác?

313.

Vật chất không có khả năng
Tạo giác ngộ Bồ đề,
Thế nên một viên ngọc như ý
Không phải là ví dụ có giá trị về Bồ Đề Tâm.

314.

Đúng là con voi khổng lồ thu hút những con voi khác,
Và giàu sang lôi cuốn giàu sang,
Nhưng Bồ Đề Tâm thu hút tất cả những gì rục rở
Trong thế giới này và trong trạng thái tịch tĩnh.

315.

Chưa có Bồ Đề Tâm
Mà lại cảm thấy mình là người theo Đại thừa,
Thì không khác gì đã đánh mất toàn bộ của cải
Mà nghĩ rằng mình vẫn đang được giàu sang.

316.

Ai người không yêu chuộng ánh mắt của Bồ Đề Tâm
[Bình đẳng] đối nhìn mỗi một chúng sanh,
Dù là kẻ cao, người thấp hay hạng bình phàm,
Như ánh mắt của người mẹ hiền đối với đứa con
thơ dại?

317.

Có những vị trời được tuyên bố như là những bậc
tối cao –
Phạm Thiên, Tỳ Thấp Nô, và Đế Thích –
Nhưng họ có Bồ Đề Tâm,
Cội nguồn của mọi lợi lạc và hạnh phúc hay chăng?

318.

Khi nhìn thấy Bồ Đề Tâm vô thượng,
Chư Phật và chư Bồ Tát đều hoan hỷ,
Nên vàng trắng kiêu hãnh luôn cho rằng mình mang
niềm vui đến tất cả
Phải vội vàng băng ngang bầu trời.

319.

Giống như mặt trăng, long não, và trầm hương trắng,
Cùng hiện ra tại một nơi nhất định,
Bồ Đề Tâm làm mát dịu tất cả,
Vì xóa tan được niềm đau của cảm xúc ưu phiền.

320.

Nước cam lồ của Bồ Đề Tâm
Nhỏ từng giọt trong cổ của mỗi chúng sanh,
Tạo được niềm hoan hỷ nơi tâm,
Giống như [niềm hỷ lạc] đến từ nước cam lồ linh
thánh.

321.

Theo sự phân loại về Bồ Đề Tâm, có bốn hàng [Bồ Tát]:
Các vị vô cấu [không còn lỗi lầm], các vị thực hành công
hạnh [cứu độ],
Các vị đẳng giác – nhất sanh bồ xứ [chỉ còn đời này, đời
sau sẽ giác ngộ],
Và các vị tối hậu thân [thành Phật trong đời này].

322.

Ai người bám víu vào hương vị dục lạc
Của năm giác quan,
Sẽ gặp khó khăn ngay cả khi ước nguyện
Được nếm vị tối thượng của Bồ Đề Tâm.

323.

Khi so sánh mặt trăng tầm thường giữa bầu trời kia
Với mặt trăng của Bồ Đề Tâm,
Thì mặt trăng giữa trời kia là gì --
Một vầng tròn xinh đẹp của tình yêu
Với nét tội nghiệp khắc ghi trên khuôn mặt?⁴²

⁴² Theo nghĩa đen, đây là “với lòng bi ẩn trong hình dạng của một con nai như là một dấu vết.” Trong thơ văn Ấn Độ, mặt trăng thường được xem là “được đánh dấu bằng một con nai,” bởi vì các nhà thơ nghĩ rằng mặt trăng có in dấu hình dạng của một con nai.

324.

Thật ý nghĩa cho những ai
Có quyết tâm vững chắc muốn giải thoát tất cả mọi
ràng buộc,
Và đạt đến an lạc bất biến.
Hãy kiên trì giữ lấy Bồ Đề Tâm.

325

Nếu muốn là học giả, hãy học về Bồ Đề Tâm,
Nếu muốn là người cao quý, hãy học về Bồ Đề Tâm,
Nếu muốn là người tử tế, hãy học về Bồ Đề Tâm,
Nếu muốn đem lợi lạc đến cho người khác, hãy học
về Bồ Đề Tâm.

326.

Nếu bậc hộ trì (đấng giác ngộ) không mô tả trọn vẹn
[Tất cả] sự cao quý của Bồ Đề Tâm,
Thì làm sao người phàm trần, chư Thanh Văn, Phật
Độc Giác, và chư Thánh giả
Có thể diễn bày?

327.

Bồ Đề Tâm đem lợi lạc đến người thấp kém,
Bồ Đề Tâm đem lợi lạc đến người bình thường,
Bồ Đề Tâm đem lợi lạc đến người cao đẹp,
Chẳng phải Bồ Đề Tâm làm lợi lạc cho tất cả hay sao?

328.

Nếu một người có khả năng sống mà không cần thức ăn, ngoại trừ Bồ Đề Tâm,
Thì cần gì phải nói đến các khả năng tồn tại khác?⁴³
Như người đã nhìn thấy vàng trắng giữa trời,
Thì sá gì ánh trăng [phản chiếu] trên mặt nước mà cho là thật?

329.

Sự rục rỡ của hỷ lạc đến từ Bồ Đề Tâm thiên thực,
Giống như bầu mặt trời [nuốt chửng] con đom đóm,
[Nuốt cả] hạnh phúc thế tục của vị chuyển luân
Thánh vương, Đế Thích hay Phạm Thiên,
Cho dù là nhiều đến bao nhiêu chẳng nữa.

330.

Phấn hoa của Bồ Đề Tâm được tạo ra
Từ hoa sen ngàn cánh của từ bi,
Được tưới tắm bằng dòng sông yêu thương,
Tất nhiên sẽ lôi cuốn những chú ong nghệ may mắn.

⁴³ Theo nghĩa đen, “khả năng sống còn mà không cần thức ăn” hay “rút tủa tinh hoa” là một pháp thực hành du già mà người ta từ bỏ thức ăn và thay vào đó sống dựa vào một lượng thuốc linh đan đặc biệt, đôi khi được sử dụng dưới dạng những viên thuốc nhỏ xíu.

331.

Bởi vì chưa bao giờ, sẽ không bao giờ, và ngay cả bây giờ,
Lại có bậc giác ngộ nào không nương dựa Bồ Đề Tâm,
Cho nên, điều đúng đắn là phải luôn hướng đến Bồ Đề Tâm
Vớì lòng tôn kính.

332.

Nếu có ai tiêu diệt dòng sông,
Làm sao cá còn cơ hội để sống?
Nếu có ai tiêu diệt Bồ Đề Tâm,
Thì làm sao đạt được toàn giác ngay cả khi thực lòng mong muốn?

333.

Giống như điệu hát ngắt ngảy
Của sứ giả mùa xuân⁴⁴ làm vui tai người nghe,
Thì lời nói thắm đẫm Bồ Đề Tâm
Cũng mang hỷ lạc đến tai người.

⁴⁴ “Sứ giả mùa Xuân” là con chim cúc-cu.

334.

Thiện đức kết hợp với Bồ Đề Tâm ngày càng tăng trưởng
Cho đến khi đạt được toàn tri,
Như tuần trăng dần tròn,
Ngày càng tăng trưởng và viên mãn.

335.

Học giả sẽ ra sao nếu không có Bồ Đề Tâm?
Người cao quý sẽ ra sao nếu không có Bồ Đề Tâm?
Người tử tế sẽ ra sao nếu không có Bồ Đề Tâm?
[Chẳng là gì cả], do đó, hãy luôn trân quý sự sở hữu
Bồ Đề Tâm.

336.

Ai sẽ được đánh giá là được gia trì với nhiều phẩm
hạnh tốt lành
Nếu thiếu Bồ Đề Tâm?
[Ví như] ai sẽ đánh giá cao thân hình và khuôn mặt
đẹp đẽ của họ,
Nếu có điều gì khiếm khuyết nơi đôi mắt?

337.

Thực hành Bồ Đề Tâm tương đối tối thượng
Là hoán chuyển ta – người và nhiều điều khác nữa.
Thực hành Bồ Đề Tâm rất ráo tối thượng
Là thiền về tánh không.

338.

Khi đi, hãy đi với Bồ Đề Tâm,
Khi ngồi, hãy ngồi với Bồ Đề Tâm,
Khi đứng, hãy đứng với Bồ Đề Tâm,
Khi ngủ, hãy ngủ với Bồ Đề Tâm.

339.

Khi nhìn, hãy nhìn với Bồ Đề Tâm,
Khi ăn, hãy ăn với Bồ Đề Tâm,
Khi nói, hãy nói với Bồ Đề Tâm,
Khi suy nghĩ, hãy suy nghĩ với Bồ Đề Tâm.

340.

Nếu bên trong ta đánh mất Bồ Đề Tâm,
Thì ích lợi gì khi [bên ngoài] ta cư xử tốt đẹp?
Nếu bên trong ta đánh mất Bồ Đề Tâm,
Thì ích lợi gì khi ta tuôn tràn kinh điển và luận lý?

341.

Như con voi bị mặt trời thiêu đốt,
Đang bước xuống hồ sen,
Những ai với sự phong phú về tâm linh,
Cũng sẽ tự nhiên chìm mình trong biển lớn Bồ Đề
Tâm.

342.

Ai có thể xác nhận được phạm vi
Đo lường được sự thiện lành của Bồ Đề Tâm?
Tựa như đo lường không gian bằng một cây thước,
Hay cân đong đại dương bằng một cái ly.

343.

Đối với chư vị thánh giả,
Sở hữu được Bồ Đề Tâm toàn hảo,
Dẫu khi vui hoặc ngay cả lúc buồn,
Họ cũng không hề biến đổi.

344.

Điều hay nhất để lắng nghe là Bồ Đề Tâm,
Điều hay nhất để diễn bày là Bồ Đề Tâm,
Điều hay nhất để ngắm nhìn là Bồ Đề Tâm,
Điều hay nhất để thiền quán là Bồ Đề Tâm.

345.

Cái gì buông bỏ được mà chẳng buông bỏ với Bồ Đề Tâm?
Cái gì thành đạt được mà chẳng thành đạt với Bồ
Đề Tâm?
Cái gì lợi lạc được cho người mà chẳng làm được
với Bồ Đề Tâm?
Cái gì lợi lạc được bản thân mà chẳng làm được với
Bồ Đề Tâm?

346.

Bồ Đề Tâm thúc đẩy người bước tới,
Đạt được cảnh giới giác ngộ hoàn toàn,
Giống như thiện nghiệp thúc đẩy
Một số chúng sanh tới các cõi tái sanh cao.

347.

Chư Phật và chư Bồ Tát nhiều lần xưng tán Bồ Đề Tâm,
Vì thế, ai người mong muốn điều tốt lành xảy đến,
Phải luôn trì giữ Bồ Đề Tâm,
Không một lần nghi ngại.

348.

Nhận thấy bản thân và vô lượng chúng sanh
Đều muốn hạnh phúc và không muốn đau khổ,
Với sự tỉnh giác rằng ta và người bình đẳng,
Hãy luôn thiền quán về Bồ Đề Tâm.

349.

Hãy quên đi việc thành tựu vì mục đích ích kỷ cá nhân,
Và nhiệt thành thực hiện vì mục đích của người khác,
Cố gắng kết hợp dòng tâm thức với Bồ Đề Tâm,
Trân quý người khác nhiều hơn bản thân mình.

350.

Suy nghĩ với Bồ Đề Tâm rằng [chúng sanh]
Thầy đều như cha mẹ, vợ con, quyến thuộc,
Trong mọi trường hợp, hãy thấm đẫm
Ý hướng giúp đỡ họ, với bản tâm tràn đầy hoan hỷ.

351.

Một người cao cả với Bồ Đề Tâm trọn vẹn,
Thì làm gì người ấy
Lại có giây phút nào hăm hở
Ôm chấp ngã ái – chẳng khác chi thuốc độc?

352.

Thiền quán về Bồ Đề Tâm tương đối tối thượng
Bằng phương tiện hoán chuyển ta - người và
nhiều điều khác nữa.

Thiền quán về Bồ Đề Tâm rất ráo tối thượng
Bằng phương tiện của trí huệ, xa lìa cực đoan và
vân vân...

353.

Cho dù có bao phẩm chất tốt lành,
Được miêu tả bởi những người khéo ngôn từ,
Vẫn không thể tìm được chỗ để ganh đua
Ngay cả với một phần nhỏ bé của Bồ Đề Tâm.

354.

Vì Bồ Đề Tâm là nguyên nhân giúp người
Đạt được giai đoạn vô song,
Không trụ nơi cực đoan của luân hồi và niết bàn.
Này các bạn của tôi ơi,
Sẽ thật tốt lành để đánh giá cao về Bồ Đề Tâm.

355.

Tôi đã diễn bày phương cách thực hành Bồ Đề Tâm,
Để làm thuần thục chính tâm mình.
Nếu có điều nào sai lầm [về các kiến giải],
Đối trước chư Phật và chư Bồ Tát, nguyện xin sám
hối.

356.

Bất kỳ điều tốt lành nào đến từ bản văn khiêm tốn này,
Đều lấy Bồ Đề Tâm tối thượng làm điểm khởi hành.
Nguyện cho Bồ Đề Tâm khởi phát trong dòng
tâm thức
Của chúng sanh mẹ hiền nhiều ngang bằng không
gian vô biên.



Ngọn Đèn Quý Báu: Xưng Tán Bồ Đề Tâm

Do Lama Tenzin Gyaltsen sáng tác tại Varanasi – Ba La Nại, Ấn Độ. [Lama Tenzin Gyalsten được biết nhiều hơn với tên danh dự Khunu Rinpoche -- “Người cao quý ở vùng Kinnaur” -- hoặc Negi Lama]

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC CỦA DỊCH GIẢ

(từ tiếng Tây Tạng sang tiếng Anh)

Sanh ra ở một nơi không có bầu mặt trời vàng chói này, một người đàn ông như tôi đã có thể tìm ra con đường đưa đến an lạc bất chấp mọi niệ́m tuởng.

Đó có thể là do toàn bộ công trình của Khunu Rinpoche và những người bạn toàn hảo của tôi.

Xin nguyện cầu cho tất cả thiện đức có được từ công việc này được đặt vào con tàu Bồ Đề Tâm để sớm nhổ neo đi khắp cùng thế giới và đổ bến trong tim mọi người.

Thubten Thardo chuyển ngữ với sự giải thích của Lobsang Gyatso về các thi kệ khó hiểu tại Dharamsala, Ấn Độ vào năm 1993, nhờ vào sự khuyến khích của Wendy Finster và Patricia Donnelly. Sara McClintock, John Dunne và Samten Chopel duyệt xét, hiệu đính và chú thích vào năm 1997.

Thubten Thardo (Gareth Sparham)

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC CỦA DỊCH GIẢ

(từ tiếng Anh sang tiếng Việt)

Kính xin nguyện hồi hướng tất cả công đức, nếu có được, cho vạn loại chúng sanh trên nẻo về an lạc và giác ngộ.

Mai Tuyết Ánh

Bồ đề tâm vương,
Tâm tối thượng,
Tâm vô cùng trân quý,
Nơi tâm ấy chưa sanh,
xin cho tâm ấy nầy sanh.
Nơi tâm ấy đã sanh,
xin cho tâm ấy đừng bao giờ thối chuyển,
Mà vĩnh viễn mỗi ngày mỗi vược lên,
vược lên cao hơn.



Nguyện hồi hướng đến quả vị giác ngộ của toàn thể chúng sanh.

Người đọc có thể liên lạc với dịch giả qua email:

maituyetanh27@gmail.com

Quiet Wisdom Translation Project – Viet Nalanda Foundation

Trang nhà: www.vietnalanda.org

Email: quietwisdomtranslation@gmail.com

Viet Nalanda Foundation (trước đây còn có tên là *Viet Vajra Foundation*) là một tổ chức bất vụ lợi 501(c)3 được thành lập vào năm 2006 tại Maryland, Hoa Kỳ để tạo nhịp cầu giữa những Phật tử người Việt có duyên với Kim Cương Thừa trên khắp thế giới. Viet Nalanda Foundation cổ xúy tinh thần bất bộ phái, và tôn trọng chư Đạo Sư cùng các Giáo Pháp đặc thù của tất cả bốn dòng truyền thừa của Phật Giáo Tây Tạng bao gồm Nyingma, Sakya, Kagyu và Gelug.

Vào năm 2016, Dự Án Dịch Thuật *Quiet Wisdom Translation Project* đã được *Viet Nalanda Foundation* khởi xướng để trân trọng ủng hộ và tài trợ các dịch giả người Việt trong sứ mạng chuyển Việt ngữ các tài liệu, kinh sách Phật Giáo, đặc biệt là Phật Giáo Tây Tạng, ngõ hầu có thể chia sẻ chánh pháp với những ai hữu duyên. Với tâm nguyện chân thành, Dự Án đặc biệt khuyến khích các dịch giả trẻ hãy tìm hiểu và phát tâm tham gia.

Trang nhà *Viet Nalanda Foundation* (VNF):

<http://www.vietnalanda.org>

Dự Án Dịch Thuật *Quiet Wisdom Translation Project* (QWTP):

<http://www.vietnalanda.org/dhe-an/dich-thuat-quiet-wisdom>

Diễn đàn *Viet Nalanda*:

https://groups.yahoo.com/neo/groups/Viet_Nalanda

Liên lạc điện thư:

vietnalanda@ymail.com hoặc quietwisdomtranslation@gmail.com

“Dịch thuật là một cuộc hành trình xuyên qua một đại dương, từ bờ này qua đến bờ kia.” (Amara Lakhou)

Nguyện cho Dự Án Dịch Thuật *Quiet Wisdom Translation Project* có thể đồng hành cùng người dịch lẫn người đọc trong những cuộc hành trình xuyên qua biển lớn tâm linh.

PHƯƠNG DANH ẨM TỔNG

2015

Quyên Vuong	100 USD	Phong Tu Anh - Ung Anh	20 USD
Hong Van Wei	100 USD	Tran Van Lan	15 USD
Ẩn danh	10 USD	Ngo Thi Dinh -	
Thien Tran	50 USD	Mau Thi Vinh	25 USD
Thuy Do	50 USD	Quan Toan	25 USD
Christine Bui	20 USD	Quan Phuong	25 USD
John Cook	20 USD	Thuy Ho	100 USD
Ẩn danh	4 USD	Thuy Huynh	50 USD
Nguyen Thi Mai	20 USD	Chan Hy Lac	30 USD
Tu Kim Thanh	26 USD	Amy Lu Roger	30 USD
Nguyen Minh Thu	50 USD	Thanh Nguyen (SJ)	200 USD
Tam Hoa	50 USD	Tina Bui (TX)	200 USD
Vo Hue Nguyen	200 USD	Ẩn danh	307 USD
Alice Thuy Hang	100 USD	Luu Viet Hoang (VN)	58 USD
Nhi Nguyen	100 USD	Tam Chau	20 USD
Tan D. Bui (TX)	100 USD	Dieu Quy -	
Phung Dong	100 USD	Nguyen Hoang Diep	50 USD
Chan Hy Lac	50 USD	Nguyen Q. Huu	25 USD
Tran Ngoc Vinh Hien		Tich Nguyen	50 USD
Angel (Quan Ngoc)	50 USD	Le Bang - Thanh Ho	200 USD
Tran Nguyen Quy Hien		Bui Duy Tan (TX)	157 USD
Alexander Nicholas	50 USD	Ẩn danh	95 USD
Hoa Vu	100 USD	Ẩn danh (SJ)	146 USD
Nhat Thanh	200 USD	Trang Thu Duong	30 USD
Ong Ba Tam Dao & Tam Cuc	50 USD	Ẩn danh (SJ)	148 USD
		Thich Tu Tri (TX)	100 USD

2016

Ẩn danh	15 USD	To Bao Doan -	
Lam Son Nguyen	97.50 USD	Dang Thuy Trang	50 USD
Doan Tu Le	40 USD	Tran Van Hao - Le Loan	50 USD
Tho N. Luu	50 USD	Ma Ngoc Suong	100 USD
Gladys Truong	35 USD	Truc Huyen	25 USD
Huyen Christy Nguyen	50 USD	Kim Nguyen	100 USD
Khanh Nguyen	100 USD	Chi Huong	20 USD
Khanh Nguyen	216.59 USD	P/T Dieu Hanh	50 USD
Trinh Quoc Trung	50 USD	P/T Dieu Linh (Le T. Phuong)	10 USD
Nancy	100 USD	Nguyen Ngoc Suong	50 USD

Dinh Thu Ha (Dolma)	50 USD	Ăn danh	50 USD
P/T Dieu Duoc		P/T Nguyen	35 USD
(Ngu Tuyen Phuong)	5 USD	Friends from Canada	441.40 USD
P/T Dieu Xuan (Cam Tu)	5 USD		

2017

Thuy Hang Le	36 USD	Ani Dechen Hoang Phap	200 USD
P/T Dieu Lien	50 USD	Ăn danh	40 USD
Hang Nghiem	20 USD	Hung, Vong, Alex, Quy	250 USD

2018

(Tính cho đến tháng 11/2018)

Charles Ho (France)	1,200 USD	Gia đình Ông Chu Quốc Việt, Bà Đỗ Thị Hợp và các cháu Chu Xuân Bách,	
<i>Hồi hương cho hương linh hiền thê Trần Thị Phụng Giao</i>		Chu Hoàng Nam	13.000.000 VND
Tho Phạm	30 USD	Trương Chí Trung	500.000 VND
Nguyễn Thị Ngọc Diệp (VN)	1,000 USD	Trúc Mai	300.000 VND
Gia đình Hà Tiên, Sydney	200 AUS	Nguyễn Thuýên	410.000 VND
<i>Hồi hương công đức cho mẹ Pt. Giác Phước</i>		Sano	100.000 VND
Chị Lang/ Diêu Tâm/ Sydney	100 AUS	Nguyễn Du Yến Nhi	200.000 VND
Cao Thanh Dung (Úc)	200 AUS	Võ Văn Hậu	200.000 VND
Mai Tuyết Ánh (Úc)	2,000 AUS	Nguyễn Thị Huấn	1.000.000 VND
Nguyễn Thanh Bình	7.300.000 VND	Trần Thị Tuyết	100.000 VND
Bảo Chân - Nha trang	1.000.000 VND	Nguyễn Thuý Phương	450.000 VND
Bùi Thanh Sơn	3,585,000 VND	Khôi – Thịnh	70.000 VND
Đỗ Thị Minh Anh	2,953,000 VND	Lưu Việt Hoàng và các bạn	5.000.000 VND
Phan Bích Hồng	1.800.000 VND	Nguyễn thị Xuân	150.000 VND
Cửa hàng		Trần Cẩm Minh	200.000 VND
Lan Nhã Hạnh	4.500.000 VND	Đặng Vũ Anh Quân	500.000 VND
Phan Thái Hồng	550.000 VND	Phùng Thị Lượng và các bạn	1.000.000 VND
NKJ store	160.000 VND	Khổng Thụy Yến Vỹ	3.000.000 VND
Diệu Trí - Sinh Bùi	125.000 VND	Trung tâm DAC	600.000 VND
Hồ Đắc Quỳnh Như	300.000 VND	Nguyễn Minh Ngọc	1.000.000 VND
Cao Minh Thiện Tuệ	2.350.000 VND	Trần Lê Sơn Ý	200.000 VND
Loan – Tiên	225.000 VND		
Lê Thị Giàu	1.000.000 VND		
<i>Hồi hương cho hương linh</i>			
<i>Lý Minh Phương</i>	500.000 VND		

**BAO LA NHƯ BẦU TRỜI
THÂM SÂU NHƯ BIỂN CẢ**

Thi Kệ Xưng Tán Bồ Đề Tâm
Khunu Rinpoche

Thiết kế bìa dựa trên phiên bản Tiếng Anh:
NGÔ THANH TRANG

Kiểm duyệt bản in:
LƯU VIỆT HOÀNG
KONCHOG DEKYI

Phụ trách ấn loát và phát hành:
KONCHOG DEKYI

Ấn tổng: 6.000 quyển

Ấn bản đầu tiên tháng 12/2018



Dự Án Dịch Thuật Tuệ Tĩnh
Quiet Wisdom Translation Project
Viet Nalanda Foundation
www.vietnalanda.org

SÁCH ẤN TỔNG 2018
Quiet Wisdom Translation Project
Viet Nalanda Foundation

- ISBN: 978-1-937175-08-5
Buddha at Bedtime
(*Dharmachari Nagaraja*)
CHUYỆN CỔ TÍCH CỦA ĐỨC PHẬT
(*Truyện kể trước giờ đi ngủ*)
- ISBN: 978-1-937175-09-2
From the Heart of Tibet
(*Tiểu sử Đức Chetsang Rinpoche- Elmar R. Gruber*)
ĐẾN TỪ GIỮA LÒNG TÂY TẠNG
- ISBN: 978-1-937175-11-5
Are You Ready for Happiness?
(*Khenpo Tsultrim Lodro*)
BẠN ĐÃ SẴN SÀNG ĐỂ ĐÓN NHẬN HẠNH PHÚC CHƯA?
- ISBN 978-1-937175-10-8
Right View
(*Khenpo Tsultrim Lodro*)
TRI KIẾN ĐÚNG ĐẮN: BIẾN NGƯỜI TIN THÀNH BỒ TÁT
- ISBN: 978-1-937175-12-2
Vast as the Heavens, Deep as the Sea
(*Khunu Rinpoche*)
BAO LA NHƯ BẦU TRỜI, THẨM SÂU NHƯ BIỂN CẢ